金雲翹傳

POÈME

KIM, VÂN, KIỀU

TRUYỆN

TRANSCRIT POUR LA PREMIÈRE FOIS EN QUỐC-NGỮ
& DES NOTES EXPLICATIVES, ET PRÉCÉDÉ D'UN RÉSUMÉ
SUCCINCT DU SUJET EN PROSE

P. J.-B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ

AUGMENTÉ ET ILLUSTRÉ

士載
張永記

3e ÉDITION

3e ÉDITION

Illustrations de NGUYỄN-HỮU-NHIỀU

PRIX : 2$00

SAIGON
F.-H. SCHNEIDER, ÉDITEUR
1911

AVANT-PROPOS

Le poème que nous publions en quốc-ngữ, est celui qui est dans la bouche de tous les Annamites, hommes comme femmes, garçons comme filles. Il est le plus estimé, le plus goûté des lettrés, des illettrés et même des femmes, à cause de la morale qu'il renferme, si bien expliquée, si heureusement présentée sous tous les rapports, si justement appropriée à toutes les circonstances de la vie humaine. Est-on chagriné, on y puise des consolations ; est-on au comble de ses vœux, on y trouve l'image de son bonheur peinte avec des couleurs si vives, qu'on en ressent doublement le prix.

Les maximes, les locutions exquises, les expressions sentimentales y abondent ; les principes généraux et particuliers de la vie sociale y sont nettement et clairement exposés. S'agit-il des vicissitudes de la vie humaine ? On y voit une description merveilleuse de ce labyrinthe de l'existence.

L'effet moral de ce poème s'exerce sur toutes les classes et dans toutes les conditions des hommes. C'est là son mérite fondamental, appuyé d'ailleurs de tout le poids de l'instruction, de l'expérience et du talent de l'auteur, homme très versé dans la littérature annamite, second père, on peut le dire, de la langue vulgaire versifiée.

Nguyễn-Du, ce poète éminent, fut Hữu-tham-tri du ministère des rites. Son père était le grand

prince (Đại-vương) Nghiễm, du temps de la dynastie de Lê. Il composa son poème sous le règne de Gia-long, premier empereur de la dynastie actuelle (Nguyễn) et il conquit d'un seul coup les suffrages du souverain et de la cour.

L'autorité et l'approbation des hommes de lettres sanctionnèrent son ouvrage comme le chef-d'œuvre de la poésie en langue annamite parlée.

Nous avons mis toute notre attention à en faire une transcription rigoureuse, et l'orthographe précise que nous avons observée dans les accents comme dans les finales des mots, pourra profiter, nous l'espérons, à ceux qui poursuivent l'étude et la connaissance du quốc-ngữ, cette forme du langage écrit, nouvelle encore bien que comptant plus de deux siècles et demi d'existence et destinée à faire marcher rapidement ceux qui s'y adonneront, dans la voie des connaissances humaines.

Remarquons encore ici qu'il est bien regrettable de voir aujourd'hui des innovations futiles et même compliquées faites par suite de caprices de certains auteurs de livres publiés en quốc-ngữ, qui ne produisent que les sons faux ou affectés (1) et la pro-

---

(1) L'affectation des sons *ch* pour *tr*; *x* pour *s* provient primitivement des femmes de Chợlớn collées aux Chinois, qui venaient en jonques une ou deux fois par an en y apportant des marchandises du Nord. Les Annamites leur louent des magasins construits en briques (tàu-khậu) à Chợlớn : pied-à-terre ou lieux de réunion des marchands chinois. Comme ceux-ci ne peuvent prononcer certaines lettres consonnes, prononcent, par exemple, le *d* comme *l*, ou *l*; l'*r* comme *gi*; et *tr* comme *ch*... Pour faciliter l'intelligence de mots difficiles

nonciation vicieuse locale, au détriment de la vraie orthographe véritablement et homogénément annamite ; qu'il en est de même pour les langues laotiennes du haut et du bas Laos, qui sont d'origine siamoise. Pourquoi ne veut-on pas adopter le quốc-ngữ siamois sanctionné déjà par l'usage et par des publications sérieuses ? Comme pour le cambodgien, il existe un quốc-ngữ consacré à lui, déjà fixé par l'usage et par des publications dans cette langue. Pourquoi veut-on inventer un autre système aussi conventionnel que celui qui existe ?

Revenons à notre quốc-ngữ. Dans le poème populaire du Kim, Vân, Kiều transcrit et publié dernièrement à Hànội, on adopte *par simplification*, en confondant comme orthographe, pour les consonnes *ch* et *tr*, une seule et même consonne *ch* ; pour les *d*, *gi*, et *r* celle du *d*, non barré, et pour *s* et *x*, celle de l' *s*,

Je demande comment on peut distinguer les mots, en les écrivant suivant la *simplification* innovée, des phrases suivantes ?

à prononcer à leurs amants, ces femmes affectent la prononciation chinoise ; ainsi, elles disent *chái cháu* pour *trái trám* ; *lậu* ou *lậu phộng giang* pour *đậu phộng rang* ; *li lâu* pour *đi đâu*......Par suite du temps, on croyait, comme c'était nouveau, que ces faux sons étaient meilleurs ou plutôt plus agréables à l'oreille et plus à la mode.

Cela se répandait chez les femmes vulgaires et puis, peu à peu, chez certains hommes peu instruits ou illettrés.

Les relations commerciales entre Sàigòn et Hànội devenant de plus en plus actives et fréquentes, les gens de Hànội dans leurs rapports avec les gens venus de Sàigòn finirent par imiter et adopter cette prononciation affectée.

D. — pour *d*, *gi*, et *r*.

Di dạy dống di mà mầy di chậm di chậm dịt thế ?

Dầu nó dầu-dĩ dèn-siết di-da di-dít cũng *chẳng da di ?* ông *da* tôi lấy *da* cây *da*, *da* cây *dà da* vị làm thuốc *dã dượu* để *dành*, người-ta *dộn-dực dành* nhau mà mua.

Cò di duột dúp dống di mà sợ ?

Ch — pour *ch* et *tr*.

Chàng chòn chong chung tuần.

Che chôi chong chòm *che* cho *chau chầu* ngồi *chơi*,

Cho *chọn chữ* thì *chung* phải *chọn chồng* cho *chung* tin.

S. — pour et *x*.

Sao đứa *sinh da chước sem sinh-dẹp sởn-sơ sạch-sẽ*, đứa *sinh sau sao sấu-sa dơ-dáy ?*

Sậy sa sụp suống sòng sâu chôi càng *sa* càng *siêu dần-dần sụt suống* mất di.

Cette confusion devenant *simplification* compliquée nuit à la vraie prononciation annamite et crée aux Européens de nouvelles difficultés. Je défie n'importe quel Annamite de l'Annam et de la Cochinchine de pouvoir les lire suivant la vraie prononciation et la vraie orthographe, à plus forte raison un Européen. Voici l'orthographe exacte des phrases ci-dessus citées :

D, gi, r.

Di dạy giống gì mà mầy đi *chậm rì chậm rịt* thể ấy.
Dầu nó rần-rĩ rèn siết ri-ra ri-rit cũng chẳng *ra-gì*.
Ông *da* tôi lấy *da* cây *da*, *da* cây *dà gia* vị làm thuốc *dã rượu* để *dánh* người-ta *rộn rực giành* nhau mà mua.
Cò *di ruột giùp giống gì* mà *sợ*?

Ch, tr.

Trang tròn trong trung tuần. *Che chòi trong chòm tre cho chăn trâu* ngồi chơi.
Cho trọn chữ thì *chung* phải *chọn chồng cho* trung *tín*.

S.

Sao dừa *sinh ra trước xem xinh* dẹp *sồn-sơ sạch-sẽ*, dừa *sinh sau xem sao xấu-xa dơ-dáy*?
Sậy sa sụp xuống sông sâu trôi càng xa càng *xiên dần-dần* (lần-lần) *sụt xuống* mất đi.

Que chacun les prononce à sa fantaisie et suivant sa prononciation locale, en respectant la vraie orthographe. Ecrits et prononcés ainsi, ces mots sont tous parfaitement compris par les Tonkinois de n'importe quelle province du Tonkin. Donc, c'est bien là la vraie orthographe.

— ——

Sách nầy là sách ông Nguyễn-Du, hữu tham tri bộ lễ, làm ra; sách nầy đặt hay hơn hết các sách. (Lấy coi trong tựa tiếng langsa

TÍCH TÚY-KIỀU

Đời *Gia-tĩnh* nhà *Minh*, có họ *Vương* làm quan viên-ngoại, sinh được ba đứa con, con út trai là *Vương-quan*, con đầu lòng hai đứa gái là *Túy-Kiều* vuối *Túy-Vân*, hai gã nhan sắc đẹp-đẽ xinh-tốt quá chừng, lại thêm học-hành thông-minh, lịch-sự đủ đều, cầm, kỳ, thi họa chẳng thua ai.

Lúc ấy nhằm tiết tháng ba, người-ta hay đi tảo mộ. Ba chị em mới rủ nhau đi chơi xuân, đi qua khỏi suối, *Túy-kiều* thấy cái mồ con *Đạm-tiên*, không ai giẫy cỏ, không ai viếng-thăm, thì nghĩ lại cái điều hồng-nhan bạc phận mà khóc, hồn *Đạm-tiên* về hỏa thơ vuối *Túy-kiều*. Vừa chiều tối, ba chị em dắc nhau ra về, gặp *Kim-trọng* là bạn học với *Vương-quan*, chào hỏi chuyện-vãn, hai chị em lạ khép-nép giấu mặt.

Về nhà *Túy-kiều* đêm nằm trằn-trọc, chiêm-bao thấy *Đạm tiên* về nói chuyện về nỗi đoạn trường đến sau. *Túy-kiều* vùng khóc lên, mẹ nghe được hỏi làm sao vậy, thì nó nói chuyện chiêm-bao lại cho mẹ nó nghe. Thì mẹ nó la nó, biểu nó đừng có tin chiêm-bao mộng-mị, có thật vào đâu.

Còn chàng *Kim-trọng* từ khi gặp mặt *Túy-kiều* về cứ tưởng nhớ luôn-luôn, nên chạy tới chỗ gặp khi trước, thì lại càng không thấy người, lại càng thương nhớ lắm: Cuốn gói đi thẳng qua *Lam-kiều* tìm nhà *Túy-kiều*. Tới đó thấy tòa nhà cao lớn, mà

xung-quanh có xây tường kín di hết. Ngó thấy đàng sau có cái nhà, mới hỏi mướn dặng có ở mà học.

Đem đờn dem sách tới, dọn ở đó dã hơn hai tháng mà không gặp mặt *Túy-kiều.*

Bữa ấy *Túy-kiều* ra dạo vườn hoa chơi dưới gốc cây dào, anh ta nghe hơi có nó ra, thì chạy ra, trèo vách dòm vô. Con kia nghe dộng dã tuốt vô dóng cửa lại rồi. Ngó quanh ngó quất thấy cây trâm giắt nơi nhánh dào, liền với tay lấy trâm cầm về. Sáng ngày ra *Túy-kiều* dậy chải-gỡ biết mất trâm mới ra mới kiếm.

Bên nầy anh ta mới lên tiếng hỏi ai có mất trâm hay không? *Túy-kiều* thưa, ai có được thì xin cho lại. Anh ta chạy vô lấy thêm hai chiếc xuyến vàng gói vô cái khăn lụa, ra, leo lên, mới tỏ sự-tình với *Túy-kiều.* Con *Kiều* nói, sự dựng vợ gả chồng là tại cha mẹ, mình còn thơ ấu dám biết dâu. *Kim-trọng* nầy-nỉ gắn-vó xin cho một tiếng cho chắc rằng chịu thì thôi. *Kiều* liền chịu, giao trâm, khăn, xuyến, quạt rồi ai về nhà nấy.

Cách ít bữa tới ngày ăn lễ sanh-nhựt ông ngoại *Túy-kiều,* cả hai ông bà và hai em *Túy-kiều,* dều di, để chị va ở nhà coi nhà. Chị ta ở nhà một mình thong-thả, deo dồ vào, dánh áo dánh quần, dóng cửa, ra phía sau, tuốt qua nhà *Kim-trọng.* Leo qua gặp *Kim-trọng* dắc vào nhà, ở dó trò-chuyện, làm thơ, làm phú, đánh đờn đánh địch, thề nguyền với nhau cho một ngày một đêm; khuya lại *Kim-trọng* muốn sáp việc, mà va không cho. Sáng ra từ-giã trở về. *Kim-trọng* được thơ nói chú chết, nên lo về chịu tang. Con *Kiều* về, thì kế lấy cha mẹ nó về. Rủi dân việc chi không biết, quan quân tới bắt cha nó.

lịch-phong nhà cũa hết. *Túy-kiều* thương cha, nên lo đi bán mình mà chuộc cha. *Mã-giám-sanh* là tay ngoài mụ *Tú-bà* làm tàu-kè, mua lấy nó.

Đem nó về lầu xanh, nó không chịu làm dĩ, nó lấy dao cắt cổ, tức mình vì tưởng mua về làm vợ, ai hay mua về bắt làm dĩ, thấy vậy mới dỗ nó, thôi thì ở đó, chờ có ai muốn thì gả nó lấy vốn lại.

Thúc-sanh tới luôn bàn, đi chơi đó gặp *Túy-kiều* ưng ý liền chuộc lấy, đem về làm vợ. Cha *Thúc-sanh* la-dức con sao có cưới đồ dĩ làm gì. *Thúc-sanh* không chịu bỏ, thì *Thúc-ông* là cha va, đi tới phủ đường mà thưa. Ông phủ tra hỏi rồi đem *Kiều* ra đánh đòn. *Thúc-sanh* dau lòng đứng thút-thít khóc, quan hỏi, bẩm nói nó là đứa có tài nên tiếc. Quan mới dạy nó làm thơ, đánh đờn mà coi. Hẳn nó là gái có tài lại có nhan sắc, nên quan phủ khuyên cha *Thúc-sanh* biểu cho nó lấy nhau. Từ ấy về sau cha con hòa-hiệp, lại càng đem lòng thương *Túy-kiều*.

Con *Kiều* là đứa biết điều, biết *Thúc-sanh* có vợ lớn ở bên nhà, nên năng nói biểu về mà nói cho vợ chính hay kẻo sau rầy-rà khó-lòng. Mà *Thúc-sanh* về thì về chớ giấu không cho con *Hoạn-thơ* là vợ chính biết. Trong nố bạn-bè có thằng *Ưng* với thằng *Khuyển* về mét thót với *Hoạn-thơ*. Con *Hoạn-thơ* nổi máu ghen, cho quân ấy qua lén đốt nhà, bắt con *Túy-kiều* đem về giao cho mẹ nó hành-hạ dày-dọa.

Lúc cháy nhà, thì quân bạn vớt xác chết trôi ném vào đó để làm tang. *Thúc-sanh* khi ấy đi khỏi. Cha va ở nhà chạy qua thấy nhà cháy tan-hoang, lại có gặp xương nên tưởng *Túy-kiều* đã bị chết thiêu

rồi. *Thúc-sanh* về nghe nói lại râu-ri khóc-lóc. Mới mướn thầy pháp đánh đồng thiếp mà kiếm *Túy-kiều*. Thì thiếp nói nó còn sống, không có chết : Một năm nữa sẽ thấy nhau mà không dám nhìn. *Thúc-sanh* không tin mắng thầy nói bậy.

Bên kia bà mẹ *Hoạn-thơ* hành con *Kiều* cho đến, rồi lại giao về cho con *Hoạn-thơ*.

Thúc-sanh về thì con *Hoạn-thơ* bắt nó ra lạy mừng thay, bắt hầu-hạ đó. *Thúc-sanh* thấy biết mà không dám nhìn. Sau thấy dày-dọa quá tội-nghiệp thì nói với *Hoạn-thơ* biểu nới tay, dưng có hành-hạ quá mà thất đức, thì *Hoạn-thơ* mới cho ra ở giữ chùa *Quan-âm-các*.

Cách it bữa, *Hoạn-thơ* giả đò về thăm mẹ, mà trả núp rình coi; mới thay *Thúc-sanh* vô chua nói chuyện voi *Túy-kiêu*. Vợ hoi di dâu vậy, thi nói di coi người viet kinh, chữ viết tột lam. Hai vợ chồng đem nhau về, de con đòi ở lại đó. *Kiêu* hỏi thi biét nó với *Hoạn-thơ* dã rinh nghe ngoài vách, nên tinh bề trốn di. Mà sợ bơ-vơ dói biết lấy chi mà ăn, nen an-cap cái chuông vàng với cái khánh bạc, khuya nhay vách ra di. Sáng ra tới chùa *Giác-duyên*, vô đó nói minh *Bắc-kinh*, sư-trưởng sai đem chuông khánh cung, thì bà *Giác-duyên* biểu ở đó mà chờ sư-trưởng qua.

It lau có người ở am *Hoạn-thơ* qua chơi thấy chuông vàng, khánh bạc mới nói bên am ấy có mat do đó. Tôi lại ba *Giác-duyên* tra *Túy-kiêu*, thì *Túy-kiêu* nói thiệt ra. Biểu lo mà trốn đi, thì lại gởi cho bà *Bạc-bà* lãnh về, đem gả cho cháu tên là *Bạc-hạnh*. *Bạc-hạnh* đem về *Châu-thai* bán lại cho tàn-kẻ. Mà *Túy-Kiều*, cũng không chịu làm đĩ.

Sau *Từ-hải* tới đó chơi thích ý muốn chuộc nó đem về làm vợ. Dọn nhà cửa cho ở được nửa năm. Khi ấy *Từ-hải* tính đi làm giặc. *Kiều* xin đi theo, mà *Từ-hải* không cho, nói bận chơn, bận cẳng, khó lòng hãy ở lại nhà, nội trong một năm sẽ về rước. Thì thật một năm *Từ-hải* làm giặc được trở về rước. Khi ấy oai quờn lớn, anh-hùng nhứt xứ, làm lớn thiên hạ, *Túy-kiều* mới xin mà trả ân oán cho rồi.

Vậy sai quân đi mời *Thúc-sanh*, mụ già ở với mẹ con *Hoạn-thơ* với bà *Giác-duyên*; bắt *Tú-bà*, *Mã-giám-sanh*, con *Hoạn-thơ*, *Bạc-hạnh*, *Bạc-bà*, thằng *Ưng*, thằng *Khuyển*, đem về đền ơn trả oán.

Thúc-sanh thì cho một trăm cuốn gấm, một ngàn cân bạc;

Mụ già và bà *Giác-duyên* một trăm lượng vàng;
Hoạn-thơ thì nhiếc bỏ xó rồi tha về;
Còn bao nhiêu chém hết.
Rồi ra lạy tạ chồng vì nhờ chồng mà đền ơn trả oán được.

Túy-kiều cầm bà *Giác-duyên* lại chơi it lâu, vì ở còn chưa định sở, sợ sau khó gặp nhau, thì bà *Giác-duyên* nói: « Không hề gì; năm năm nữa gặp nhau tại sông *Tiền-đường*, ấy là lời bà *Giác-sư* nói tiên-tri. »

Lúc ấy Tráo sai ông *Hồ-tông-Hiến* ra đánh *Từ-hải* mà liệu thế đánh không lại, nên sai sứ đem lễ vật cho *Túy-kiều* với *Từ-hải*, khuyên ra hàng-đầu thú tội. *Từ-hải* dùng dằng không chịu đầu. *Túy-kiều* năn-nỉ nói thiệt hơn, biểu thì đầu đi cho được chữ trung chữ hiếu: Trước là được về gặp cha mẹ, sau là được trung với vua. *Từ-hải* bèn nghe lời bỏ giáo hàng-đầu.

Túy-kiều cho tin cho *Hồ-tông-Hiến* đem quân-gia ra rước, chẳng ngờ dạy quân bắn *Từ-hải* di. *Từ-hải* chết mà không ngã. Quân về nói lại với *Túy-kiều*. *Túy-kiều* ra khóc-lóc nói là tại mình cho nên chồng mới chết làm-vậy, thì xác té xuống. Quân bắt *Túy-kiều* đem vô, *Hồ-tông-Hiến* hỏi *Túy-kiều* muốn xin di-gi với Triều-đình vì công dã giúp lời cho *Từ-hải* ra đầu. *Túy-kiều* bẩm không có công gì, một xin xác *Từ-hải* đem về chôn.

Hồ-tông-Hiến mở tiệc đãi quan quân tướng sĩ, đem *Túy-kiều* về chơi một đêm. Sáng ngày ra tỉnh rượu mới giựt mình sợ e mình lấy vợ giặc có tội với Triều đình, nên đem gã cho thổ-quan đất ấy.

Thổ-quan đem kiệu rước về đem xuống tàu dậu nơi sông *Tiền-đường*. Nghe sóng gió ầm-ầm, hỏi quân ở đó là đâu? Quân nói là sông *Tiền-đường*, liền nhớ lại lời tiên-tri bà *Giác-sư* (là bà *Tam-hiệp*) bèn đâm đầu xuống sông.

Bà-*Giác duyên* biết lời tiên-tri ấy thuở trước, dã tới che lều ở đó sớm tối mướn chài, chài lên chài xuống hoài, khi ấy mới chài được vớt lên đem về am nuôi.

Còn *Vương-quan* và *Kim-trọng* lấy *Túy-vân* thế con *Túy-kiều*, thì đậu vua sai đi ngồi tri-huyện các xứ ấy, nhớ đến hỏi thăm người ta có biết có nghe tích con *Túy-kiều* hay không, thì người-ta nói có, mà không biết bây-giờ ở đâu. Kiếm tìm hoài không ra.

Năm ấy cải nhậm, vua sai đi ngồi xứ khác, hai anh em đi tới sông *Tiền-đường*, nghe nói *Túy-kiều* chết tại đó thì rước thầy làm chay, đặt bài vị mà tế. Mụ *Giác-duyên* đi coi thấy mộc-vị thì biết là tế con *Túy-kiều*, mới hỏi là ai tới làm chay biết là anh

em, cha mẹ *Túy-kiều* thì nói *Túy-kiều* còn sống ở tại am mình. Đắc về nhìn ra thiệt tích. Đem nó về, nó không chịu về. Cha mẹ la dức nói muốn tu thì sẽ lập am tại nhà cho mà tu, cũng rước bà *Giác-duyên* về đó tu với nó, thì nó mới chịu về.

Am-tự lập xong rồi, cho đi tìm rước bà *Giác-duyên* thì đã mất đi bao giờ biệt tăm biệt tích.



KIM, VÂN, KIỀU TRUYỆN

Tài cao thì mạng kém; được bề nầy, mất bề kia không hề cân nhau bao-giờ.

Trăm năm, (1 trong cõi người-ta,
 chữ tài chữ mạng (2) khéo là ghét nhau!
Trải qua một cuộc bể dâu, (3)
 những dều trông thấy đã đau-đớn lòng!
Lạ chi bỉ sắc tư phong? (4)
 trời xanh quen với má hồng đánh ghen?

Tài sắc ba chị em Túy-Kiều.

Kiều thơm (5) lần dở trước dèn,
 phong-tình có lục còn truyền sử sanh.
Rằng năm *Gia-tĩnh* triều *Minh*,
 bốn phương phẳng-lặng, hai kinh (6) vững-vàng:
Có nhà Viên-ngoại họ *Vương*,
 gia-tư nghỉ cũng thường-thường bực trung.
Một trai con thứ rốt lòng.
 Vương-quan là chữ nối dòng nhu-gia.

---

1) — Đời người-ta một trăm năm làm hạn. vì vậy « Ba vạn sáu ngàn ngày » « Bá niên giai lão. »

(2) — Hữu tài vô mạng, hữu mạng vô tài, tài mạng tương đố. Hễ có tài thì không có mạng, mà có mạng thì lại không có tài, nên rằng: tài mạng ghét nhau. ganh nhau.

(3) Tam thập niên vi nhứt biến. thương hải biến vi tang điền. tang điền biến vi thương hải. – Chỉ cuộc đời hay đổi-dời. Vực hóa cồn, cồn hóa vực.

(4) — Kia rít ấy chời. – Được cái kia ít, thì cái ấy nhiều, không cân nhau bao-giờ.

(5) — Sách hay, bản hay

(6) — Là Nam-kinh với Bắc-kinh. – Bắc là Yên-kinh, nam là Kim-lăng.

Đầu lòng hai ả Tố-nga, (1)
Túy-kiều là chị, em là *Túy-vân*.
Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần, (2)
một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang-trọng tót vời,
khuôn lưng đầy-đặn, nét người nở-nang
Hoa cười ngọc thốt đoan-trang, (3)
mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
so bề tài sắc lại là phần hơn.
Gương thu thủy, vít xuân sơn, (4)
hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh;
Một dôi nghiêng nước nghiêng thành,
sắc đành đòi một, tài đành hòa hai;
Thông-minh vốn sẵn tư (5) trời,
vẹn nghề thi họa, đủ nghề ca ngâm.
Cung thương làu bực năm âm, (6)
nghề riêng ăn đứt, hồ cầm (7) một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
một thiên bạc-mạng lại càng não nhân.

---

(1) — Nàng *Tố-nga*, hay-là gã *Hằng-nga*, là thằng cuội ở trên trăng. — Chỉ là tiên, xinh-tốt.

(2) — Cốt-cách diện-dáng như mai, tinh-thần trắng trong như tuyết.

(3) — Ngay-thẳng, tử-tế, dè-dạm.

(4) Nhãn hoành thu thủy, mi tợ viễn sơn. — Con-mắt trong như nước mùa thu, chang-mày như hình núi coi xa.

(5) Thiên tư. -- Tánh trời cho.

(6) — Là cung, thương, giác, trỉ, võ.

(7) Hồ cầm. — Cái nguyệt cầm. Đàng nó bởi bên mọi Hồ bày ra nên kêu là Hồ cầm.



hanh-minh trong tiết tháng ba, lễ là tảo mộ, gọi là đạp thanh.
ần xa náo-nức ến-anh, chị em sắm-sửa bộ hành chơi xuân.

(Coi trương 20

Phong-lưu rất mực hồng-quần,
  xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê. (1)
Ym-niềm (*hay là* iêm-liềm) trướng xủ màn che,
  tường đông ong bướm, đi về mặc ai.

Ba chị em đi ăn thanh-minh.

Mùa xuân con én đưa thoi,
  thiều-quang (2) chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chơn trời,
  nhành lê trắng điểm một vài bông-hoa.
Thanh-minh (3) trong tiết ngày ba,
  lễ là tảo mộ, gọi là đạp thanh.
Gần xa náo-nức én-anh,
  chị em sắm-sửa bộ hành chơi xuân.
Dập-dều tài tử giai-nhơn,
  ngựa-xe như nước, áo-quần như nêm. (4)
Ngổn-ngang gò đống kéo lên,
  thoi vàng bỏ rắc, tro tàn giấy bay.

Túy-Kiều ghé viếng mả Đạm-Tiên.

Tà-tà bóng ngã về tây, (5)
  chị-em thơ-thẩn rau tay ra về.

---

(1) — Thập hữu ngũ niên nhi kê. Đến mười lăm tuổi gái mới giắt trâm, nên kêu *Tuần cập kê*, là tới chừng mười lăm tuổi.

(2) — Cửu thập thiều quang. — Chỉ mùa xuân ba tháng (là 90 ngày) mà ngoài sáu mươi là đã qua khỏi hai tháng rồi, vừa qua mồng ba tháng ba.

(3) Tiết thanh-minh. — Ngày mồng ba tháng ba đi giẫy mả. — Hàn thực, tích *Tấn-văn-công* tìm *Giới-tử-suy*; cấm lửa ba ngày vì thương tiết Tử-suy bị đốt rừng cho mà ra mà không ra ở trong ấy mà chết.

(4) — Người-ta đông dập-dìu, chặt như nêm.

(5) — Chiều, mặt-trời xiêng lặn.

Bước dần theo ngọn tiểu khê,
lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.
Nao-nao dòng nước uốn quanh,
nhịp cầu nho nhỏ cuối gành bước sang.
Sờ sờ nắm đất bên đàng, (1)
dàu-dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng sao trong tiết thanh minh,
mà đây hương-khói vắng-tanh thế mà?
Vương-quan mới dẫn gần xa.
Đạm-tiên nàng ấy xưa là ca nhi: (2)
Nổi danh tài sắc một thì,
xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh?
Kiếp hồng nhan có mong-manh, (3)
nửa chừng xuân, thoạt gẫy nhành thiên-hương! (4)
Có người khách ở viễn-phương,
xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi;
Thuyền tình (5) vừa ghé đến nơi,
thì đà trâm gẫy bình rơi bao giờ: (6)
Phòng không lạnh ngắt như tờ,
dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh;
Khóc than khôn xiết sự tình,
khéo vô duyên bấy là mình (7) với ta!

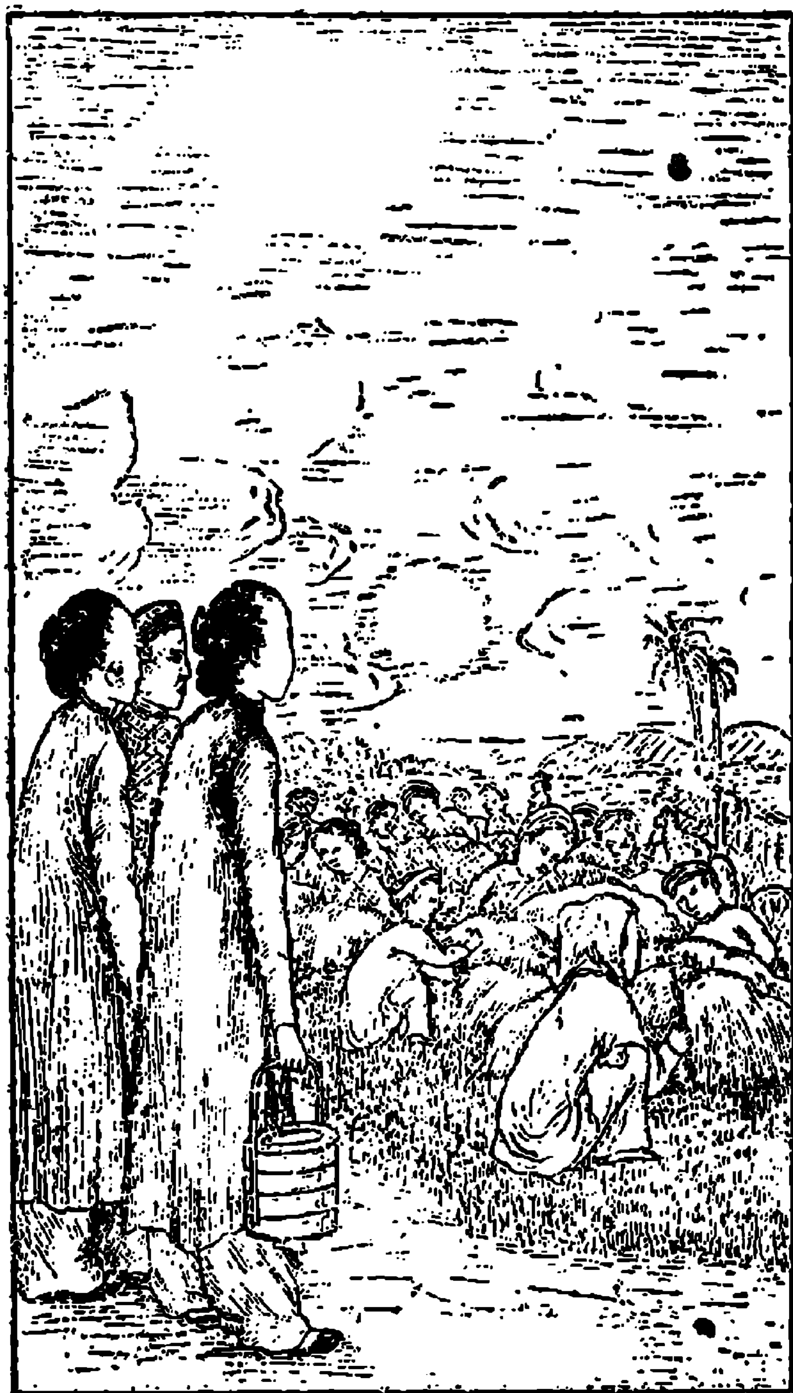
---

(1) Nắm đất. — Mả, đắp mô lên
(2) — Con hát. — Con đĩ.
(3) Mong-manh. — Mỏng-mẻo, mỏng-mảnh. Hồng nhan bạc phận.
(4) — Quốc-sắc thiên hương. — Trang mĩ nữ. xinh.
(5) Tình nhơn. — Người có tình, phải lòng....
(6) — Trâm chiết bình trầm. — Chết đi rồi.
(7) — Mình là chỉ con *Đạm-tiên*.

Đã không duyên trước chẳng thà,
thì chi chút dịch (1) gọi là duyên sau?
Sắm-sanh nắp giấy xe châu, (2)
vùi nông (3) một nấm mặc dầu cỏ hoa;
Trải bao thỏ lặn ác tà, (4)
ấy mồ vô chủ, ai mà viếng-thăm?
Lòng đâu sẵn mối thương-tâm,
thoạt nghe, *Kiều* đã dầm dầm châu sa.
Đau-đớn thay phận đờn-bà!
lời rằng: bạc-mạng cũng là lời chung.
Phụ-phàng chi bấy hóa-công? (5)
ngày xanh mòn-mỏi má hồng phui-pha?
Sống làm vợ khắp người-ta,
hại (6) thay thác xuống làm ma không chồng?
Nào người phụng chạ loan chung?
nào người tiếc lục tham hồng là ai?
Đã không kẻ đoái người hoài,
sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đàng,
họa là người dưới suối vàng (7) biết cho.

---

(1) — Chút đỉnh, chút xíu.
(2) Nắp giấy — là rương để đồ minh-khí. — Xe châu — Nhà táng, nhà vàng, rạp để chôn xác.
(3) — Chôn cạn-cạn.
(4) — Biết đã bao lâu năm đã qua rồi. Nhựt nguyệt vãng lai bất tri kỷ niên. Thỏ là thỏ bạc — Mặt trăng. Ác là vàng. — Mặt trời.
(5) — Tạo hóa công — Thợ trời; Dựng dựng nên trời đất muôn vật.
(6) — Thương hại thay!
(7) — Hoàng tuyền khách. — Âm-phủ.



Dập-dều tài-tử giai-nhơn, ngựa-xe như nước, áo-quần như nêm
Ngổn-ngang gò đống kéo lên, thoi vàng bỏ rắc, tro tàn giấy bay

(Coi trương 20).

Lâm dâm khấn-vái nhỏ to,
  sụt ngồi vá gật (1) trước mồ bước ra;
Một vùng cỏ áy bóng tà. (2)
  gió hiu-hiu thổi một vá ngọn lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
  vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê-mẩn tâm thần,
  lại càng đứng sững tần-ngần chẳng ra
Lại càng ủ-dột nết hoa,
  sầu tuôn đứt nối châu sa vắn dài.
Vân rằng: chị, cũng nực cười
  khéo dư nước mắt khóc người đời xưa?
Rằng hồng-nhan tự thuở xưa,
  cái điều bạc-mạng có chừa ai đâu?
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
  thấy người nằm đấy biết sau thế nào?
Quan rằng: chị nói hay sao?
  một điều là một vẫn vào khó nghe?
Ở đây âm-khí nặng-nề,
  bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa.
Kiều rằng những đứng tài-hoa,
  thác là thấy-phách, (3) còn là tinh-anh.
Dễ hay tình lại gặp tình,
  chờ xem ắt thấy hiển-linh bây-giờ.
Một lời nói chửa kịp thưa,
  phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào-ào đổ lộc rung cây,
  ở trong dường có hương bay ít nhiều.

---

(1) Vá gật — Vài cái gật đầu. — Lạy vài cái.
(2) Cỏ áy — Cỏ xấu. — Bóng tà. Chiều. (Thái dương ảnh tà
(3) — Tử kiến tinh phách. Thấy vía người mất. — Tinh anh (Sanh thị anh minh). Thông-minh.

Đè chừng ngọn gió lần theo,
vết giày từng bước in rêu rành-rành.
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
nàng rằng nầy thật tinh thành chẳng xa
Hữu tình ta lại biết ta,
chẳng nề u hiển mới là chị em ?
Đã lòng hiển hiện cho xem,
tạ lòng nầy lại nối thêm vài lời.
Lòng thơ lai-láng bồi hồi,
gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Túy-Kiều gặp Kim-Trọng phải lòng mình.

Dùng-dắng dở ở dở về,
lạc vàng dâu đã tiếng nghe gần-gần.
Trông chừng thấy một văn-nhân,
lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng (1)
Đề-huề lưng túi gió trăng. (2)
sau chơn theo một vài thằng con-con.
Tuyết in sắc ngựa cu don. (3)
cỏ pha màu áo nhuốm non da trời. (4)
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
khách đà xuống ngựa tới nơi tự-tình.
Giai-nhơn (6) lần bước dặm xanh,
một vùng như thấy cây quinh nhành dao. (7)

---

(1) — Đường đi
(2) -- Chỉ người có tình hay
(3) — Con ngựa cu don-don.
(4) Áo xanh. (Thiên thanh).
(5) Tự tình. — Nói chuyện.
(6) — Người tử-tế.
(7) — Ngó vô dám ấy thấy hai người con gái xinh lắm.

Chàng *Vương* quen mặt ra chào,
  hai *Kiều* e mặt nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa,
  họ *Kim* tên *Trọng* vốn nhà trâm-anh. (1
Nền phú-hậu, bực tài-danh, (2)
  văn-chương nết đất, thông-minh tánh trời.
Thiên-tư tài-mạo tót vời,
  vào trong phong nhã (3) ra ngoài hào hoa.
Đông-quanh (4) vẩn nước đất nhà,
  với *Vương-quan* trước vẩn là đồng-thân. (5)
Vẩn nghe thơm nực hương-lân,
  một nền đồng-tước (6) toả xuân hai kiều. (7
Nước non cách mấy buồng thêu, 8)
  những là trộm nhớ thầm yêu chóc-mòng.
May thay giải-cấu tương phùng ! (9)
  gặp tuần đố lá 10 thỏa lòng tìm hoa.
Bóng hồng liếc thấy nẻo xa,
  xuân lan, thu cúc mặn-mà cả hai

---

1) Trâm anh.- Con nhà quan, con nhà tử-tế.

2, – Con nhà giàu đã lâu đời, học hành giỏi.

3) Phong nhã.- phong lưu nhã. Hào hoa.— Lịch sự có thể có thiếp.

4) – Xung-quanh. Chung-quanh

(5) – Quen lớn lại là bạn học.

6) Đồng tước. — Đài đồng tước, đời hậu Hán, *Tào-mạnh-đức* làm ra để lấy cho được Đông-ngô bất nhị kiều mà đem về đó.

(7) Toả xuân.— Khoá phòng xuân

(8) Buồng thêu.— Tú phòng.— Buồng con gái.

9) Gặp-gỡ nhau.

(10) Tuần đố lá — lá mùa đông lá rụng; Mai khi rụng lá hết đi rồi. thì mới trổ bông.



t trâm sẵn giắt mái đầu, vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần
i càng mê-mẩn tâm thần, lại càng đứng sững tần-ngần chẳng ra?

(Coi trương 2

Người quốc sắc, kẻ thiên tài (1)
  tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Rập rình cơn tỉnh cơn mê,
  rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn.
Gió chiều như giục cơn buồn,
  khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
Nhịp cầu dải nước trong veo,
  bên cầu tơ liễu bóng chiều tha-la. (2)

Túy-Kiều về những thương Đạm-Tiên, nhớ Kim-Trọng.

Kiều từ trở gót trướng hoa,
  mặt-trời lặn núi, chiêng đà thu không.
Gương nga (3) vạnh-vạnh (4) đầy song,
  vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân. (5)
Hải-đường (6) rã ngọn đông lân,
  giọt sương gieo nặng, nhành xuân la đà.
Dầm-dầm lặng ngắm bóng nga (7)
  đon (8) đường gần với nẻo xa bời-bời.
Người mà đến thế thì thôi,
  đời phiền-hoa (9) cũng là đời bỏ đi.
Người đâu gặp-gỡ làm chi?
  trăm năm biết có duyên gì hay không?

---

(1) Người quốc sắc — Là *Túy-Kiều*. — Kẻ thiên tài, là chỉ về *Kim-trọng*.

(2) Tha-la. — Rà ra, phất-phơ

(3) — Mặt trăng. —

(4) — Tròn trỏn

(5) — Mặt trời đã lặn đi rồi, đêm thâm trăng mọc đà gieo bóng ra trước sân.

(6) — Tên cây hải đường nó rã ngọn qua nhà gần đó mà ở phía đông.

(7) Dầm-dầm ngồi nhắm bóng trăng.

(8) Đon-ren. — Hỏi trong mình, nghĩ

(9) Phiền hoa. — Lịch sự, xinh tốt

Ngổn-ngang trăm mối bên lòng
nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tánh-tình.

Đạm-Tiên hiện chim-bao cho Tuy-Kiều biết Tùy-kiều cũng phải mắc sổ đoạn trường.

Chênh chênh bóng nguyệt xế mành, (1)
dựa loan bên triện một mình thiu-thiu.
Thoát đâu thấy một tiểu kiều,
có chiu phong-vận, (2) có chiu thanh-tân. (3)
Sương in mặt tuyết pha thân,
trên vàng (4) lững-thững như gần như xa.
Chào mừng đon-hỏi dò-la,
nguồn đào lạc lối, đâu mà đến đây?
Thưa rằng: thinh khí (5) xưa nay,
mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên?
Hàn gia (6) ở mái tây thiên,
dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ cố (7) đến nhau,
mấy lời hạ tứ (8) ném châu gieo vàng,
Vâng trình hội chủ (9) xem tường.
mà xem trong sổ đoạn-trường (10) có tên.

---

(1) — Khuya rồi.
(2) Phong-vận. Xinh-tốt.
(3) Thanh-tân. Sạch-sẽ.
(4) Trên cầu lơn vàng. Còn như đọc: *sen vàng*... thì chỉ là Đạm-Tiên đi tới mà bước trên lá sen vàng *Vua-Trụ* mê làm cho con *Đắt-Kỉ* đi vậy
(5) Thinh khí. Đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu.
(6) Hàn-gia.— Nhà nghèo. (Mã con Đạm-tiên
(7) Hạ cố. Ngó xuống. — Lạy, cúng, quải
(8) Hạ tứ. Cho xuống. (Làm thơ cho hay như ném châu gieo vàng)
(9) Hội chủ. Mụ trùm. Cai lấy bọn đĩ-điếm
(10) Đoạn-trường. Sổ quân đĩ điếm.

Âu đành quả kiếp nhơn-duyên,
  cũng người một hội một thuyền đâu xa.
Nẩy mười bài mới, mới ra,
  câu thần lại mượn bút hoa
Kiều vâng lãnh ý đề bài,
  tay tiên một vẽ, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ thắc thỏm khen thầm,
  giá đành tú khẩu cẩm tâm (1) khác thường.
Vì đem vào tập đoạn-trường,
  thì treo dải nhứt, chỉ nhường cho ai
Thềm hoa khách đã trở hài,
  nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu trịch bức mành-mành,
  tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
Trông theo nào thấy dâu nào,
  hương thừa dường hãy ra vào đâu đây ?
Một mình lưỡng-lự canh chầy,
  dường xa nghĩ nỗi sau nầy mà kinh.
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
  biết duyên mình, biết phận mình thế thôi.
Nỗi riêng dập-dập sóng dồi,
  nghĩ đòi cơn lại sụt-sùi đòi cơn.

Bà mẹ nghe Túy-Kiều than thở thì la mà nói chiêm-bao là điều mộng-mị mà giải.

Giọng Kiều rền-rỉ trướng loan,
  nhà huyên (2) chợt tỉnh hỏi can-cớ gì ?
Cớ sao trằn-trọc canh khuya ?
  màu hoa lê hãy dầm-dề giọt mưa.

---

(1) Miệng thêu lòng gấm. — Khoa ngôn-ngữ.
(2) — Huyên đường. — Mẹ.



Chàng *Vương* quen mặt ra chào, hai *Kiều* e mặt nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa, họ *Kim* tên *Trọng* vốn nhà trâm-anh.

(*Coi trương 26*).

Thưa rằng chút phận ngây thơ,
dưỡng sanh đôi nợ (1) tóc tơ (2) chưa đền.
Buổi ngày chơi mả *Đạm-tiên*,
nhắp đi phút thấy ứng liền chiêm-bao.
Đoạn-trường là số thế nào,
bài ra thế ấy vịnh vào thế kia?
Cứ trong mộng-triệu mà suy,
phận con biết có ra gì mai sau?
Dạy rằng mộng huyễn cứ đâu,
bỗng không mua não, chác sầu nghĩ nao?
Vưng lời khuyến giải thấp cao,
chưa xong điều nghĩ, lại dào mạch tương. (3)
Ngoài song thỏ thẻ anh vàng, (4)
cuối tường bóng liễu bay ngang trước mành.
Hiên tà gác bóng chênh chênh, (5)
nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình.

Kim-Trọng về Liêu-Dương cứ khoăn-khoái nhớ Túy-Kiều hoài.

Cho hay là thói hữu tình,
dố ai dứt mối tơ mành (6) cho xong?
Chàng *Kim* từ lại thơ song,
nỗi nàng cảnh-cảnh bên lòng biếng khuây.

---

(1) Đôi nợ. — Công cha nghĩa mẹ.

(2) Tóc-tơ. — Mảy-mún, mỏng-mảnh (Dầu một chút cũng chưa đền được.)

(3) — Nước-mắt. (Mạch Tương — Mạch sông Tương. — Chỉ bà *Nguo-hoàng*, *Nữ-anh* khóc chồng.....)

(4) — Chim vàng anh. (— Oanh)

(5) — Xế chiều.

(6) — Mối tơ hồng.

(7) — Ngay-ngay.

Sầu đong càng khắc càng đầy, (1)
 ba thu dồn lại một ngày dài ghê. (2)
Mây Tần tỏa kín song the, (3)
 bụi hồng lẻo-đẻo đi về chiêm-bao. (4)
Tuần trăng khuyết, dĩa dầu hao, (5)
 mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng,
 trước (6) se ngón thỏ, tơ (7) dùn phiếm loan.
Mành Tương (8) phất-phất gió đàn,
 hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình.
Vì chăng duyên nợ ba sanh, (9)
 làm chi đem thói khuynh-thành trêu ngươi?

Kim-Trọng trở về kỳ-ngộ mà kiếm Túy-Kiều.

Bàng-khuàng nhớ cảnh nhớ người,
 nhớ nơi kỳ-ngộ vội dời chơn đi.
Một dàng cỏ mọc xanh-rì,
 nước ngâm trong-vắt thấy gì nữa đâu.
Gió chiều như khãy cơn sầu,
 vi lau (10) hiu hắt như màu khảy trêu.

---

(1) — Sự buồn rầu càng nghĩ thêm hoài.

(2) — Nhứt nhựt tam thu. (Một ngày bằng ba năm).

(3) — Mây mịt như trên *Tần-lãnh*.

(4) — Lúc gặp lại bụi hồng thế nào, thì lẻo-đẻo chiêm bao thấy hoài.

(5) — Trong tháng cuối muộn đi rồi, tim lụn dầu hao, đêm nào, đêm nấy, nghĩ nhớ Túy-kiều hoài.

(6) - Quyển sáo.

(7) - Dờn.

(8) — Sáo tre. (Cũng vì tích nước-mắt *Ngao-hoàng*, *Nữ-anh*, tại sông *Tương*).

(9) — Phụ sanh chi, sư giáo chi, quân tự chi. — Nhân sanh ư tam, sự chi như nhứt.

(10) — Ngọn đế lau gió thổi hiu-hắt phất-phơ như giục cơn sầu.

Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều.
  xăm-xăm đè nẻo *Lam-kiều* lần sang.
Thâm nghiêm, kín cồng, cao tường.
  cạn dòng lá thắm. dứt đường chim xanh.
Lơ-thơ tơ liễu buông mành.
  con anh (oanh) học nói trên nhánh mỉa-mai.
Mấy lần cửa đóng then gài,
  đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu ?
Chần-ngần đứng trót giờ lâu,
  dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.
Là nhà *Ngô-việt* thương-gia,
  phòng không để đó người xa chưa về.
Lấy điều du học hỏi thuê
  tái đơn cặp sách đề-huề dọn sang.
Có cây có đá sẵn-sàng, (1)
  có hiên *Lãm-túy* (2) nét vàng chưa phai.
Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
  ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây.
Song hồ (3) nửa khép cánh mây,
  tường đông ghé mắt ngày-ngày hằng trông.
Tấc gang động toả nguyên-phong, (4)
  tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra.

Kim-Trọng gặp Túy-Kiều tỏ thiệt tình mình ra, xin Tuy-Kiều có đành không thì cho biết rồi trâm quạt đưa cho nhau làm của tin.

Những từ quán-các lân-la.
  tuần trăng thấm-thoắt nay đà thêm hai.

---

(1) Có kiếng vật non bộ sẵn-sàng.
(2) Hiệu đề : *Lãm-túy-hiên* thếp vàng.
(3) Cửa sổ phất giấy....
(4) — Tuy gần một bên mà cửa đóng nguyên phong không thấy *Túy-kiều* ra.



Thoắt đâu thấy một tiểu kiều, có chiều phong-vận, có chiều thanh tân.
Sương in mặt tuyết pha thân, sen vàng lững-đững như gần như xa.

(Coi trương 29).

Cách tường phải buổi im trời,
dưới đào dường thấy bóng người thướt-tha.
Buông kim xóc áo vội ra,
hương còn thơm-nực, người đà vắng-tanh.
Lần theo tường gấm (1) dạo quanh,
trên nhành liếc thấy một nhành kim-xoa. (2)
Ưa tay với lấy về nhà,
nầy trong quê-các đâu mà đến đây?
Gẫm âu người ấy báu nầy,
chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm.
Liền tay nhắm-nhía biếng nằm,
hãy-còn thoảng-thoảng hương trầm chưa phai.
Tan sương (3) đã thấy bóng người,
quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngơ.
Sanh đà có ý đợi-chờ,
cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng.
Xoa đâu bắt được hư-không,
biết đâu Hiệp-phố (4) mà mong châu về?
Tiếng *Kiều* nghe lọt bên kia,
ơn lòng quân-tử sá gì của rơi.
Chiếc xoa là của mấy mươi?
mà lòng trọng ngãi khinh tài xiết bao.

---

(1) Tường gấm. — Vách tường dưới chơn có trồng bông hoa.

(2) Kim xoa. — Trâm vàng, trâm cúc.

(3) Tan sương. — Sáng ra.

(4) — Hiệp-phố thuộc về Annam thuở trước, là quận Hiệp-phố dưới bãi biển có châu nhiều mà sau quan Tàu qua trị dân, xâu-bơi nặng, đồ-khổ dân trốn đi quận khác, thì châu nó cũng đi mất đi hết; đến sau có quan thanh-liêm tử-tế tới chiêu qui, dân về thì chỗ ấy có châu lại như trước; nên rằng: Châu về Hiệp-phố.

Sanh rằng lân-lý ra vào,
gần đây nào phải người nào xa-xôi.
Được rày nhờ chút thơm rơi,
kể đà thiếu-não lòng người bấy nay.
Mấy lâu mới được một ngày,
dừng chơn gạn chút niềm tây (1) gọi là.
Vội vào thêm lấy của nhà,
xuyến vàng đôi chiếc, khăn là (2) một vuông. (3)
Vén mây nhón bước ngọn tường,
phải người hôm nọ rõ-ràng chăng nhe? (4
Sượng sùng đở ý rụt-rè, (5)
kẻ nhìn tạn mặt, người e cúi đầu.
Rằng từ ngẫu-nhĩ (5) gặp nhau,
thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã dồn.
Xương mai tính đã xỏ mòn,
lần-lừa ai biết hãy-còn hôm nay.
Tháng tròn như gởi cung mây,
chẳng-chẳng một phận ấp cây đã liều. (7)
Tạn đây xin một hai điều,
đài gương soi đến dấu bèo cho chăng? (8)

---

(1) Niềm tây. — Chuyện riêng, tình riêng.
(2) Là — Lụa-là, là-lượt.
(3) Một vuông.— Một cái khăn, như nói vuông, hay-là chuông nhiều...
(4) Chăng nhe. — Phải không hé?
(5) Rụt-rè. — Thậm-thỏi thậm-thụt.
(6) Ngẫu nhĩ. — Tình-cờ.
(7) — Cả tháng tròn những ấp cây chờ thỏ.
(8) — Đực đài gương cao trọng làm-vậy mà có đoái đến phận hèn như bèo nầy chăng.

Ngần-ngừ nàng mới thưa rằng:
thói nhà băng tuyết (1) chất hàng phỉ phong. (2)
Dầu khi lá thắm chỉ hồng. (3)
nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lòng xót liễu vì hoa,
trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa.
Sanh rằng rày gió mai mưa,
ngày xuân đã dễ tình-cờ mấy khi.
Dầu chăng xét tấm tình si, (4)
thiệt đây mà có ích gì đến ai?
Chút chi gắn-vó một-hai,
cho đành rồi sẽ liệu bài mối-manh.
Khuôn-linh (5) dầu phụ tấc thành, (6)
cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân dầu quyết hẹp-hòi,
công đeo-đẳn (7) chẳng thiệt-thòi lắm ru?
Lặng nghe lời nói như dầu, (8)
chìu xuân dễ khiến nét thu ngại-ngùng.
Rằng trong buổi mới lạ-lùng,
nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.

---

(1) — Giá tuyết. — Trong sạch tử-tế như giá như tuyết.
(2) — Phỉ phong. — Kinh đáo. — Gái còn trinh tiết.
(3) Lá thắm. — (Ngự câu hồng diệp), tích bà *Hàn-phu-nhơn* viết trong lá thả theo nước, ông *Vu-hựu* được, hoà thơ lại.......Đến sau phóng cung nữ ra, thì *Vu-hựu* chuộc về làm vợ. — Sau nói chuyện với nhau mới biết thiên duyên tại Hồng-diệp — Chỉ-hồng. — Xích thằng hệ túc. — Nhơn-duyên.
(4) Si. — Ngây dại.
(5) — Linh cơ. — Tạo hoá lò. — Trời.
(6) Tấc thành. — Phương thốn. — Lòng thành.
(7) — Đeo đuổi.
(8) Như dầu. — Trơn lu.



iếng rên-rỉ trướng loan, nhà huyên chợt tỉnh hỏi cơn cớ gì ?
rằn-trọc canh khuya, màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa ?

(Coi trương 30).

Dã lòng quân-tử đa mang,
 một lời vưng tạc dá vàng thủy chung.
Được lời như cồi tấm lòng,
 dở kim huờn (1) với khăn hồng trao tay.
Rằng trăm năm (2) cũng từ đây,
 của tin gọi một chút nầy làm ghi.
Sẵn tay bả (3) quạt hoa qui,
 với nhành xoa ấy tức-thì đồi trao.
Một lời vừa gắn tất giao, (4)
 mài sau dường có xôn-xao tiếng người.
Vội-vàng lá rụng hoa rơi,
 chàng về thơ viện, nàng dời lần trang.
Từ phen đả biết tuồi vàng,
 tình càng thấm-thia dạ càng ngẩn-ngơ.
Sông Tương một dải nông trờ, (5)
 bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.
Một tường tuyết chở sương che,
 tin xuân dâu dễ đi về cho năng?

Túy-kiều sửa soạn qua nhà Kim-trọng chơi vì cha mẹ đi khỏi.

Lần-lần ngày gió đêm trăng,
 thưa hồng rậm lục (6) đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sanh-nhựt ngoại gia,
 trên hai đường, dưới nữa là hai em.

---

(1) Kim hườn. — Chiếc neo, xuyến.
(2) Trăm năm. — Bá niên giai lão.
(3) Bả. — Cầm.
(4) Tất giao. — Keo sơn.
(5) Nông trờ. — Cạn xợt.
(6) Lá uá rụng, lộc đâm ra: qua xuân.

Tâng-bằng sắm-sửa áo xiêm,
bèn dâng một lễ xa đem tất thành.
Nhà lan thanh-vắng một mình,
gẫm cơ hội ngộ đã dành hôm-nay.
Thì trân (1) thức-thức sẵn bày,
gót sen thoát-thoát dạo ngay mái tường.
Cách hoa sẽ dằng tiếng vàng,
dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông.
Trách lòng hơ-hửng bấy lòng!
lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu.
Những là dấp nhớ đồi sầu,
tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm.
Nàng rằng gió bắt mưa cầm,
đã cam tệ với tri-âm bấy chầy.
Vắng nhà được buổi hôm-nay,
lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng.
Lần theo núi giả (2) đi vòng,
cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
Sấn tay mở cửa động đào, (3)
rẽ mây trông rõ lối vào thiên-thai. (4)
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi,
bên lời vạn phước (5) bên lời hàn huyên. (6)
Sánh vai về chốn thơ hiên,
ngâm lời phong nguyệt, (7) nặng nguyền non sông (8).

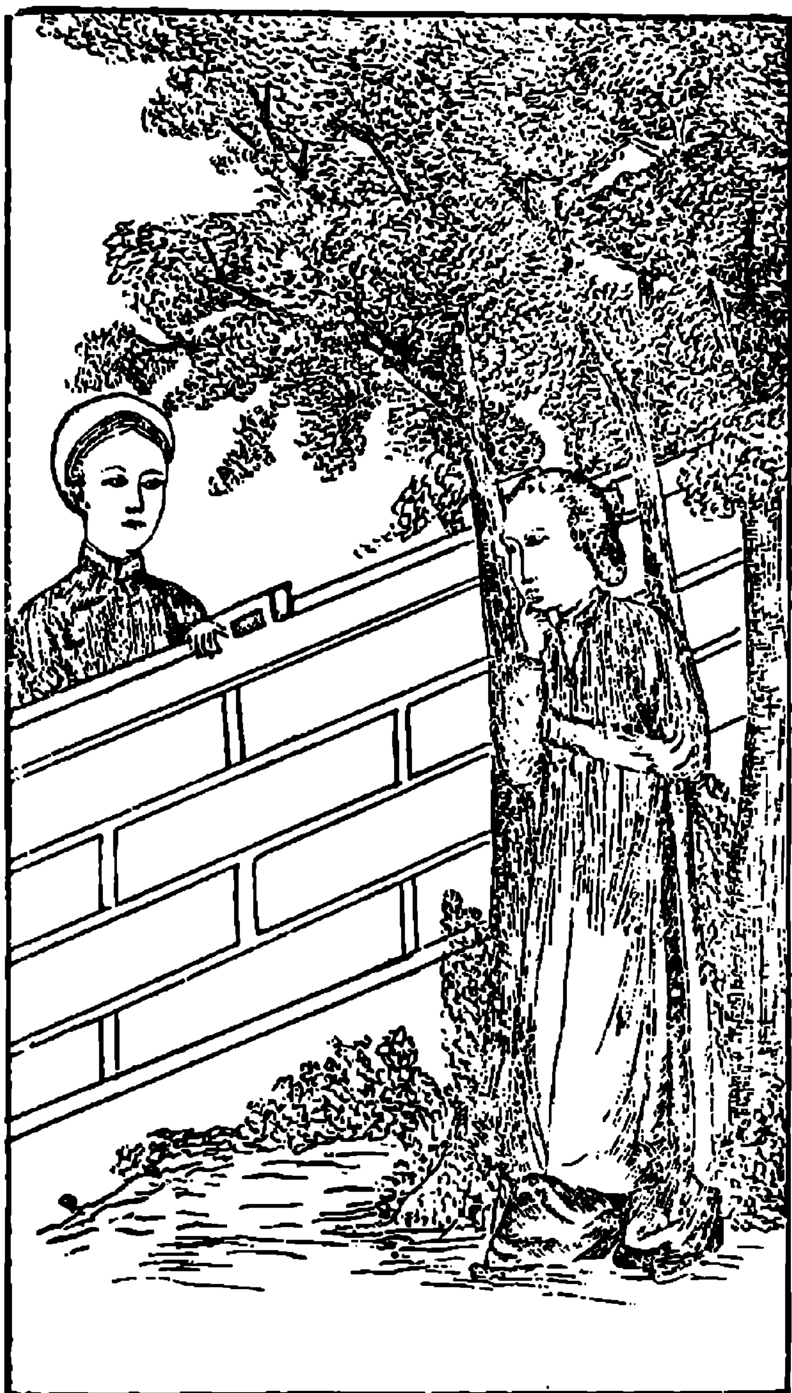
---

(1) Thì trân. — Đồ ngon theo mùa.
(2) — Non hộ đất.
(3) Động đào. — Đào nguyên động (Động-tiên).
(4) Thiên-thai. — Núi Tiên ở, *Lưu-thần, Nguyễn triệu* đi hái thuốc mà gặp Tiên.
(5) Lời vạn phước. — Lời con gái chào chúc.
(6) Hàn huyên. — Ấm lạnh.
(7) Phong nguyệt. — Gió trăng. — Hoa tình.
(8) — Thề nguyền, chỉ núi sông mà thề.

Trên an bút giá thơ đồng,
dạm thanh một bức tranh lòng treo trên.
Phong sương được vẻ thiên nhiên, (1)
mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Sanh rằng phác họa (2) vừa rồi,
phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Một khi gió táp mưa sa,
khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.
Khen tài nhả ngọc phun châu, (3)
nàng Ban Ả Tạ cũng đâu thế nầy (4)
Kiếp tu xưa vì chưa dày,
bực nào dồi được giá nầy cho ngang.
Nàng rằng trộm liếc dong quang, (5)
chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn. (6)
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
khuôn xanh (7) biết có vuông tròn mà hay?
Nhớ từ năm hãy thơ-ngây,
có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
Anh hoa phát tiết ra ngoài,
ngàn thu bạc mạng một đời tài hoa.
Trông người lại nhẩm đến ta,
một dày một mỏng biết là có nên.

---

(1) — Tự nhiên.
(2) Phác họa. — Vẻ vụng.
(3) — Thổ ngọc phún châu. — Lời nói hay, thơ làm hay.
(4) Nàng Ban. — Là *Ban-cơ* làm Hán sử thế cho *Ban-cố* chết đi. — Tạ. — *Tạ-dạo-huẩn*, ngâm thơ giỏi.
(5) — Mặt mũi, hình dáng.
(6) Ngọc bội. Đeo ngọc. Kim môn. — Hàn lâm viện kim mã môn.
(7) Khuôn xanh. Trời xanh



Sanh rằng lân-lý ra vào, gần đây nào phải người nào xa-xôi?
Được rày nhờ chút thơm rơi, kể đà thiểu-não lòng người bấy nay.
(Coi trương 37).

Sanh rằng giải cấu (1) là duyên,
xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
Dầu đều giải kiết (2) đến đều,
thì đem vàng-đá mà liều với thân.
Đủ đều trung khúc (3) ân-cần,
lòng xuân phơi-phới chén xuân tàng-tàng. (4)
Ngày vui vắn chẳng đầy gang,
trông ra ác đã ngậm gương non đoài. (5)
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
gĩa chàng nàng mới kip dời song-sa.
Đến nhà vừa thấy tin nhà,
hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội xủ rèm the,
xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.
Nhặt thưa gương gối đầu nhành, (6)
ngọn đèn trông thấy trường huinh hắt-hiu.
Sanh vừa dựa án thiu-thiu,
dở chiu như tỉnh dở chiu như mê.
Tiếng lên sẽ động giấc hoè,
bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.
Bâng-khuâng đảnh Hiệp non Thần, (7)
còn nghi giấc mộng đêm xuân mơ-màng.
Nàng rằng khoảng vắng đêm trăng.
vì hoa cho phải đỗ đàng tìm hoa.

---

(1) Giải cấu. — Gặp gỡ.
(2) Giải kiết — Giải hung cầu kiết. — Do tích thầy phù thủy.
(3) Trung khúc. — Việc kín trong lòng.
(4) Tàng tàng. — Xoàng xoàng.
(5) — Mặt trời lặn.
(6) Gương gối đầu nhành. — Mặt trăng gối trên nhánh cây.
(7) Đảnh Hiệp. — Núi Hiệp-sơn. — Non thần. —Tam thần sơn — cảnh tiên.

Bây-giờ rỏ mặt đôi ta,
biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao.
Vội vàng làm lễ rước vào,
đài sen nối nến, song đào thêm hương.
Tiên (1) thề cùng thảo một chương.
tóc mây một món dao vàng một đôi.
Vầng-trăng vặc-vặc giữa trời,
đinh-ninh hai mặt một lời song-song.
Tóc tơ căn-vặn tấc lòng,
trăm năm tạc một chữ đồng (2) đến xương.
Chén hà (3) sánh giọng quinh tương, (4)
dải là hương lụn, bình gương bóng lồng. (5)
Sanh rằng gió mát trăng trong,
bấy lâu nay một chút lòng chửa cam.
Giọt sương chửa nặng cầu lam, (6)
sợ lần-khân (7) quá ra sàm-sở chăng. (8)
Nàng rằng hồng-diệp xích-thằng,
một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.

---

(1) Tiên. — Tờ.
(2) Chữ đồng — Đồng tịch đồng sàng, đồng sanh, đồng tử.
(3) Chén hà. (hà bôi) chén ngọc tử hà.
(4) — Tiệc rượu cầm uống chúc thọ.
(5) — Dải là — đồng tâm kiết. Hương tàn đèn lụn. — Đã khuya lắm.
(6) Cầu lam. — (Lam-kiều); tích Lam điền chưởng ngọc. *Lư-sanh* muốn con gái bà quán mà người ta không gả, biểu có một đấu ngọc đem đến thì mới được. *Lư-sanh* đi tới cầu Lam-kiều, gặp ông già cho ba cục đá dặn đem trồng nơi Lam-điền đủ một trăm ngày thì thành một đấu ngọc, làm thì quả có làm vậy, nên dùng tích ấy.
(7) Lần-khân. — Lây-dây.
(8) Sàm-sở. — Lấn-đấn, bốc-mạt.

Đừng đều nguyệt nọ hoa kia,
ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.
Rằng nghe nổi tiếng cầm đài,
nước-non luống những lóng tai Chung-kỳ. (1)
Thưa rằng tiện kỉ sá chi ?
đã lòng dạy đến dạy thì phải vưng.
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
vội-vàng *Sanh* đã tay nưng ngang mày.
Nàng rằng nghề mọn riêng tây,
làm chi cho nặng lòng người lắm thân.
Lựa dần dây võ dây văn, (2)
bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc dâu Hán Sở chiến trường,
nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc dâu Tư-mã hoàng cầu, (3)
nghe ra như oán như sầu phải chăng.
Kê-khang nầy khúc quảng-lăng, (4)
một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân. (5)
Quá quan nầy khúc Chiêu-quân. (6)
nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
đục như tiếng suối mới sa nửa vời.

---

(1) — *Chung-tử-kỳ* là người lóng tai nghe ông *Bá-nha* đờn.

(2) Dây võ. — Dây đài. Dây văn — Dây tiếu.

(3) — Ông *Tư-mã-tương-như* hay là *Trường-khanh* đờn khúc Phụng-cầu-hoàng : *Trác-văn-quân* nhỏ tuổi góa chồng đêm nghe liền leo vách thành qua ; sau lấy nhau nên vợ nên chồng..........

(4) Ông *Kê-khang* đờn bản Quảng-lăng hay lắm....

(5) Hành vân. -- Bản đờn về việc đi dạo chơi.

(6) Bản lúc bà *Chiêu-quân* ra Ngọc-môn-quan than thân mà đi cống hồ.



Sanh rằng phác họa vừa rồi, phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.
Một khi gió táp mưa sa, Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

(Coi trương 42.)

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
tiếng mau dập-dập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
khiến người ngồi đấy cũng ngơ-ngẩn sầu.
Khi dựa gối khi cúi đầu,
khi gò chín khúc, (1) khi chau đôi mày. (2)
Rằng hay thì thật là hay,
nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.
Lựa chi những khúc tiêu tao, (3)
chột lòng mình cũng nao-nao lòng người.
Rằng quen mất nết đi rồi,
tẻ (4) vui thôi cũng tánh trời biết sao.
Lời vàng vâng lãnh ý cao,
họa dần-dần bớt chút nào được không.
Hoa hương càng tỏ thức hồng,
đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
xem trong âu-yếm, có chiều lả-lơi. (5)
Thưa rằng đừng lấy làm chơi,
giữ (6) cho thưa hết một lời đã nao.
Vì chi một đóa yêu đào, (7)
vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.
Đã cho vào bực bố kinh, (8)
đạo tòng phu, lấy chữ trinh làm đầu.

---

(1) — Ruột — (cửu phúc hồi trường).
(2) — Nhăn hai cái mày.
(3) — Ai oán, thảm thiết.
(4) Tẻ. — Buồn.
(5) Lả lơi. — Lả lơn.
(6) Giữ. — (Hượm) — Khoan đã, thủng-thẳng.
(7) — Đào chi yêu-yêu. — Yểu-điệu như lá đào.
(8) Bố kinh — (Quần bố kinh xoa) — thật đạo vợ chồng.

Ra tuồng trên Bộc trong dâu, (1)
thì con người ấy ai cầu làm chi.
Phải điều ăn xổi ở thì,
tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày.
Gẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
lứa đôi ai lại đẹp tày Thôi-Trương.
Mây-mưa đánh đổ đá vàng,
quá chiều nên đã chán chường yến anh.
Trong khi kết cánh trên nhành,
mà lòng rẻ-rúng (3) đã trình một bên.
Mái tây để lạnh hương nguyền,
cho duyên đằm-thắm ra duyên bẽ-bàng. (4)
Gieo thoi (5) trước chẳng giữ-giàng. (6)
để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
còn thân ắt cũng đền bồi có khi.
Thấy lời đoan chánh (7) dễ nghe,
chàng càng thêm nể thêm vì mười phần.
Bóng tàu (8) vừa lợt vẻ ngân. (9)
tin đâu đã đến cửa ngăn gọi vào.

---

(1) Trên bộc. — Bộc thượng (Sông bộc). Trong dâu. — Tang trung (bãi dâu). Dâu dọc giâu.

(2) Thôi. — *Thôi-oanh-oanh* (tên con gái). Trương — *Trương-cung* (tên con trai; hai đứa trai gái với nhau mà sau mẹ không gả, nên lấy nhau không đặng mà bỏ nhau.

(3) Rẻ rúng. — Dể lắm.

(4) Bẽ-bàng. — Hổ-thẹn, xấu hổ.

(5) Giữ giàng. — Giữ gìn.

(6) Gieo thoi. — Tích con gái kia quăng thoi gãy răng cái lão *Tạ-côn* là con trai đến chọc nó.

(7) Đoan chánh. — Ngay thẳng.

(8) Bóng tàu. — Bóng mặt trăng.

(9) Ngân. — Sông ngân hà.

Nàng thì vội trở buồng thêu,
  Sanh thì rảo bước sân đào vội ra.

Kim-Trọng được tin chú ruột mất, phải về Liêu-Dương mà hộ tang.

Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa,
  gia đồng vào gởi thơ nhà mời sang.
Đem tin thúc phụ từ đường.
  bơ-vơ lữ thấn (1) tha hương đề huề. (2)
Liêu-dương cách trở sơn khê,
  xuân đường (3) kíp gọi *Sanh* về hộ tang.
Mẳng tin xiết nỗi kinh-hoàng.
  băng mình lên trước đài trang tự tình.
Gót đầu (4) mọi nỗi đinh-ninh.
  nỗi nhà tang tóc (5) nỗi mình xa-xôi
Sự đâu chưa kịp đổi hồi,
  duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Trăng thề còn đó sờ sờ,
  dám xa-xuôi mặt mà thưa-thớt lòng.
Ngoài ngàn dặm chốc ba đông. (6)
  mối sầu khi gở cho xong còn chầy.
Gìn vàng giữ ngọc cho hay.
  cho đành lòng kẻ chơn mây cuối trời.

---

(1) Lữ thấn. Quán giữa đường, chết dọc đường
(2) Đề huề. Đem về.
(3) Xuân đường. Thường thường người ta hay nói Thung đường mà thật nó là *Xuân*.) Sơn trung hữu thọ bát thiên niên vi xuân, cố hiệu phụ viết xuân. Sanh. Học sanh.
(4) Gót đầu. Đầu đuôi, gốc ngọn.
(5) Tang tóc. Đề tang, để chế (Có tang thì không nên chải gở làm tốt làm tề
(6) Ba đông. Ba năm tam niên tang).
(7) Xa xuôi.



Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa, gia-đồng vào gửi thơ nhà mới sang.
Đem tin thúc phụ từ đường, bơ-vơ lữ thấn tha hương đề huề.

(Coi trương 50).

Tai nghe ruột rối bời-bời,
ngẩn-ngơ nàng mới giải (1) lời trước sau
Ông tơ (2) ghét bỏ chi nhau ?
chưa vui sum-hiệp đã sẵn chia-phui ; (3)
Cùng nhau trót đã nặng lời.
dẫu thay mái tóc, dám dời lòng tơ.
Quản bao tháng đợi năm chờ,
nghĩ người ăn gió nằm mưa (4) xót thầm.
Đã nguyền đôi chữ đồng tâm,
trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. (5
Còn non còn nước còn dài.
còn về còn nhớ đến người hôm nay.
Dùng-dằng chưa nỡ rời tay,
vầng đông (6 tròng đã đứng ngay nóc nhà.

(1. Giải Bày ra.

(2) Ông tơ. Tích ông tơ bà nguyệt xe dây buộc nhơn duyên người-ta. Tên *Vi-cố* nhơn trời sáng trăng đi chơi trên núi, thấy ông già ngồi xe chỉ điều. Nó mới hỏi ông làm làm chi vậy. Ông liền rằng: Tao xe nhơn duyên vợ chồng người-ta hết thảy và tao biết trước ai lấy ai, sang hèn, khó giàu gì cũng biết, lại nói liền tri rằng nó sau sẽ lấy vợ là con ăn mày ngoài chợ. *Vi-cố* về gặp con mẹ ăn mày bồng con gái nhỏ, thì muốn giết nó đi, mà nó bồng con chạy khỏi, phỏng giáo theo nhằm con nhỏ có vít ra, rồi trốn đi mất. Anh ta học hành giỏi làm quan. sau cưới con quan kia về làm vợ, tưởng đã khỏi số lấy con ăn mày. Ai ngờ sau thấy vợ có vít thì hỏi phăn ra mới biết nó là con ăn mày. làm con nuôi ông quan gả cho mình, thì mới biết sự nhơn duyên có số liền định.

(3) Chia phui. Chia-chác, phân-rẽ nhau ra.

(4) — Chan phong tắc vũ. — Dầm sương dãi nắng.

(5) Bão tì bà quá biệt thuyền. Ôm đờn tì bà mà qua ghe khác.

(6) Vầng đông. Mặt trời.

Ngại-ngùng một bước một xa,
một lời trân trọng, châu sa mấy hàng.
Buộc yên quầy gánh vội-vàng,
mối sầu sẻ (1) nửa, bước đàng chia hai.
Buồn trông phong cảnh quê người,
đầu nhành quyên nhặt, cuối trời nhạn thưa.
Não người chải gió dầm mưa,
một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
Nàng thì đứng rũ hiên tây,
chín chiu vấn-vít như vầy mối tơ.

Nhà bị hoạn nạn, Túy-Kiều lo bán mình chuộc cha.

Trông chừng khói ngớt song thưa,
hoa trôi chác thắm, liễu xơ-xác vàng. (2)
Chần-ngần rảo gót lầu trang, (3)
một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.
Hàn huyên (4) chưa kịp tả dề. (5)
sai nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao.
Người nách thước, kẻ tay dao,
đầu trâu mặt ngựa ào-ào như sôi.
Vơ quàng một lão một trai, (6)
một dây vô lại (7) buộc hai thâm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, (8)
rụng rời khung dệt, tan tành quả may. (9)

---

(1) Sẻ. — Xẻ, sớt.
(2) — Qua thu.
(3) Lầu trang. — Chỗ con gái ở; phòng con gái ở.
(4) Hàn huyên. — Lạnh ấm. — Hỏi thăm.
(5) Tả dề. — Hỏi han.
(6) — Bắt ngang một ông già, một người trai.
(7) Vô lại. — Không nhờ. — Oan.
(8) Ruồi xanh. — (Thương nhăng). Nha lại, lệ dịch.
(9) — Phá, soát, lục cả nhà cho đến khung cửi, rổ may.

Đồ tế nhuyễn, (1) của riêng lấy,
sạch-sành-sanh (2) quét cho đầy túi tham.
Đều đâu bay-bốc (3) ai làm,
nầy ai đơn huyền, trật hàm bỗng nhưng.
Hỏi ra sau mới biết rằng:
phải tên xưng xuất lại thằng bán tơ.
Một nhà hoảng-hốt ngẩn-ngơ,
tiếng oan dậy đất, án ngờ dầy mây.
Hạ từ (4) van-vái trót ngày,
điếc tai lán truất, phụ tay tồi-tàn. (5)
Rường cao rút ngược dây oan,
dẫu vàng đá cũng nát gan lựa người.
Mặt trông đau-đớn rụng rời,
oan nầy còn một kêu trời những xa.
Một ngày lạ thói sai nha, (6)
làm cho khốc hại (7) chẳng qua vì tiền.
Sao cho cốt-nhục vẹn-tuyền,
trong khi ngộ biến tùng quyền (8) biết sao
Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
chữ tình chữ hiếu, bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn, (9)
làm con trước phải đền ơn sanh thành.

---

(1) Đồ tế nhuyễn. — Đồ kín, đồ nhỏ, đồ nữ trang.
(2) Sạch sành-sanh. — Sạch bách, ráo nạy.
(3) Bay-bốc. — Tai bay vạ gởi.
(4) Hạ từ — Bỏ nhỏ, hạ mình xuống mà xin.. ....
(5) — Nó không nghe, không vì, cứ phép khảo kẹp
(6) Sai nha. Nhà tơ (Kẻ quan sai).
(7) Khốc hại. — Độc dữ.
(8) Quyền. — Dỡ.
(9) — Chỉ non chỉ nước mà thề. Lời thề.



Người nách thước, kẻ tay dao; đầu trâu, mặt ngựa ào-ào như sôi.
Vơ quàng một lão một trai, một dây vô lại buộc hai thâm tình.

(Coi trương 53).

Quyết tình nàng mới hạ tình. (1)
  giễ cho để thiếp bán mình chuộc cha
Họ *Chung* có kẻ lại già,
  cũng trong nha dịch lại là tử tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
  vì nàng nghĩ cũng thương thầm xót vay
Tình bài lót đó trọn dày,
  có ba trăm lượng việc nầy mới xuôi.
Đem về tạm phú giam ngoài,
  nhủ rằng qui liệu 2 trong dôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ ngây,
  gặp cơn họa gió tai bay bất kỳ
Đau lòng tử biệt sinh ly,
  thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên.
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
  liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân. (3)

Mã-giám-Sanh tới coi Túy-Kiều, nói dối mua về làm vợ bé.

Sự lòng ngỏ với băng nhân, (4)
  tin sương đồn-dãi xa gần xôn-xao.
Gần miền có một mụ nào,
  đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
Hỏi tên rằng *Mã-giám-sanh*.
  hỏi quê rằng huyện *Lâm-thanh* cũng gần.

---

(1) Hạ tình. — Để dẹp tình lại, mà lo hiếu.
(2) Qui liệu. Tính toán.
(3) Ba xuân. (tam sanh).
(4) Băng nhơn. — Kẻ làm mai, kẻ đem mối.

Quá niên giạc ngoại bốn tuần,
râu mày nhẵn-nhụi (1) áo quần bảnh-bao. (2)
Trước thầy sau tớ xôn-xao,
nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghế lên ngồi tốt sẵn-sàng,
phòng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
thềm hoa một bước, giọt hoa mấy hàng.
Ngại-ngùng thẹn gió e sương,
xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối còn vén tóc bắt tay,
nết buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn-do (3) cân sắc cân tài,
ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn-nồng một vẻ một ưa,
bằng lòng khách mới tùy cơ dặt-dìu. (4)
Rằng mua ngọc đến *Lam-kiều*,
sinh nghi xin dạy bao nhiêu dấy chường.
Mối rằng đáng giá ngàn vàng,
rấp nhà nhờ lượng người thương dám nài.
Cò-kè bớt một thêm hai,
giờ lâu ngã giá vưng ngoài bốn trăm.
Một lời thuyền đã êm dằm,
hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi.
Định kỳ nạp thể vu qui, (5)
tiền lưng đã có việc gì chẳng xong?

---

(1) Nhẵn-nhụi. — Trơn-tru, trơn-lu.
(2) Bảnh-bao. — Tươi-tỉnh, tử-tế.
(3) Đắn đo. — Đon ren, so đo.
(4) Dặt-dìu. — Nói phải chẳng.
(5) Nạp thể vu qui. — Cưới rồi đưa dâu.

Lo bạc vàng lãnh Vương-ông ra rồi. Vương-ông hay Túy-Kiều bán mình lấy tiền chuộc tội cho mình, thì than khóc vật đầu vào tường. Túy-Kiều khuyên giải hết lời cúng dặn cha mẹ cho em là Túy-Vân thế cho mình, vì đã có thề nguyền với Kim-Trọng.

Một lời cậy với *Chung-công*,
khất từ tạm lãnh *Vương ông* về nhà.
Thương tình con trẻ cha già,
nhìn nàng, ông đã máu sa ruột xàu:
Nuôi con những ước về sau,
trao tơ (1) phải lứa, gieo cầu đáng nơi. (2)
Trời làm chi cực bấy trời!
nầy ai vu thác cho người hiệp tan?
Búa dao bao quản thân tàn,
nỡ đày-dọa trẻ, càng oan khốc già.
Một lời sau trước cũng ra,
thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau.
Nhiều lời như chả dòng châu,
liều mình ông đã gieo đầu tường vôi.
Vội-vàng kẻ giữ người coi,
nhỏ lo nàng lại tìm lời khuyên can.

---

(1) Trao tơ — Tích con gái *Lý-lâm-phủ* quan tể tướng đời nhà *Đường*, có nhiều con gái, mời các quan viên nhỏ trai tới rồi trong lầu có chỉ tơ đỏ thả ra từ mối ra cửa sổ, ông nào nắm nhằm chỉ đứa nào, lấy đứa nấy làm vợ.

(2) Gieo cầu. — (Tú cầu); tích con ông *Lư-lân-vương* là con gái tên *Cẩm-bình-công-chúa* kén chồng, may trái cầu thêu, ngồi trên lầu quăng xuống, ai bắt được thì là chồng. Khi ấy có hai anh em con chú con bác, là *Tiết-giao*, bắt được, *Tiết-qui*, lại giành sồ cái bao gấm bứt hai ra; nên *Lư-lăng-vương* gả con chị cho *Tiết-giao*, còn con em đưa cho *Tiết-qui*. Rể xứng, rể kén được.



in-nồng một vẻ một ưa, bằng lòng khách mới tùy cơ dặt-dìu.
·ng mua ngọc đến *Lam-kiều*, sinh nghi xin dạy bao nhiêu đấy chường.

(Coi *trương* 57),

Vì chi một mảnh hồng nhan. (1
lóc tơ gọi chút đền ơn sanh thành.
Dâng thơ đã thẹn Nàng-Oanh. (2)
lại thua Ả-lý bán mình hay sao? (3)
Xuân huyên (4) tuổi hạc càng cao.
Một cây gánh vác biết bao nhiêu nhánh?
Lòng thơ dẫu chẳng dứt tình,
gió mây âu hẳn tan-tành nước non.
Thà rằng liều một thân con.
hoa dầu rã cánh, lá còn xanh cây.
Phận sao đành vậy cũng vầy,
cầm như chẳng dặn những ngày còn xanh.
Cũng đừng tính quất lo quanh.
tan nhà là một, thiệt mình là hai.
Phải lời ông cũng êm tai.
nhìn nhau giọt vắn giọt dài ngồn ngang.
Mái ngoài họ *Mã* vừa sang.
tờ hoa đã ký cân vàng mới trao.
Trăng-già (6) dọc-dịa lắm sao;
cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự-nhiên.

---

(1) Mảnh hồng nhan Thân phận con gái.

(2) Nàng Oanh. Tích đời nhà Hán Văn-đế, nàng *Đề-oanh* là con *Thuận-vu-khôn*. Cha bị tội đáng phải hình, thì nàng *Đề-oanh* tới ngọ môn xin bán mình vào cung làm mọi mà chuộc cha cho khỏi hình. Vua cảm lời *Đề-oanh* xuống chiếu bỏ nhục hình đời Tấn đi mà tha tội cho *Vu-khôn*.

(3) — Nàng *Lý-cô-trinh-nương* cha mắc tội oan, bán mình mà chuộc tội cha.

(4) Huyên thảo vong ưu, cố dĩ huyên hồ mẫu vi huyên đường — Hễ giắt cỏ huyên lên đầu thì quên hết lo, cho nên lấy đó mà chỉ là mẹ.

(5) Ngồn-ngang. — Dọc ngang.

(6) Trăng-già. Nguyệt-lão, bà Nguyệt-lão

Trong tay dã sẵn dồng tiền,
dầu lòng dổi trắng thay den khó gì?
Họ *Chung* ra sức giúp vì,
lễ tâm dã dặt, tụng kỳ cũng xong.
Một nhà dã tiện thong dong,
tinh kỳ (1 giục giả dã mong dọ về.
Một mình nương ngọn dén khuya,
áo dầm giọt lụy, tóc xe mối sầu.
Phận dầu dầu vậy cũng dầu,
xót lòng deo-dứng hẫy lâu một lời.
Công-trình kể biết mấy mươi?
vì ta khăng-khít (2) cho người dỡ dang.
Thề lòng chưa ráo chén vàng
lỗi thề thôi dã phụ-phàng với hoa.
Trời *Liêu* (3) non nước bao xa,
nghĩ dàn rẽ cửa, phân nhà tứ tôi.
Biết bao duyên nợ thề bồi,
kiếp nầy thôi thế thì thôi còn gì?
Tái sanh chưa dứt nhang thề,
làm thân trâu ngựa, dền nghì trước-mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
khối-tình (4) mang xuống tuyền dài (5 chưa tan.

---

(1) Tinh kỳ. Kỳ hẹn dưa dâu.
(2) Khăn-khít — Chặt-chịa.
(3) Trời Liêu. Đất *Liêu-dương*.
(4) Khối-tình. — Nguyên tích thuở xưa có người con gái có tình tri giao với người học trò, bị đứa côn quan giết chết di; tình nó chưa thỏa nên hóa ra người ta nhỏ nằm dưới lưng, dến khi quan lấy luật nghiệm, người, tình nhơn tới ngó thấy mặt khóc lên một tiếng, khi ấy khối-tình mới tan di.
(5) Tuyền dài. — Cửu tuyền. — Chín suối.

Nỗi riêng riêng những bàng-hoàng,
  dầu chong trắng dĩa, lụy tràn thấm khăn.
Túy-vân chợt tỉnh giấc xuân,
  dưới đèn ghé đến, ân-cần hỏi-han
Cơ trời dâu bể đa đoan,
  một nhà để chị riêng oan một mình.
Cớ chi ngồi những tàn canh,
  nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?
Rằng: lòng đương thổn-thức đầy,
  tơ duyên còn vướng mối nầy chưa xong.
Hở môi ra cũng thẹn-thùng,
  để lòng, thì phụ tấm lòng với
Cậy em, em có chịu lời,
  ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đàng đứt gánh tương tư. (1)
  keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng *Kim*,
  khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề:
Sự đâu sóng gió bất kỳ,
  hiếu tình có nhẽ (2) hai bề vẹn hai?
Ngày xuân em hãy còn dài,
  xót tình máu-mủ, thay lời nước non.
Chị dầu thịt nát xương mòn,
  ngậm cười chín suối (3) hãy còn thơm lây.
Chiếc vành với bức tờ mây,
  duyên nầy thì giữ, vật nầy của chung.
Dầu em nên vợ nên chồng,
  xót người mạng bạc, ắt lòng chớ quên.

———

(1) Tương tư. Nhớ nhau.
(2) Nhẽ. Lẽ.
(3) Chín suối. Cửu tuyền.



ậy em, em có chịu lời, ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
iữa đường đứt gánh tương tư, keo loan chắp mối tơ thừa mặc

(Coi trương 62)

Mất người còn chút của tin,
phím đờn với mảnh hương nguyền ngày
Mai sau dầu đến bao giờ,
đốt lò hương ấy, dỡ tơ phím nầy.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
thấy hiu hắt gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
nát thân bồ liễu đền nghì trước mai. (1)
Dạ dài cách mặt khuất lời,
chứa-chan giọt lụy cho người thác oan;
Bây-giờ trâm gãy bình tan,
kể làm sao xiết muôn vàn ái ân?
Trăm ngàn gởi lạy tình quân,
tóc tơ vắn vỏi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi, (2)
đã đành nước chảy hoa trôi lỡ-làng.
Ôi Kim-lang, hỡi Kim-lang.
thôi-thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!
Cạn lời hồn ngất máu say,
một hơi lặng ngắt, đôi tay lạnh đồng.
Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng,
một nhà chật ních kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời-bời,
mới dầu cơn vậng chửa phai giọt hồng.
Hỏi sao ra sự lạ-lùng,
Kiều càng nức-nở (3) mở không ra lời.
Nỗi nàng *Vân* mới dỉ lai.
chiếc vành đây với tờ-bồi ở đây

---

(1) Bồ liễu. Phận con gái. Trước mai. vợ chồng.
(2) Bạc như vôi. Trắng như vôi. Bạc quá.
(3) Nức-nở. Tức-tối.

Nãy cha làm lỗi duyên mày,
thôi thì nỗi ấy sau này đã em.
Vì ai rụng cải rơi kim, (1)
để con bèo nổi mây chìm vì
Lời con nhũ lại một hai,
dẫu mòn bia đá, dám sai tấc vàng.
Lạy rồi nàng lại thưa chương,
nhờ cha giả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi,
dẫn rằng xương trắng quê người quản đâu. (2)

Mã-giám-Sanh rước Túy-Kiều về nhà trọ. — Túy-Kiều buồn chí, cầm dao muốn đâm họng mà chết đi cho rồi; rồi nghĩ lại, lại thôi đi.

Xiết bao kể nỗi thảm-sầu,
khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa dâu đã đến ngoài,
quản huyền (3) đâu lại giục người sinh ly.
Đau lòng kẻ ở người đi,
lụy rơi thấm đá, tơ chia rã tằm.
Trời hôm mây kéo tối dầm,
dầu dầu ngọn cỏ đầm-dầm nhánh sương.
Rước nàng về đến trú phường, (4)
bốn bề xuân toả một nàng ở trong.
Ngập-ngừng thẹn lộc e hồng,
nghĩ lòng lại xót-xa lòng đòi phen.

---

(1) Kim cải. — Kim rơi cải rụng. — Vợ chồng phân rẽ.

(2) Xương trắng (Bạch cốt phao khi tha hương): chết bỏ xương đất người.

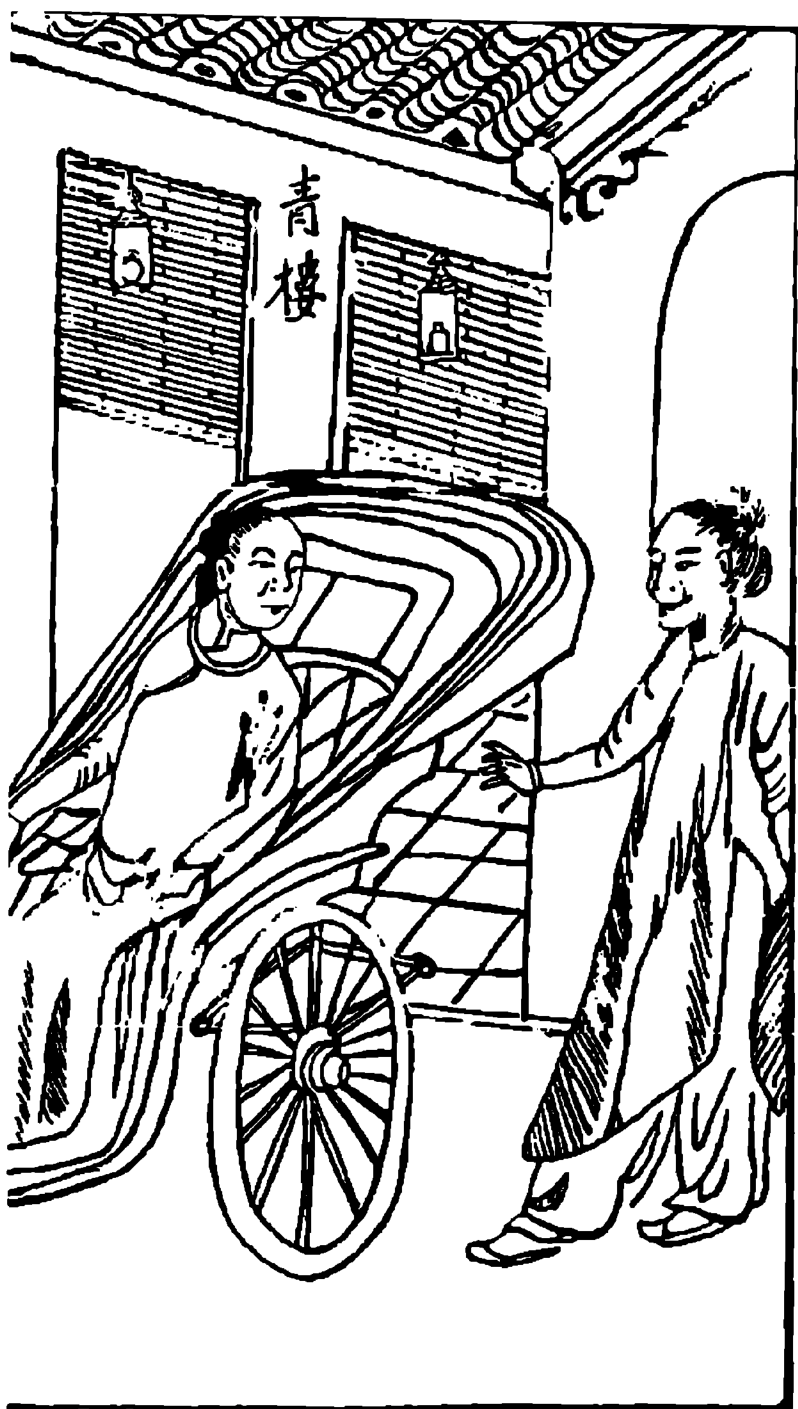
(3) Quản huyền. — Đờn địch, nhạc lời rước dâu.

(4) Trú phường. — Chỗ ở tạm.

Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
hoài công (1) nắng giữ mưa gìn với ai.
Biết thân đến bước lạc-loài,
nhụy đào dã bẻ cho người tình chung. (2)
Vì ai ngăn dón gió đông,
thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
Trùng phùng (3) dầu họa có khi,
thân nầy thôi có còn gì mà mong?
Đã sinh ra số long-dong,
còn mang lấy kiếp mà hồng đặng sao.
Trên án sẵn có con dao,
giấu cầm nàng dã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước dã đến chơn,
dao nầy thì liệu với thân phận nầy.
Đêm sầu một khắc một chầy,
bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.
Chẳng ngờ gã *Mã-giám-sinh*,
vẫn là một đứa phong tình (4) dã quen.
Quá chơi lại gặp hồi đen,
quen vùng lại kiếm ăn miền nguyệt hoa. (5)
Lầu xanh (6) có mụ *Tú-bà*,
làng chơi (7) dã trở về già hết duyên.

---

(1) Hoài công. Tiếc công, uổng công.
(2) Người tình chung. *Kim-trọng*.
(3) Trùng-phùng. Gặp lại.
(4) Phong tình. — Trai gái.
(5) Nguyệt hoa. — Trai gái.
(6) Lầu xanh. — Lầu dĩ hay vẽ sắc xanh, nên kêu là *Thanh lâu*.
(7) Làng chơi. Bợm chơi.



châu dừng bánh cửa ngoài, rèm trong đã thấy một người bước ra
oắt trông lợt-lợt màu da, ăn chi cao lớn đẫy-đà làm sao!

(Coi trương 73-74)

'Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
mạt cưa mướp đắng (1) đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng (2)
quanh năm buôn phấn bán hương đã lề (3)
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
giả danh hầu-hạ dạy nghề ăn-chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
đoạn trường lại chọn một người vô duyên.
Xót nàng chút phận thuyền quyên, (4)
nhành hoa đem bán vào thuyền lái-buôn.
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn, (5)
sinh nghi nạp giá nghinh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm cờ đã đến tay,
càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc hoàng.
Đã nên quốc sắc thiên hương,
một cười này hẳn ngàn vàng chẳng ngoa.
Về đây nước trước bẻ hoa,
vương tôn quí khách, ắt là đua nhau.
Ba bốn trăm lượng thử đâu,
cũng là vừa vốn, còn sau thì lời.
Miếng ngon kề đến tận nơi,
vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
thì vin nhành quít cho cam sự đời.

---

(1) Mướp đắng. — Khổ qua, đồ đắng ai thèm. Mạt cưa. — Đồ vô dụng
(2) Ngôi hàng. — Cửa hàng, cái hàng.
(3) — Nuôi đĩ, bán đĩ đã quen.
(4) Thuyền quyên. — Con gái tốt.
(5) — Mắc mớp.

Dưới trần mấy mặt làng-chơi,
chơi hoa dễ mấy người biết hoa?
Nước vỏ lựu máu mồng gà, (1
mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
Mập-mờ đánh-lận con đen, (3
bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi.
Mụ già hoặc có điều gì,
liều công mất một buổi quì mà thôi.
Đến đây đàng-sá xa-xuôi,
mà ta bất động nữa người sanh nghi.
Tiếc thay một đóa trà-mi,
con ong đã mở đàng đi lối về. (4
Một cơn mưa gió nặng-nề,
thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương?
Tiệc xuân một giấc mơ-màng,
đuốc hoa để đó một nàng ngồi trơ.
Nỗi riêng tầm-tã (5) tuôn mưa,
Phần e nỗi khách, phần lo nỗi mình.
Tuồng chi là giống hôi-tanh?
thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong,
đời người thôi thế là xong một đời.

(1 — Nước vỏ lựu sắc để mà rửa trong cửa mình cho săn thịt. Máu mồng gà, cắt ra bỏ vô là hành má chỉ còn con gái, còn nước đầu. Đỏ làm máu.

(2) Chiêu tập. Nhóm lại, săn da lại.

(3) Con đen. — (Lê dân) = người phàm phu.

(4) — Tiếc con gái tử-tế như hoa trà-mi bị đứa bậy là ong bướm tới mút nhụy.

(5) Tầm tã. — Lã-chã.

Giận duyên tủi phận bời-bời, (1)
cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh. (2)
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
một mình thì chớ, hai tình (3) thì sao?
Sau dầu sinh sự thế nào,
truy nguyên chẳng kẻo lụy vào song thân?
Nỗi mình âu cũng giãn dần, (4)
kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi.

Mã-giám-Sanh đem Túy-Kiều về Lâm-Tri, giao cho Tú-bà. Tú-bà bắt Túy-Kiều vô lạy làm lễ tiên-sư lầu-xanh, Túy-Kiều liều thân lấy dao đâm họng, ngã chết ngất mê thấy Đạm-Tiên hiện nói số đoạn trường trốn không khỏi đặng. Túy-Kiều tỉnh lại Tú-bà theo dỗ ngọt.

Những là đo-đắn ngược-xuôi,
tiếng gà nghe đã gáy thôi mái trường.
Lầu mai (5) vừa lúc tan sương,
Mã-sinh giục giã vội-vàng ra đi.
Đoạn trường thay, lúc phân kỳ! (6)
vó câu khấp-khểnh bánh xe gập-ghềnh.
Bề ngoài mười dặm trường đình, (7)
Vương-ông gánh tiệc tiễn hành (8) đưa theo;

---

(1) Bời-bời. Chan-chan; bủi.
(2) Quyên sinh. — Liều sống.
(3) Hai tình. — Cha mẹ. Song thân.
(4) Giãn dần. — Bớt lần lần.
(5) Lầu mai. — Lầu quán.
(6) Lúc phân kỳ. — Chia đường. Kẻ ở người đi.
(7) Trường đình. — Trạm nghỉ.
(8) Tiễn hành. — Đưa đi. (Lễ đưa).



dao tay áo lức thì dở ra.
ɉ còn trông mặt, nàng đà quá tay.

(Coi trương 7

Ngoài thì chủ khách dập-dều,
  một nhà huyên với một *Kiều* ở trong.
Nhìn càng lã-chã giọt hồng,
  dỉ tai nàng mới giãi lòng thấp cao.
Hổ sanh ra phận thơ đào,
  công cha ngãi mẹ kiếp nào trả xong?
Lỡ-làng nước đục vùi trong,
  trăm năm dề mót tấm lòng từ dây.
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
  thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già.
Khi về bỏ vắng trong nhà,
  khi vào dúi-thẳng khi ra vội-vàng.
Khi ăn khi nói lỡ-làng,
  khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
Khác màu kẻ quí người thanh,
  gẫm ra cho kĩ như hình con buôn.
Thôi con còn nói chi con ?
  sống nhờ dất khách, thác chôn quê người!
Vương-bà nghe bấy nhiêu lời,
  tiếng oan dã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên, (1
  mái ngoài nghĩ dã giục liền ruổi xe.
Xót con lòng nặng bè-bè,
  trước yên ông dã nằn-nì thấp cao.
Xót con liễu yếu thơ dào,
  rấp nhà dến nỗi chen vào tôi người!
Từ dây góc biển ven trời,
  nắng mưa thủi thủi, 2 quê người một thân.

---

(1) Chén khuyên. Một tuần uống là nhấm ba lần rót rượu lưa con.
(2) Thủi-thủi — Trụi trụi

Ngàn tầm nhờ bóng tùng quân, (1)
tuyết sương che chở cho thân cát đằng.
Cạn lời khách mới thưa rằng :
buộc chơn thôi cũng xích thằng nhiệm sao;
Mai sau dầu đến thế nào,
kìa gương nhựt nguyệt nọ dao quỉ thần. (2)
Đùng-đùng gió hiệp mây tần, (3)
một xe trong cõi hồng trần như bay. (4)
Trông vời bặt lụy phân tay,
góc trời thẳm-thẳm, ngày ngày dăm đăm. (5)
Nàng thì cõi khách xa-xăm, (6)
bạc phau cầu giá, chơn dầm ngàn mây.
Bờ lau sát-sát hơi mai, (8)
một trời thu để riêng tây một người.
Dặm khuya ngớt lạnh mù khơi,
thấy trăng mà thẹn những lời non sông.
Lầu thu tầng biếc ùa hồng,
nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.
Những là lạ nước lạ non,
Lâm-tri vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
rèm trong đã thấy một người bước ra.

---

(1) — Chàng là cây tùng cao ngàn tầm, xin gởi gắm con ta hèn hạ như dây cát-đằng. Dây cát căn, dây đằng bồn
(2) Chỉ mặt trời mặt trăng mà thề; lại thề quỉ thần giết đi.
(3) Gió hiệp — Gió núi Hiệp. Mây tần.— Mây non tần lãnh.
(4) Hồng trần. Bụi đỏ.
(5) Dăm-dăm. Thẳm-thẳm mù-mù. Dàu-dàu
(6) Xa-xăm. Xa-xuôi.
(7) — Lội giá đạp tuyết trắng phau phau. Đi xa-xuôi.
(8) Sương tuyết đầy đường dẫy sả.

Thoát trông lợt lợt màu da,
ăn chi cao lớn đẫy-đà làm sao!
Trước xe hớn-hở han-chào.
vưng lời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mày ngài, (1)
bên thì ngồi bốn năm người làng soi. (2)
Giữa thì hương nến hẳn-hoi,
trên treo một tượng trắng đòi lông mày. (3)
Lầu xanh quen lối xưa nay,
nghề nầy thì lấy ông nầy tiên sư.
Hương hôm hoa sớm phượng-thờ,
cô nào xấu vía cỏ thưa mối hàng.
Cổi xiêm lột áo chán-chường.
trước thần sẽ nguyện mảnh hương lâm-dâm.
Nệm hoa lót xuống chiếu nằm,
bướm ong bay lại ầm-ầm tứ vi.
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,
cứ lời lạy xuống mụ thì khấn ngay:
Cửa hàng buôn-bán cho may,
đêm-đêm hàn thực, (4) ngày-ngày nguyên tiêu.
Muôn ngàn người thấy cũng yêu,
xôn-xao anh én dập-dìu trước-mai.
Tin ve vạch lá thơ bài,
đưa người cửa trước, rước người cửa sau?

---

(1) Mày ngài. — Mày như con nhộng mới hóa bướm. Mày tằm, bọn đĩ dành chang mày lóc con.

(2) Làng soi. — Người lịch-sự tử-tế.

(3) — Tổ đĩ; Thần đĩ —(Người ta hay vẽ có lông mày trắng.)

(4) Hán thực. — (Ăn lạnh). Ngày mồng ba tháng ba, tiết thanh-minh.

(5) Nguyên tiêu. - Hội nguyên tiêu, rằm tháng giêng, ăn cỗ thắp đèn, vân vân.



Nghĩ rằng cũng về thơ hương, hỏi ra mới biết rằng chàng *Sở-khanh*. Bóng hoa thấp-thoáng dưới mành, trông chàng nàng cũng ra tình đeo-đai.

(*Coi trương 81*).

Lạ tai nghe chửa biết đâu,
xem tình ra cũng những màu dở-dang.
Lễ xong hương hỏa gia đường,
Tú-Bà vắt nhục (1) lên giường ngồi ngay
Dạy rằng con lạy mẹ đây,
lạy rồi thì lạy cậu mày bên kia.
Nàng rằng: phải bước lưu-ly,
phận hèn vưng đã cam bề tiểu tinh; (2)
Điều đâu lấy én làm anh?
ngây-thơ chẳng biết là danh phận gì;
Đủ điều nạp thể vu qui.
đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi;
Giờ ra thay bực đổi ngôi,
dám xin gởi lại một lời cho minh.
Mụ nghe nàng nói hay tình,
bây-giờ mới nổi tam bành (3) mụ lên
Nầy nầy sự đã quả nhiên,
thôi đà cướp sống chồng min đi rồi!
Bảo thì đi dạo lấy người,
đem về rước khách lấy lời mà ăn.
Tuồng vô ngãi ở vô nhơn,
buồn mình trước đã tần-mần thử chơi!
Màu hồ đã mất đi rồi,
thôi-thôi vốn-liếng đi đời nhà ma!

---

(1) Nhục. Mã nhục Nệm. Xách cái nệm trải mà khấn đem lên giường lót mà ngồi.

(2) Tiểu tinh. Vợ bé.

(3) Tam bành. Ba thần Bành. Sách dạy phép lu tiên nói trong mình người ta có ba họ Bành: Bành-cứ, Bành-chất, Bành-kiêu. Việc nó thì là xui-giục người ta làm tội đặng nó có đi cáo với Ngọc-hoàng.. Tính hung. nết dữ.

Con kia dã bán cho ta,
  nhập gia phải cứ phép nhà tao dây.
Lão kia có dỡ bài-bây, 1
  chẳng phang vào mặt, thì mầy dừng nghe.
Cớ sao chịu trót một bề,
  gái tơ mà dã ngứa nghề sớm sao?
Phải làm cho biết phép tao:
  giựt bì tiên 2 rấp sấn vào ra tay.
Nàng rằng: trời thẳm dất dày!
  thân nầy dã bỏ những ngày ra di.
Thôi thì thôi có tiếc chi,
  sẵn dao tay áo tức-thì dỡ ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa,
  mụ còn trông mặt, nàng dà quá tay.
Thương ôi tài sắc mực nầy!
  một dao oan nghiệt dứt dây phong trần!
Nỗi oan vỡ-lở xa gần,
  trong nhà người chật một lần như nêm.
Nàng thì bặt-bặt giấc tiên,
  mụ thì mịt-mịt mặt nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên tây,
  cắt người xem-xóc, chạy thầy thuốc thang.
Nào hay chửa hết trần duyên,
  trong mây dường dã dứng bên một nàng.
Dỉ rằng nhân quả dở dang. (3
  dã toan trốn nợ doạn tràng dược sao?
Số còn nặng nghiệp má dào.
  người dẫu muốn quyết trời nào dã cho?

---

(1) Bài-bây.-- Lân-dân, lây-dây ; liều mạng.
(2) Bì tiên.— Roi da gióc.
(3) Nhân quả. — (Tiền nhơn hậu quả) = Tiền khiên dời trước dể lại mình mắc.

Hãy xin hết kiếp liễu bồ, (1)
sông *Tiền-đường* sẽ hẹn hò về sau.
Thuốc-thang trót một ngày thâu,
giấc mê nghe đã dầu-dầu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
gieo lời khuyên giải mơn-man gỡ dần:
Một người để có mấy thân?
hoa xuân đang nhụy, ngày xuân còn dài;
Cũng là lỡ một lầm hai,
đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây;
Lỡ chơn trót đã vào đây,
khóa buồn xuân, để đợi ngày đào non;
Người còn thì của hãy còn,
tìm nơi xứng đáng là con cái nhà.
Làm chi tội báo oan gia,
thiệt mình mà hại đến ta hay gì?
Kề tai mấy nỗi nằn-nì,
nàng nghe dường cũng thị phi rạch-ròi.
Vả suy thần mộng mấy lời,
túc khiên (2) thì cũng có trời ở trong.
Kiếp nầy nợ trả chưa xong,
làm chi thì cũng một chồng kiếp sau.
Lặng nghe đằm-thắm gót đầu,
thưa rằng: ai có muốn đâu thề nầy?
Được như lời thế là may,
hẳn rằng mai có như rày cho chăng?

---

(1) Liễu bồ. — Yếu đuối mềm mại như cây liễu cây bồ. — Phận con gái.
(2) Túc khiên. — Nghiệp cũ, tiền khiên.



Cũng liều nhắm mắt đưa chơn, mà xem con tạo xây vần đến đâu.
Cùng nhau lên bước dặm dài, song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

(Coi trương 85).

Sợ khi ong bướm dãi-dàng,
  đến điều sống đục, sao bằng thác trong.
Mụ rằng: con hãy thong-dong,
  phải đều lòng lại dối lòng má chơi?
Mai sau ở chẳng như lời,
  trên đầu có bóng mặt trời sáng soi.
Thấy lời quyết đoán hẳn-hòi,
  đành lòng nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.

Túy-Kiều than thở nhớ nhà.

Trước sau ngừng biếc tỏa xuân. (1)
  vẻ non xa tấm trăng gần ở chung. (2)
Bốn bề bát-ngát xa trông,
  cát vàng cồn nọ, doi hồng dặm kia.
Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
  nhớ tình nhớ cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
  tin sương luống hãy ráy trông mài chờ.
Bên trời góc biển bơ-vơ,
  tấm son gụt rửa bao giờ cho phai?
Xót người dựa cửa hôm mai, (3)
  quạt nồng ấp lạnh, những ai đó chừ?
Bồng lai (4) cách mấy nắng mưa,
  có khi gốc tử đã vừa người ôm. (5)

---

(1) — Đóng cửa buồng cấm cung.

(2) — Ở trên lầu, ngó dấu non xa, nhắm trăng giọi vô cửa song.

(3) Dựa cửa hôm mai. — (Triêu mộ ỷ môn nhi vọng.) Nó nhắc về cha mẹ nó ngồi buồn nhớ trông, biết ai châu cấp dưỡng nuôi giúp đỡ.

(4) Bồng lai. — Cảnh tiên. Xa nhà đã lâu....

(5) Gốc tử. — Cây tử-lý, trồng ở nhà bây giờ có khi lớn vừa một ôm kia dặng.

Buồn trông cửa biển gần hôm,
thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa-xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa
hoa trôi man-mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dàu-dàu,
chơn mây mặt đất một màu xanh-xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt gành.
om-sòm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Túy-Kiều bị Sở-Khanh gạt dỗ đem đi.

Đòng-quanh những nước non người,
đau lòng lưu-lạc. nên vài bốn câu.
Ngậm-ngùi xũ bức rèm châu,
cách lầu nghe có tiếng đâu họa vần.
Một chàng vừa trạc thanh xuân.
hình-dung chai-chuốt 1) áo khăn dịu-dáng.
Nghĩ rằng cũng vẻ thơ hương, (2
hỏi ra mới biết rằng chàng *Sở-khanh*.
Bóng hoa thấp-thoáng dưới mành,
trông chàng nàng cũng ra tình deo-dai. 3)
Than ôi sắc nước hương trời,
tiếc cho đâu bỗng lạc-loài đến đây!
Giá đành trong nguyệt trên mây,
hoa sao hoa khéo dã-dày (4 bấy hoa.
Nỗi cơn riêng giận trời già,
lòng nầy ai tỏ cho ta hỡi lòng!

---

(1) Chai chuốt. Lịch sự tử tế, tốt trai.
(2) Thơ hương. Con nhà học trò.
(3) Đeo dai. — Đèo bòng.
(4) Dã dày. Rã rời.

Thuyền quyên vì biết anh-hùng,
ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.
Song thưa đã khép cánh ngoài,
lại còn dồng vọng (1) mấy lời sắt đinh. (2)
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
cảm lòng chua-xót lạ tình bơ-vơ.
Những là lần-lữa nắng mưa,
kiếp phong trần biết bao giờ là thôi?
Đánh liều nhắn một đôi lời,
nhờ tay tế độ (3) vớt người trầm luân.
Mảnh tiên (4) kể hết xa gần,
nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc-loài,
Tan sương vừa rạng ngày mai,
cánh hồng nàng mới nhắn lời gởi sang.
Trời tây lửng-đửng bóng vàng, (5)
phục thơ đã thấy tin chàng tới nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
rành-rành : *tích việt* (6) có hai chữ đề.
Lấy trong ý-tứ mà suy,
ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng ?
Chim hôm thôi thoát về rừng, (7)
đoá trà-mi đã ngậm trăng nửa mảnh. (8)

---

(1) Dồng vọng. — Nghe vẳng vẳng ; lóng tai mà nghe.

(2) Lời sắt đinh. — Lời nói chắc ; chắc như đinh sắt đóng vào cây.

(3) Tế độ. — Chở bằng đò. — Cứu giúp.

(4) Mảnh tiên. — Tấm giấy.

(5) Mặt trời xế chiều.

(6) Tích việt. — Xé hai chữ ra mà cắt nghĩa là đến ngày hai mươi mốt, giờ tuất thì trốn.

(7) Tối rồi, chim bay về núi

(8) Trăng đà mọc, mà trăng ngày hai mươi mốt còn nửa cái·



lột đoàn đua đến trước sau, vứt đầu xuống đất, cẳng đưa lên trời?
'à-bá tốc thẳng đến nơi, ầm-ầm áp điệu một hơi lại nhà.

(Coi trương 8(

Trường dòng lay-động bóng nhành.
　rẽ song đã thấy *Sở-khanh* bước vào.
Sượng-sùng đánh dạn ra chào
　lạy thôi nàng mới dỉ trao ân-cần,
Rằng: tôi bèo bọt chút thân,
　lạc dòng mang lấy nợ-nần ên-anh.
Dám nhờ cốt nhục tử sanh, (1)
　còn nhiều kết cỏ ngậm vành (2) về sau.
Lặng ngồi thầm ngẫm gật dần,
　ta đây phải mượn ai đâu mà rằng.
Nàng đà biết đến ta chăng,
　biển trầm luân (3) lấp cho bằng mới thôi.

---

(1) Cốt nhục tử sanh. Sống gởi nạc, thác gởi xương.

(2) Kết cỏ ngậm vành. — Đời *Chiến-quốc*, con ông *Ngụy-thù*, nước *Tấn*, có người hầu còn trẻ, trước khi chết trối với con đầu lòng biểu khi chôn ông, thì đừng có chôn người hầu ông đi, tội nghiệp.(Thuở ấy hay chôn sống người thương theo người chết). Khi hấp hối, ông có nói với thằng con nhỏ thì phải chôn....mà sau nhớ người anh, giải nói khi ấy là lúc loạn mạng thì con hiểu thảo chẳng nên cứ ..... Hai anh em làm tướng nước *Tấn*, đánh với tướng *Tần*, cầm dùi sắt đánh gãy xe,sau về rầu, ngồi tinh mưu thế,nghe tiếng nói rằng: «Thanh thảo pha.» Kêu em dậy nói chuyện, bàn với nhau, sáng ra cỡi ngựa ra đi đánh, gặp nó, trá bại chạy xuống cái chòm cỏ tốt, tới đó ngó lại thấy quân *Tần* tè lụi đụi thì trở lại đánh; tướng *Tần* xốc lại (bị có hồn cha con hầu ông *Ngụy-thù*, cột tóm đầu cỏ lại mà trác giặc bị vấp té xuống), dâm được chết đi; ấy là tích *Kết-cỏ*.

Đời nhà *Thương* vua *Thái-mậu*, người ta có dâng con chim *Hoàng-tước*, vua thấy nó sụ sụ, lại nghe tiếng con mái bay ngoài kêu thì thương mà thả đi. Đêm nằm ngủ thấy con chim ấy bay đến, ngậm ngọc nhả ra xin dâng ngọc đền ơn. Vua dậy quả thấy có cái *Vành-ngọc* để trong cái hộp; ấy là tích *Ngậm-vành*.

(3) — Khổ hải. — Tích *Tinh-vệ* công chúa nước *Phiên*, chồng bị chìm nơi biển Khổ-hải. Công chúa thù chồng bèn biến ra con *Tinh-vệ*, tha đá lấp cho cạn biển mà trả thù cho chồng.

Nàng rằng: muôn sự ơn người,
  thế nào xin quyết một lời cho xong.
Rằng ta có ngựa truy phong, (1)
  có tên dưới trướng, vốn dòng kiện nhi. (2)
Thừa cơ lén bước ra đi.
  ba mươi sáu chước, chước gì lại hơn.
Dầu khi gió kép mưa đơn,
  có ta đây cũng chẳng can-cớ gì?
Nghe lời nàng đã sinh nghi,
  song đà quá đất, quản gì đến thân.
Cũng liều nhắm mắt sẩy chơn,
  mà xem con tạo (3) xây vần đến đâu.
Cùng nhau lén bước dưới lầu,
  song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu khắc mãn canh tàn,
  gió cây lọt lá trăng ngàn ngậm gương. (4)
Lối mòn cỏ lợt màu sương,
  lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà eo-óc gáy mau,
  tiếng người đâu đã mái sau dậy-dàn. (5)
Nàng càng thổn thức gan vàng,
  Sở-khanh đã rẽ dây-cương nẻo nào.
Một mình không biết làm sao,
  dặm rừng bước thấp bước cao hãi-hùng.

(1) Truy phong. Theo gió. Ngựa bay quá.
(2) Kiện nhi. Thằng nhỏ mạnh.
(3) Con tạo. Tạo-hóa-nhi. Trời, thợ trời. Ông hóa công.
(4) Gió heo may) lá rụng, ngó trên non thấy trăng mới ló mọc.
(5) Dậy dàn. Om sòm, um cả tum.

Túy-Kiều bị Tú-bà theo bắt lại được, đem vô ở thanh lâu ba năm.

Hóa nhi (1) thật có nợ lòng,
  làm chi giày tía vò hồng lắm nao!
Một đoàn đua đến trước sau,
  vút đâu xuống đất, cánh đâu lên trời?
Tú-bà tốc thẳng đến nơi,
  ầm ầm áp điệu (2) một hơi lại nhà.
Hưng hành (3) chẳng hỏi chẳng tra,
  quả tay vùi liễu dập hoa tơi bời. (4)
Thịt da ai cũng là người,
  lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau?
Hết lời thú phục khẩn cầu,
  uốn lưng núi dồ, giập đầu máu sa. (5)
Rằng: tôi chút phận đàn-bà,
  nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
Bây-giờ sống chết ở tay,
  thân nầy đã đến thế nầy thì thôi.
Nhưng tôi có sá chi tôi,
  phận tôi đành vậy, vốn người để đâu? (6)
Thân lươn bao quản lấm đầu, (7)
  chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa.
Được lời mụ mới tùy cơ,
  bắt người bảo-lãnh làm tờ cung-chiêu.

---

(1) Hóa nhi. — Tạo hóa tiểu nhi. — Trời.
(2) Áp điệu. — Áp bắt dẫn về.
(3) Hưng hành. — Làm hung, hung hăng.
(4) — Nắm óc đánh vùi, không kể thân.
(5) — Bắt chum hom xuống, chà xát vập đầu chảy máu.
(6) Phận tôi đày đọa, đánh mấy thì đành, má sợ rủi tôi chết đi, thì bà mất vốn đi còn gì.
(7) — Lươn đâu nệ lấm đầu.



ương sao cho vẹn thì thương, tính sao cho trọn mọi đường thì vâng
nh rằng : hay nói để chừng, lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao

(Coi trương 10)

Bấy vai có ả *Mã-kiều*,
  xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt kể khoan,
  gạn-gùng đến mực, nồng-nàn mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà.
  Mã-kiều lại hở ý ra dặn lời
Thôi đà mắc lận thì thôi
  đi đâu chẳng biết con người *Sở-khanh*?
Phụ tình nổi tiếng lầu xanh.
  một tay chôn biết mấy nhánh phù-dung.
Đà dao (1) sắp sẵn chước dùng,
  lạ chi một cốt một đồng (2) xưa nay.
Có ba trăm lạng trao tay.
  không nhưng sao có chuyện này trò kia?
Rồi ra trở mặt tức-thì.
  bớt lời kêu chớ lạy chi mà dời,
Nàng rằng thề-thốt nặng lời,
  có đâu mà lại ra lời hiểm-sâu?
Còn đang suy trước nghĩ sau,
  mặt mo (3) đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở-khanh lên tiếng rêu-rao,
  dộ nghe rằng có con nào ở đây.
Phao cho quến gió rủ mây.
  hãy xem có biết mặt này là ai?
Nàng rằng: thôi thế thì thôi,
  Rằng không thì cũng vưng lời rằng không.

---

(1) Đà dao. Với trái.

(2) Cốt. Bóng chàng. Đồng. Đứa ngồi đồng. — Một bọn với nhau.

(3) Mặt mo. Mặt dày, mặt dạn.

Sở-khanh khoác-mắng dùng-dùng.
  sẫn vào vừa rắp thị hùng ra tay.
Nàng rằng : trời nhẽ có hay !
  quến anh rũ én sự nầy tại ai ?
Đem người giẫy (1) xuống giếng thơi, (2
  nói rồi rồi lại ăn lời được ngay !
Còn liên tích việt ở tay
  rõ-ràng mặt ấy mạt nầy cho ai ?
Lời ngay đông mặt trong ngoài.
  kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương.
Phụ tình án đã rõ-ràng,
  dơ tuồng nghĩ mới kiếm đàng tháo lui.
Trách thầm riêng những sụt-sùi,
  nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.
Tiếc thay trong giá trắng ngần !
  đến phong trần cũng phong trần (3) như ai.
Tẻ vui cũng một kiếp người.
  hồng nhan phải giống ở đời mãi ru ? (4
Kiếp xưa đã vụng đàng tu,
  kiếp nầy chẳng kẻo đền bồ mới xuôi.
Dầu sao bình đã vỡ rồi,
  lấy thân mà trả nợ đời cho xong.
Vừa tuần nguyệt rạng gương trong.
  Tú-bà ghé lại thong-dong dặn dò
Nghề chơi cũng lắm công phu,
  làng chơi ta phải biết cho đủ điều.

---

(1) Giẫy — Xô
(2) Giếng thơi. — Thứ giếng đào nhỏ miệng mà sâu, là giếng thơi.
(3) Phong trần. — Gió bụi. — Nước cực khổ.
(4) Ru. — Sao
(5. — Vừa nhằm ngày rằm, sáng trăng.

Nàng rằng: mưa gió dập-diều.
  liều thân thì cũng phải liều thế thôi.
Mụ rằng ai cũng như ai,
  người ta ai mất tiền hoài đến đây?
Ở trong còn lắm dều hay.
  nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung. (1
Nầy con thuộc lấy làm lòng.
  vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề (2).
Chơi cho liễu chán hoa chê.
  cho lăn-lóc đá cho mê mẩn dời.
Khi nghe hạnh, khi nết ngời, (3)
  khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa.
Đều là nghề-nghiệp trong nhà.
  dủ ngần ấy nết, mới là người chơi.
Cúi dầu vưng dạy mấy lời.
  dường châu nét nguyệt, dường phai vẻ hồng. (4)
Những nghe nói dã thẹn thùng,
  nước dời lắm nỗi lạ-lùng khắt khe.
Xót mình cửa các phòng quê, (6
  dở lòng học lấy những nghề nghiệp hay.

---

(1) Việc dêm làm dĩ phải biết cách-thức, thế-thần, còn ban ngày thì ra vô, rước khách cho tử-tế cho người ta mê.

(2) Vành ngoài bảy chữ — là thất tình: tẻ vui theo buổi theo khi cho dủ thế. Vành trong tám nghề. - Chỉ cách khoái, cùng làm cho khoái trong nghề ấy.

(3) Nghe hạnh. Kể hạnh). — Kể chuyện văn với trai. — Nết ngái. — Khi thì dánh chang máy tóc con.

(4) Châu nét nguyệt. Châu mày, nhăn mặt. — Phai vẽ hồng. — Lợt má dào.

(5) Khắt khe. Chua le.

(6) Cửa các phòng quê. — Nhà cửa mình xưa tử lế.



sát đến sĩ, sập ợy trước dì ra ny ngng lời:
l chơi-bời, mà con người ấy là người đong-đưa
(Coi trương 110)

Khéo là mặt dạn mày dày,
kiếp người đã đến thế này thì thôi.
Thương thay thân-phận lạc loài,
dẫu sao cũng ở tay người biết sao.
Lầu xanh mới xủ trướng đào, (1)
càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.
Biết bao bướm rã ong rời,
cuộc say đầy tháng, 2) trận cười trốt đêm.
Dập dìu lá gió nhành chim, 3
sớm đưa Tống-ngọc tối tìm Trường-khanh. 4)
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
giựt mình mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm xủ lá,
giờ sao tan-tác như hoa giữa đường? (5)
Mặt sao dày gió dạn sương,
thân sao bướm chán, ong chường bấy thân!
Mặc người mưa Sở, mây Tần,
nhưng mình nào có biết xuân là gì?

---

1) Vô lầu xanh Nhà dĩ). Nhập vô bọn dĩ.

2) Cho tiền trước ở chơi, chiếm lấy một nàng cho đủ một tháng.

(3) Chi nghinh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong. Ông *Lý-mỗ* có hai đứa con, một trai một gái, trước cửa có trồng cây ngô-đồng một bên giếng, chiều ra hứng gió, ông cha biểu một đứa ngâm một câu thơ. Thằng con trai ngâm không hay, đứa con gái ngâm câu trên này. Cha khen hay mà chê nó sau làm dĩ. – Cột tìm trầu; ra vô rước mối rước khách

(4) *Tống-ngọc*, học trò đời *Chiến-quốc* nước *Sở*, lịch sự trai. *Trường-khanh*. *Tư-mã-tương-như*, học trò đời *Hán-võ-đế*, cũng lịch sự trai.

(5 Xưa sao kính-dáo phòng the, bây-giờ sao lại lạc-loài như hoa giữa đàng, dụng ai nấy ngửi.

Đôi phen gió dựa hoa kề,
  nửa mành tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu. (1)
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu?
  người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?
Đôi phen nét vẽ câu thơ,
  cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa! (2)
Vui là vui gượn kẻo là,
  ai tri âm đó, mặn mà với ai?
Thờ-ơ gió trước mưa mai,
  ngẩn-ngơ trăm nỗi, giồi mài một thân.
Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
  chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
Nhớ ơn chín chữ cao sâu, (3)
  một ngày một ngả bóng dâu tà-tà. (4)
Dặm ngàn nước thẳm non xa,
  nghĩ đâu thân phận con ra thế nầy!
Sân hòe (5) đôi chút thơ-ngây,
  trân cam (6) ai kẻ đỡ thay việc mình?

---

(1) — Mùa nào qua mùa nấy cũng không đi đâu khỏi được, cứ nghề làm dĩ hoài.

(2) Cũng có khi gảy cầm lúc sáng trăng, đánh cờ nơi vườn hoa nở.

(3) — Chín chữ trong câu thơ *Lục-nga* : *Ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao*....

(4) — Tan giu mộ cảnh. — Vì cha mẹ già yếu như bóng dâu đã tà.

(5) Sân hòe. — Tích ông *Vương-đáng* có trồng ba cây hòe trước sân, chỉ con sau cùng làm tam công. Nên đời sau lấy chữ hòe mà kêu sân hòe. — Đôi chút thơ ngây. Là *Vương-quang*, với *Túy-Vân* còn thơ dại.

(6) Trân cam. — Miếng ngon, vật lạ.

Nhớ lời nguyền-ước ba sinh,
  xa-xuôi ai có biết tình chăng ai?
Khi về hỏi liễu chương dài, 1
  nhánh xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
Tình sâu mong trả ngãi dày,
  hoa kia đã chắp cây nầy cho chưa? (2
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
  giấc hương quan (3) luống những mơ canh dài.
Song sa võ-võ phương trời,
  nay hoáng hôn đã lại mai hôn hoáng. (4)
Lần-lần thỏ bạc ác vàng, (5)
  xót người trong hội đoạn tráng đòi cơn. (6)
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
  làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!
Đã dày vào kiếp phong trần,
  sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi.

Túy-Kiều gặp Thúc-Sanh cưới về làm vợ bé. Thúc-ông giận đi thưa quan, bị đòn rồi sau lại cho hiệp lại với nhau ba năm ở với Thúc-Sanh hằng giục Thúc-Sanh thú với vợ chánh. Thúc-Sanh về. Túy-Kiều ở làm dâu Thúc-ông ba năm.

Khách du bỗng có một người,
  Ký-tâm họ *Thúc* cũng loài thơ hương.

---

(1) Liễu chương đài. Cây liễu ở chỗ tử-tế. — Nó nói lẽ nào *Kim-trọng* trở về cũng cứ đó mà hỏi thăm.

(2) — Không biết ở nhà em mình nó đã thế cho mình mà làm bạn với *Kim-trọng* hay chưa?

(3) Giấc hương quan. — Ngủ mà chiêm-bao thấy quê.

(4) Hôn hoáng. Ngày lụn tháng qua, ngày nào tối ngày nấy, cũng là ở đất người, hết ngày tới đêm, hết tối tới sáng.

(5) Ngày qua, đêm lụn...

(6) Nhớ con *Đạm-tiên*.



ương nhau xin nhớ lời nhau, năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy
ên đưa nhớ bữa hôm nay, chén mừng xin đợi bữa này năm sau.

(Coi trương 109)

Vốn người huyện *Tích* châu *Thường*,
theo nghiêm thân mở ngôi hàng (1) *Lâm tri*.
Hoa khôi (2) mộ tiếng *Kiều-nhi*,
thiếp hồng (3) tìm đến hương quê (4)
Trướng Tô (5) hiệp mặt hoa đào,
vẻ nào chẳng mặn, nết nào chẳng ưa?
Hải đường (6) mởn-mởn nhánh tơ,
ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt não nùng,
đêm xuân ai dễ cầm lòng đặng chăng?
Lạ chi thanh khí (7) lẽ hằng,
một dây đã buộc ai giằng (8) cho ra?
Sớm đào tối mận lân la,
trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.
Dịp đâu may-mắn lạ dường!
lại vừa gặp khoảng xuân đường về quê.
Sanh càng một tỉnh mười mê,
ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.
Khi gió các, khi trăng sân,
bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.
Khi hương sớm, khi mây trưa,
bàn vây đếm nước, đường tơ hỏa đờn.

---

(1) Ngôi hàng. — Cái hàng buôn.
(2) Hoa khôi. — Đầu hoa. Lịch sự, xinh tốt nhứt.
(3) Thiếp hồng. — Viết thiệp giấy hồng đào.
(4) Hương quê. — Buồng thơm.
(5) Trướng Tô. — Trướng ông *Tô-đông-pha*, tuy già mà con gái còn muốn.
(6) Hải đường. — Bông hải đường đỏ thắm tốt.
(7) Thanh khí. — Tiếng hơi. Đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu.
(8) Giằng. — Giựt.

Mập-mờ trong cuộc truy hoan, (1)
  càng quen thuộc nết, càng dan-díu (2) tình.
Lạ cho cái sóng khuynh thành, (3)
  làm cho đổ quán, xiêu đình như chơi!
Thúc-sanh quen nết bốc rời, (4)
  trăm ngàn đổ một trận cười như không
Mụ càng tô lục chuốt hồng,
  máu tham hễ thấy hơi đồng (5) thì mê.
Dưới trăng quyên đã gọi hè, (6)
  đầu tường lửa lựu lập-loè đơm bông.
Phòng là phải buổi thong-dong,
  thang hương nưng bức trướng hồng rạch hoa. (7)
Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,
  dầy-dầy sẵn đúc một toà thiên nhiên. (8)
Sanh càng tỏ nết, càng khen,
  tả tình tay thảo một thiên luật Đường. (9)
Nàng rằng : vưng biết ý chàng,
  lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

---

(1) Truy-hoan.—Nói sự vui cũ. - Nhắc việc vui thuở trước.
(2) Dan-díu — Bận bịu, dắc-díu, mặn-mòi.
(3) Kêu là sóng khuinh thành, là sắc bất ba đào, quốc sắc khuinh nhơn thành ; tích *Tây-thi* đưa cho *Ngô-phù-ta*, vua nước *Ngô*, mê nó bỏ việc nước, cứ ở lầu *Cô-tô* với nó, sau giết *Tử-tư* rồi, nước *Việt* qua đánh lấy nước.
(4) Bốc rời. — Bốc tiền rời mà thưởng. Tục ngoài Bắc thưởng con hát nhà trò thì thưởng tiền rời.
(5) Hơi đồng. — Tiền bạc.
(6) — Quyên là con quốc, (Đỗ quyên, đỗ vũ, tử qui, vọng đế) — Con quốc kêu thì đã qua mùa thu.
(7) — Bỏ than hương xông, ngồi mà thêu.
(8) Khen nó còn dầy-dầy tử-tế như còn con gái.
(9) Luật Đường. — Thơ thất ngôn ; nhơn bày ra đời nhà Đường.

Hay hèn lẽ cũng nối điêu, (1)
  nỗi sanh nghĩ một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gởi đám mây vàng,
  hòa văn xin hãy chịu chàng hôm nay.
Rằng sao nói lạ lùng thay!
  nhành kia chẳng phải cội nầy mà ra.
Nàng càng ủ giọt thu ba, (2)
  đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tanh.
Thiếp như hoa đã lìa nhành.
  chàng như con bướm liệng vành chút chơi.
Chũ xuân (3) đành đã có nơi,
  vấn ngày thôi chớ dái lời làm chi.
Sanh rằng: từ thuở tương tri,
  lòng riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
  Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. (4)
Nàng rằng muôn đội ơn lòng,
  chút e bên thú bên tùng dễ dầu. (5)
Bình khương ảng nả bấy lâu, (6)
  yêu hoa yêu được một màu điểm trang.
Rồi ra lạt phấn phai hương,
  lòng kia giữ được thường-thường mãi chăng?
Và trong thềm quế cung trăng, (7)
  chủ trương đành đã chị hằng (8) ở trong,

---

(1) Nối điêu. Nối đuôi con điêu thừ: nghĩa là hòa thơ lại.
(2) Thu ba. Sóng nước mùa thu. — Nước mắt.
(3) Chu xuân. Vợ chu quĩ, vợ lớn.
(4) Phải truy nguyên cho biết đầu đuôi gốc tích.
(5) Thú. — *Thúc-sanh* thú Cưới. Tùng — Tùng lương, là *Túy-kiều* chịu theo về, lấy *Thúc-sanh* làm chồng.
(6) — Ở làm đi bấy lâu, cho ảng nguyệt hoa...
(7) Thềm quế cung trăng. -- Trong đã có vợ chính hẳn-hòi.
(8) – Trong nhà đã có vợ chánh cai quản như gã *Hang-nga* ở trong mặt trăng.



ốc mê đâu đã rước vào, mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì.
y ngay lên ngựa tức-thì, phòng thêu, viện sách bốn bề lửa dông.

(Coi trương 116

Bây-giờ khăn-khít dải đồng, (1)
thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
Vì chi chút phận bèo mây,
làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
Trăm đều ngang-ngửa vì tôi,
thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
Như chàng có vững tay co, (2)
mười phần xin đắp-điếm cho một vài.
Thế trong dầu lớn hơn ngoài,
trước hàm sư-tử gởi người dằng la. (3)
Cúi đầu lòn xuống mái nhà, (4)
giấu mùi lại tội bằng ba lửa hừng.
Ở trên còn có nhà xuân,
biết trên tróng xuống phỏng chừng có thương.
Sá chi liễu ngõ hoa tường,
lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh. (6)
Lại càng nhơ dạng dại hình,
đành thân-phận thiếp, nghĩ danh-giá chàng. (7)

---

(1) Khăn-khít. Chặt-chịa Dải-đồng. — Đồng tâm kiết, cái dây thề nguyền với nhau.

(2) Tay co: (thủc thủ) — Là cái then ngang thùng gánh nước, hay là cong ghe: Chắc, mạnh; quyền thế. Lại cái cây người ta dùng giỏng kì mà khiêng, tới chỗ đồ, buông nó ra thì đồ trụm xuống, cũng kêu là cái tay co.

(3) Hàm sư tử — (Chữ kêu vợ hay ghen hay rầy là con sư tử xứ Hà-đông) - Đằng la. — Dây leo, chỉ yếu đuối, ít quờn ít thế, như cái dây một mình, như không có cây mà dựa, thì không sống được.

(4) — Tại nhơn oái thiềm hạ, thùy cảm bất đê đầu? — Dưới nhà thấp, người ai dám chẳng cúi đầu?

(5) — Giấu mùi. — Giấu màu, giấu mẹo.

(6) — Hễ làm đĩ thì lại về làm đĩ

(7) — Phận tôi thì chẳng nói gì, một đều nghĩ cái danh chàng mà thôi, sợ chàng hư danh mất tiếng với người ta.

Thương sao cho vẹn thì thương,
  tính sao cho trọn mọi đường thì vâng.
Sanh rằng: hay nói đè chừng,
  lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao?
Đàng xa chớ ngại Ngô Lào, (1)
  trăm đều hãy cứ trông vào một ta.
Đã gần chi có đều xa?
  đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều.
Cùng nhau căn-vặn đến đều,
  chỉ non thề biển, nặng gieo đến lời.
Nỉ-non đêm vắng tình dài,
  ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương. (2)
Mượn đều trúc viện thừa lương, (3)
  rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến, hòa sắp sẵn hai bài,
  cậy tay thầy thợ (4) mượn người dò la. (5)
Bắn tin đến mặt *Tú-bà*,
  thua cơ mụ cũng cầu hoà dám sao.
Rõ-ràng của dẫn tay trao,
  tòng lương (6) một thiếp thân vào cửa công.
Công xem hai lẽ đều xong,
  gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
Một nhà sum-hiệp trước mai,
  càng sâu nghĩa biển, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa càng nồng,
  càng xuê vẻ ngọc, càng lồng màu sen.

---

(1) Ngô Lào. — Bên Ngô bên Lào.
(2) — Trăng lặn.
(3) Trúc viện thừa lương. — Ra nhà có đám trúc mà hứng mát.
(4) Thầy thợ. — Người làm đơn trạng.
(5) Dò la. — Mai mối, tới đọ tình hình.
(6) Tòng lương. — Làm đơn tới thưa quan xin ra lấy chồng.

Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
  sân ngô nhánh bích đã chen lá vàng. (1)
Mận thu vừa nẩy gió sương. (2)
  xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi. (3)
Phong lôi nổi trận bời-bời,
  sốt long e-ấp (4) tình hài phân-chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
  dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
  đánh liều *Sanh* mới lấy tình nài kèo.
Rằng: con biết tội đã nhiều,
  dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm,
  dại rồi còn biết khôn làm sao đây?
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
  ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành?
Lượng trên quyết chẳng thương tình,
  bạc đen thôi có tiếc mình làm chi.
Thấy lời vàng đá tri-tri, (5)
  sốt gan ông mới cáo qui cửa công.
Đất bằng nổi sóng dùng dùng,
  phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
Cùng nhau theo gót sai nha,
  song song vào trước sân hoa lạy qui.

Ngô đồng ìa lá nẩy chồi thì là qua đông.
Rốt thu thì mận nẩy chồi sương.

(3) Xe bồ — (An xa bồ luân) Xe dưới bánh có vấn cỏ bồ cho êm, là xe cha *Thúc-sanh* (là *Thúc-chính*) về thăm quê lại trở qua bằng

(4) E-ấp. Sợ-sệt.

(5) Tri-tri. — Nằng-nằng, trây-trây



o nhơn phục trước tĩnh đàn, xuất thần dây-phút chưa tàn nén-hương
ở về minh-bạch nói tường, mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.

(Coi trương 118

Trông lên mặt sắt đen sì,
sắp uy trước đã ra uy nặng lời:
Gã kia dại nết chơi-bời,
mà con người ấy là người đong-đưa.
Tuồng chi huê thải hương thừa?
mượn màu son phấn đánh lừa con đen. (1)
Suy trong tình trạng nguyên đơn,
bề nào thì cũng chưa an bề nào.
Phép công chiếu án luận vào,
có hai đường ấy muốn sao mặc mình.
Một là cứ phép gia hình,
một là lại cứ lầu xanh phú về.
Nàng rằng: đã quyết một bề,
nhện nầy vương lấy tơ kia mấy lần?
Đục trong thân cũng là thân,
yếu thơ vưng chịu trước sân lôi-đình.
Dạy rằng: cứ phép gia hình,
ba cây chập lại một nhành mẫu-đơn. (2)
Phận đành chi dám kêu oan,
đào giun cuốn má, liễu tan-tác mày.
Một sân lầm cát đã đầy, (3)
gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.
Nghĩ tình chàng *Thúc* mà thương,
nẽo xa trông thấy lòng càng xót-xa.
Khóc rằng: oan khúc vì ta.
có nghe mình (4) trước, chửa đà khỏi sau.

---

(1) Con đen. Đứa khờ dại.
(2) Đóng xà ngốc *Túy-kiều* lại. tay lại đúc vào trong ấy nữa.
(3) Ngồi dưới đất, dưới cát, lại bị giăng nọc.
(4) Mình. — Nó, người ta, phải mình nghe lời người ta..

Gạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
để ai trăng tủi huê sầu vì ai?
Phủ đường nghe thoảng vào tai,
động lòng lại gạn đến lời riêng tây.
Sụt-sùi chàng mới thưa ngay,
đầu đuôi lại kể sự ngày cầu thân. (1)
Nàng đà tỉnh hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
Tại tôi xứng lấy một tay,
để nàng cho đến nỗi nầy vì tôi.
Nghe lời nói cũng thương lời,
dẹp oai mới dạy mở bài giải vi;
Rằng: như hẳn có thế thì,
trăng hoa song cũng thị phi biết điều.
Sanh rằng: chút phận bọt-bèo,
theo đòi cũng vả ít nhiều bút nghiên.
Cười rằng: đã thế thì nên,
mộc già (3) hãy thử một thiên trình nghề.
Nàng vưng cất bức tay đề,
tiên hoa (4) trình trước án phê xem tường.
Khen rằng: giá lướt thịnh Đường (5)
tài nầy sắc ấy ngàn vàng chửa cân.
Thật là tài-tử giai-nhơn, (6)
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn. (7)

---

(1) Cầu thân. — Ngày đi cưới nó.
(2) —Tuy nó là dĩ-thỏa mặc lòng, nó cũng biết điều hơn thiệt.
(3) Gông cây xà ngốc.—Ông phủ lấy chữ *Mộc-già* làm đề mà ra cho nó làm thơ.
(4) Tiên hoa. — Giấy bông.
(5) Thịnh Đường. — Văn lúc nhà *Đường* còn đang thạnh.
(6) Tài-tử giai nhân. — Kẻ học trò hay, con gái lịch sự.
(7) Châu Trần. — Họ *Châu* với họ *Trần*.

Thôi đừng chác dữ mua hờn,
  làm chi lỗ bực cho đờn ngang cung. (1)
Đã đưa đến trước cửa công,
  ngoài thì là lý, song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia đình,
  thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong.
Kíp truyền sắm-sửa lễ công,
  kiệu hoa lướt gió, đuốc hồng điểm sao.
Bày hàng cổ-nhạc xôn-xao,
  song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì nết, trọng vì tài,
  Thúc-ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
Huệ lan náo-nức một nhà,
  từng cay đắng lại mặn-mà hơn xưa.
Mãng vui rượu sớm cờ trưa,
  đào đã bay thắm, sen vừa nảy xanh. (2)
Trướng hồ vắng-vẻ đêm thanh,
  e tình nàng mới bày tình riêng chung;
Phận bồ (3) từ vẹn chữ tùng,
  đổi-thay nhàn cá đã hông dầy niên.
Tin nhà ngày một thâm tin,
  mặn tình cát lụy, (4) lạt nền tào khang. (5)
Nghĩ ra thật cũng nên đường,
  tăm-hơi ai kẻ giữ-giàng cho ta?

(1 — Nó đang tử-tế với nhau, mà làm cho nó chi ly ra thì cũng như dây đờn đang trúng bực mà mình vặn nó sái đi.

(2 — Đã qua lúc *Đào chi yêu yêu*, tới mùa thưởng lục hà trì. Qua hạ.

(3) Bồ. — Cây xương bồ. Bồ liễu. — Phận con gái.

(4) Cát lụy. — Dây cát leo. — Phận vợ bé.

(5) Tào khang. — Tấm mẳn. — Đạo vợ chồng. — Phận vợ chính.


吏部尚書

Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
ở vào khuôn phép, nói ra mối-giềng.
E thay những dạ phi thường,
dễ dò rún biển, khôn lường đáy sông.
Mà ta trót một năm ròng,
thế nào cũng chẳng giấu giùng được nào.
Bây giờ chưa lộ tiêu-hao, (1
hoặc là trong có làm sao chăng là ?

Túy-Kiều là đứa biết điều, biết Thúc-Sanh có vợ ở bên nhà, nên năng nói biểu về mà nói cho vợ chính hay kẻo sau rầy rà khó lòng. Thúc-Sanh về thì về chớ giấu không cho con Hoạn-thơ là vợ chính biết.

Xin chàng kịp liệu lại nhà,
trước là đẹp ý, sau ta biết tình.
Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
rày lần mai lựa, như hình chưa thông.
Nghe lời khuyên nhủ thong dong
định tình *Sanh* mới quyết lòng hồi trang.
Rạng ra gởi đến xuân đường,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia. 3
Tiễn đưa một chén quan hà, 4)
xuân đình 5 thoắt đã dạo ra cao đình. 6)
Sông Tần một dải xanh xanh,
lối thôi bờ liễu mấy nhành dương quan.

---

(1) Tiêu-hao. Tin-tức.
2) Hồi trang. Sắm sửa đi về.
(3) Ninh gia. — Thăm nhà.
(4) Sắm tiệc tiễn-hành mà đưa kẻ trèo non lặn suối, đi đường xa-xuôi.
(5) Xuân đình. — Từ giã cha rồi, lại ra trường đình mà đưa nhau.
6) Cao đình. Chỗ trường đình nơi đưa đón nhau.

Cầm tay dài thở vắn than,
chia phui ngừng chén hiệp tan nghẹn lời.
Nàng rằng : non nước xa khơi,
sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
Dễ lòa chỉ thắm trôn kim,
làm chi bưng mắt, bắt chim khó lòng. (1)
Đôi ta chút nghĩa đèo-bòng, (2)
đến nhà trước, liệu nói sòng cho minh.
Dẫu khi mưa gió bất bình,
lớn ra oai lớn, tôi đành phận tôi.
Hơn đều giấu ngược giấu xuôi,
lại mang những việc tày trời đến sau.
Thương nhau xin nhớ lời nhau,
năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
chén mừng xin đợi bữa nầy năm sau.
Người lên ngựa kẻ chia bâu, (3)
rừng phong thu đã nhuốm màu quan sơn. (4)
Dặm hồng bụi cuốn chinh an, (5)
trông người đã khuất mấy ngàn cây xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
kẻ đi muôn dặm, một mình pha-phui.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.
Kể chi những nỗi dọc đường,
phòng trong lại nỗi chủ trương ở nhà.

---

(1) Bưng mắt bắt chim. — Thoa trông đen người ta.
(2) Đèo bòng. — Và mức thêm. (Thêm trái bòng nữa).
(3) Chia bâu : (Biệt mệ). — Phân rẽ nhau ra.
(4) -- Lá cây phong đã nhuốm màu úa, chỉ qua thu kiềng.
(5) Chinh an. — Bụi hồng đã bay lấm cái yên ngựa kẻ đi đường.

Vốn dòng họ *Hoạn* danh gia,
 con quan lại bộ tên là *Hoạn-thư*.
Duyên đằng thuận nẻo gió đưa,
 cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn thì nết cũng hay,
 nói điều ràng-buộc thì tay cũng già. 1)
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
 miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập càng nồng (2)
 trách người đen-bạc ra lòng trăng hoa. (3)
Vì-bằng thú thật cùng ta,
 cũng dung kẻ dưới mới là dướng trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền,
 sốt gì mà chác tiếng ghen vào mình ?
Lại còn bưng-bít giấu quanh
 làm chi những thói trẻ ranh (4) nực cười.
Tính rằng : cách mặt khuất lời,
 dối ta ta cũng liệu bài giấu cho.
Lo chi việc ấy mà lo,
 kiến trong miệng chén có bò đi đâu ?
Làm cho nhìn chẳng được nhau,
 làm cho dày-dọa cất đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
 cho người tham ván bán thuyền biết tay.
Trong lòng kín chẳng ai hay,
 ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.

---

(1) — Hay xoi-xỉa, hay ghen tương lắm.
(2) — Cái máu ghen càng nín càng hung.
(3) Trăng hoa.— (Nguyệt hoa) — Ngoại tình, trai gái.
(4) Trẻ ranh.— Con nít, còn trẻ.
(5) — Thấy ván mới muốn mua, không tiền trả phải bán ghe đi mà trả.



Tiểu-thơ đón cửa giả-giề, hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là, phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.

(*Coi trương 126*).

Tuần sau bỗng thấy hai người,
 mách tin ý cũng liệu bài tẩu công.
Tiểu-thơ nổi giận đùng đùng,
 gớm thay thêu-dệt đem lòng trêu ngươi!
Lang quân nào phải như ai,
 dều nầy hẳn bởi những người thị phi.
Vội-vàng làm dữ ra uy,
 đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín-mít như bưng,
 nào ai còn dám nói năng một lời?
Buồng thêu khuya sớm thảnh-thơi,
 ra vào một mực nói cười như không
Đêm ngày lòng những dặn lòng,
 Sanh đà về đến lầu hồng xuống yên.
Lời tan hiệp nỗi hàn huyên,
 chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần (1) vui chén thong-dong,
 nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra?
Chàng về xem ý-tứ nhà,
 sự mình cũng cắp lân-la giải bày.
Mấy phen cười tỉnh nói say,
 tóc tơ chẳng động mảy-may sự tình.
Nghĩ đà bưng kín miệng bình, (2)
 nào ai có khảo mà mình lại xưng?
Những là e-ấp dùng-dằng,
 rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.
Có khi vui truyện mua cười,
 Tiểu-thơ lại dở những dều đâu đâu.

---

(1) Tẩy trần. — Tiệc rửa bụi.— Tiệc mừng.

(2) — Nghĩ trong mình việc đã kín đáo như bỏ trong bình đậy nút lại.

Rằng : trong ngọc đá vàng thau,
mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Khen cho những miệng dông-dài,
bướm ong lại đặt những lời nọ kia.
Thiếp dầu vụng chẳng hay suy,
đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười.
Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
thuận lời chàng cũng nói xuôi dở dòn.
Những là cười phấn cợt son,
đèn khuya chong bóng trăng tròn sánh vai.
Non xuân gối vược bên mài,
giếng vàng đã nảy một vài tin ngô. (1)
Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
một niềm quan tái (2) mấy mùa gió trăng.
Tình riêng chưa dám dĩ rằng,
Tiểu-thơ trước đã liệu chừng nhủ qua.
Cách năm mây bạc (3) xa xa,
Lâm-tri cũng phải tính mà thần hôn. (4)
Được lời như mở tấc son,
vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long-đong dây nước in trời,
thành xây trổ biếc, non phơi bóng vàng. (5)
Vó câu vừa giong dặm trường,
xa hương nàng đã thuận đường qui ninh. (6)

---

(1) Ngô đồng nảy mụt chỉ đã qua đầu thu.
(2) Quan tái. — Cửa ải.
(3) Mây bạc. -- Cách mặt cha mình là ông *Thúc-chánh*.
(4) Thần hôn. (Thần tỉnh hôn định). Sớm viếng tối thăm, sửa-sang cho cha.
(5) Nhằm mùa thu.
(6) Qui ninh. — Con gái về thăm mẹ.

Thưa nhà huyện hết mọi tình,
nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng giận lẫy hờn ghen,
xấu chàng mà có ai khen gì mình ?

Trong nổ bạn-bè có thằng Ưng thằng Khuyển, về nói với con Hoạn-thơ. Hoạn-thơ nổi máu ghen, cho quân ấy qua lén đốt nhà, bắt con Túy-Kiều đem về giao cho mẹ nó hành hà đày-đọa.

Vậy nên ngảnh mặt làm-thinh,
mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.
Làm-tri đàng bộ tháng chầy,
mà đàng hải đạo sang ngay thì gần.
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
Làm cho cho mệt cho mê,
làm cho đau-đớn ê-hề cho nao.
Trước cho bỏ ghét những người,
sau cho để một trò cười về sau.
Phu-nhân (1) khen chước rất màu,
chiu con mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa-sang buồm gió lèo mây,
Khuyển, Ưng lại lựa một bầy côn-quang. (2)
Dặn-dò hết các mọi đàng,
thuận phong một lá vượt sang biển Tề.
Nàng từ chích bóng song the, (3)
đàng kia nỗi nọ như chia mối sầu.

---

(1) Phu-nhân. — Vợ quan nhứt phẩm, nhì phẩm thì kêu là phu nhơn.

(2) Côn-quang. — Quân hoang-đàng.

(3, — Từ *Thúc-Sanh* đi về thăm nhà, *Túy-kiều* ở lại một mình chèo-queo.



ra cơ *Sanh* mới lén ra, xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.
-sùi kể nỗi đoạn tràng, giọt châu tầm-tã ướt tràng áo xanh.

(Coi trương 11

Bóng dâu đã xế ngang đầu, (1)
  biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi.
Tóc thề đã chấm quanh vai, (2)
  nào lời non nước nào lời sắt son.
Đèo-bòng chút phận con-con,
  nhơn-duyên biết có vuông tròn cho chăng?
Thẹn sao lắm nỗi bất bằng,
  liều như cung quảng (3) chị Hằng (4) nghĩ nao.
Đêm thu gió lọt song đào,
  nữa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời. (5)
Nén hương đến trước thiên đài,
  nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân vân.

Lúc cháy nhà, thì quân bạn với xác chết trôi ném vào để làm tang. Thúc-Sanh khi ấy đi khỏi. Cha Thúc-Sanh chạy qua thấy nhà cửa cháy tan hoan, lại có gặp xương nên tưởng Túy-Kiều đã bị chết thiêu rồi.

Dưới hoa dậy lũ ác-nhơn
  ầm ầm khốc quỉ kinh thần mọc ra.
Đầy sân gươm tốt sáng lòa,
  thất-kinh nàng chửa biết là làm sao.
Thuốc mê đâu đã rưới vào,
  mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì.
Giầy (6) ngay lên ngựa tức-thì,
  phòng thêu, viện sách bốn bề lửa dông.

---

(1) Gần hết mùa thu.
(2) Tóc cắt mà thề với *Thúc-sanh* đã ra xuống chấm vai.
(3) Cung quảng. Quảng hàn cung. Trên mặt trăng.
(4) Ả Hằng-nga. Là vợ *Hậu-nghệ*, ăn cắp thuốc trường sanh của *Hậu-nghệ* nấu, nên sợ chồng đánh liền bay lên nguyệt cung mà ở.
(5) — Tam tinh tại thiên. (Sách Thi-kinh).
(6) — Xỏ, bồng, rinh.

Sẵn thấy vô chủ bên sông.
  ném vào để đánh lận sóng (1) ai hay.
Tôi-đòi phách lạc hồn bay,
  pha càn (2) bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc-ông nhà cũng gần quanh,
  chợt trông ngọn lửa thất-kinh rụng-rời.
Tớ thầy chạy thẳng tới nơi.
  tơi-bời rưới nước, tìm người lao-xao.
Gió tung ngọn lửa càng cao,
  tôi-đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu?
Hớt-hơ hớt-hải (3) nhìn nhau.
  giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng.
Chạy ra chốn cũ phòng hương.
  trong tro thấy một đống xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian.
  hẳn nàng thôi lại có bàn rằng ai?
Thúc-ông rơi lụy vắn dài.
  nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na.
Di hài nhặt gói (4) về nhà,
  nào là khâm liệm. (5) nào là tang trai. (6)
Lễ thường đã vẹn một hai,
  lục trình (7) chàng cũng đến nơi bấy-giờ.

---

(1) Đánh lận sóng. — Đánh lận, gạt.
(2) Pha cản. — Chạy bậy.
(3) Hớt-hơ hớt-hải. — Sững-sờ sững-sờ.
(4) Di hài nhặt gói. — Lượm-lặt mà gói cái xương còn lại đó.
(5) Khâm liệm. — Đồ em mà liệm xác. (Đại khâm, tiểu khâm; đại liệm, tiểu liệm)
(6) Tang trai. — Để tang, làm chay
(7) Lục trình. — Đi bộ.

Thúc-Sanh về nghe nói lại, thì rầu rỉ khóc lóc. Mới đi đánh đồng thiếp mà kiếm Túy-Kiều, thì nói còn sống. Một năm nữa sẽ gặp nhau mà không dám nhìn ; va không tin lời thầy nói.

Bước vào chốn cũ lầu thơ,
tro than một đống nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha tới trung đường,
linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.
Hỏi ôi nói hết sự duyên,
tơ tình dứt ruột, lửa phiền cháy gan.
Gieo mình vật-vã khóc-than,
con người thế ấy, thác oan thế này!
Chắc rằng mai trước lại vầy,
ai hay vĩnh quyết (1) là ngày đưa nhau.
Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
dễ ai lấp thảm, quạt sầu cho khuây.
Gần miền nghe có một thầy,
phi phù tri quỉ (2) cao tay thông huyền. (3)
Trên tam bửu (4) dưới cửu tuyền,
tìm đâu thì cũng biết tin rõ-ràng.
Sắm-sanh lễ-vật đưa sang,
xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi-han.
Đạo nhơn (5) phục trước tĩnh đàn, (6)
xuất thần dây-phút chưa tàng nén hương.
Trở về minh-bạch nói tường,
mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.

---

(1) Vĩnh quyết. Trối-dài.
(2 Phi phù tri quỉ.- Trối bùa đánh đồng thiếp.
3) Thông huyền. — Thông tới huyền đó. (Dưới âm phủ).
4) Tam bửu. — Chỗ Phật. *Cửu-tuyền* là dưới *Diêm-la*
5) Đạo-nhơn. Lão thầy phù thủy
(6) Tĩnh đàn. — Bàn thờ.



Cất mình qua ngọn tường hoa, lần đàng theo bóng trăng tà về tây
Mịt-mù dặm cát chồi cây, tiếng gà điếm cỏ dấu giày cầu sương.

Coi trương 138

Người nầy nặng kiếp oan gia, (1)
còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho.
Mạng cung (2) đang mắc nạn to,
một năm nữa mới thăm dò được tin.
Hai bên giáp mặt chin-chin, (3)
muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!
Đều dàu nói lạ-lùng thay!
sự nàng đã thế, lời thầy dám tin?
Chẳng qua đồng-cốt quàng-xuyên, (4)
người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa những ngậm-ngùi xuân,
thân nầy dễ lại mấy lần gặp tiên.
Nước trôi hoa rụng đã yên,
hay đâu địa-ngục ở miền nhơn-gian.
Khuyển, *Ưng* đã đến mưu gian
vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao lèo thẳng cánh xiêu,
đè chừng huyện *Tích*, băng miền vượt sang.
Đến bến lên trước thinh-đường, (5)
Khuyển, *Ưng* hai đứa nộp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống môn phòng, (6)
hãy còn thíp-thíp giấc nồng chưa phai.

---

(1) Oan-gia. — Sự khốn nạn cực khổ.
(2) Mạng cung. — Mười hai cung mạng người ta.
(3) Chin chin. — Chẳng chẳng.
(4) Quàng-xuyên. — Đánh đồng thiếp, lên cốt bóng chàng là đều bậy-bạ bá-láp bá-lếu.
(5) Thinh đường. — Nhà khách quan.
(6) Môn phòng. — Nhà dưới, chỗ sau bếp núc.

Huỳnh hương (1) chợt tỉnh trước mai,
  cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây ?
Bàng-hoàng dở tỉnh dở say,
  thình-dường mảng tiếng đòi ngay lên hầu.
A-hườn (2) trên dưới giục mau,
  hãi-hùng nàng mới theo sau mọi người ?
Lèc tròng toà rộng dãy dài,
  thiên quan trủng-tể, có bài treo trên
Ban ngày đèn thắp hai bên,
  trên giường thất-bửu, (3) ngồi trên một bà.
Gạn-gùng ngọn hỏi ngành tra,
  sự minh nàng đã cứ mà gởi thưa.
Bất tình nổi trận mây mưa,
  mắng rằng những giống bơ thờ quen thân.
Con nầy chẳng phải thiện nhân,
  chẳng màu trốn chủ thì quân lộn chồng.
Ra tuồng mèo mả, gà đồng, (4)
  ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.

---

(1) Huỳnh-lương. — Chín nồi cháo kẻ mới tỉnh hồn lại.— Là có tích *Tô-đình* chiêm bao. *Tô-đình* tính đi thi, ra quán xin thầy coi tướng coi thử sẽ đậu hay là không. Ông thầy nói đi thi không có đậu được đâu mà đi, đừng đi thi hay hơn. *Tô-đình* mắng trở lại, không chịu. Sao vùng buồn ngủ, ông thầy cho mượn cái gối nằm xiểu đó mà ngủ; liền nằm chiêm bao thấy đi thi đỗ làm quan lớn cho đến chức tể tướng, sau bị công lội vua quở xin về hưu trí, vua giận cách đi hết, lại giam tại nơi trấn phủ, ở trống, khi bà con vô thăm, rầu khóc òa lên, mở mắt ra mới biết là chiêm bao. Nội cuộc làm quan đó đã hơn hai mươi năm. Trước khi ngủ thấy vô chỗ kẻ, thức dậy thì kẻ đã chín. Ấy là tích huỳnh-lương.

(2) A-huờn. — Đầy tớ gái nhà quan.

(3) Giường thất-bửu. — Giường cẩn ngọc báu quí.

(4) Mèo mả. — Mèo hoang. — Gà đồng. — Con ếch. (Điền kê.)

Đã đem mình bán cửa tao,
  lại còn khủng khỉnh (1) làm cao thế nầy.
Gia pháp đàn trẻ nọ bay, (2)
  hãy cho ba chục biết tay một lần.
A hườn trên dưới dạ rân.
  dẫu rằng: trăm miệng khôn phân lẽ nào,
Trước côn (3) ra sức sắp vào.
  thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh?
Xót thay đào lý (4) một nhành.
  một phen mưa gió tan-tành một phen.
Hoa-nô truyền dạy đổi tên,
  phòng thêu dạy áp vào phiên thị-ti. (5)
Ra vào theo lủ thanh y, (6)
  dãi dầu tóc rối da chì quản bao.
Quản-gia có một mụ nào,
  thấy người thấy nết ra vào mà thương.
Khi trà chén, khi thuốc thang,
  giúp lời phương tiện, (7) mở đàng hiếu sanh. (8)
Dạy rằng: may rủi đã đành,
  liễu bồ mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan-nghiệp chi đây,
  sa cơ mới đến thế nầy chăng rưng?(9)

---

(1) Khủng-khỉnh. — Hẳng-hỉnh.
(2) Gia pháp. — Roi.
(3) Trước côn. — Roi tre.
(4) Đào lý. — Cây đào, cây lý. — Thân phận con gái yếu đuối, bị dồn lơ-tãi như cây đào cây lý bị dông mưa xơ-xải.
(5) Thị-ti. — Đầy tớ gái hầu.
(6) Thanh y. — Đầy tớ mặc áo xanh.
(7) Lời phương tiện. — Lời an ủi, nói hơn thiệt cho mà giải sầu.
(8) Mở đường hiếu sanh. — Kẻo mà chết đi uổng mạng.
(9) Rưng. — Nhưng.



ăm-xăm gõ cửa bước vào, Trụ-trì nghe tiếng rước mời vào trong.
Thấy màu ăn-mặc nâu-sòng, *Giác-duyên* sư trưởng lành lòng liền thương
(Coi trương 128

Ở đây tai vách, mạch rừng, (1)
thấy ai người cũ, cũng đừng nhìn chi,
Kẻo khi sấm sét bất kỳ.
con ong cái kiến kêu gì đặng oan ?
Nàng càng đồ ngọc (2) như chan.
no lòng no những bàn-hoàn niềm tây.
Phong trần kiếp đã chịu đầy,
lầm than (3) lại có thứ nầy bằng hai.
Làm sao bạc chẳng vừa thôi?
chẳng-chẳng buộc mãi lấy người hồng nhan?
Đã đành túc trái tiền oan, (4)
cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.
Những là nương-náu qua thì,
Tiểu-thơ phải buổi mới về ninh gia.

Bà mẹ con Hoạn-thơ hành hạ Túy-Kiều cho đến, rồi giao lại cho Hoạn-thơ đem về bên nhà nó.

Mẹ con trò-chuyện lân-la,
phu nhơn mới gọi nàng ra dạy lời.
Tiểu-thơ dưới trướng thiếu người,
cho về bên ấy theo đòi đài trang.
Lãnh lời nàng mới theo sang,
biết đâu địa-ngục, thiên-đàng là đâu ?
Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
phận con hầu giữ con hầu dám sai.
Phải đêm êm-ả (5) chiều trời,
trước tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.

---

(1) Tai vách, mạch rừng. — Ở đây rừng có mạch, vách có tai.
(2) Đồ ngọc. — Đồ nước mắt.
(3) Lầm than. (Đồ thán) — Cực khổ.
(4) Túc trái tiền oan. — Nợ cũ, oan trước.
(5) Êm ả. — Êm ái, im mát.

Lãnh lời nàng mới nhắc dây, (1)
nỉ-non thánh-thót dễ say lòng người.
Tiểu-thơ xem cũng thương tài,
khuôn oai dường cũng bớt vài bốn phần.
Cửa người dây dọa chút thân,
sớm nằn-nì bóng, đêm ngơ-ngẩn lòng.
Lâm-tri chúc nghĩa đéo-bòng,
nước, bèo để chữ tương phùng kiếp sau.
Bốn phương mây trắng một màu,
trông vời cố quốc biết đâu là nhà.
Lần-lần tháng lụn ngày qua,
nỗi gần nào biết đàng xa thế nầy.
Lâm-tri từ thuở oan bay, (2)
phòng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mây xanh trăng mới in ngần. (3)
phấn thừa hương cũ bội phần xót-xa.
Sen tàn mai lại chiếng hoa, (4)
sầu dài ngày vắn đông đà sang xuân.

Thúc-Sanh trở về thấy Túy-Kiều ở tại nhà vợ lớn là Hoạn-thơ, mà không dám nhìn; khi ấy mới biết lời thầy đoán hay.

Tìm đâu cho thấy cố nhân?
lấy câu mạng vận cỗi dần nhớ thương.

---

(1) Nhắc dây. -- Lên dây lấy bực đờn.

(2) Oan bay.– Chim oan ương, chỉ vợ chồng không rời nhau, nên *Túy-kiều* lấy đó mà nói mình với *Thúc-sanh* là như cặp chim oan ương mà chúng bắt đi, nên phân rẽ ra vợ chồng cách nhau.

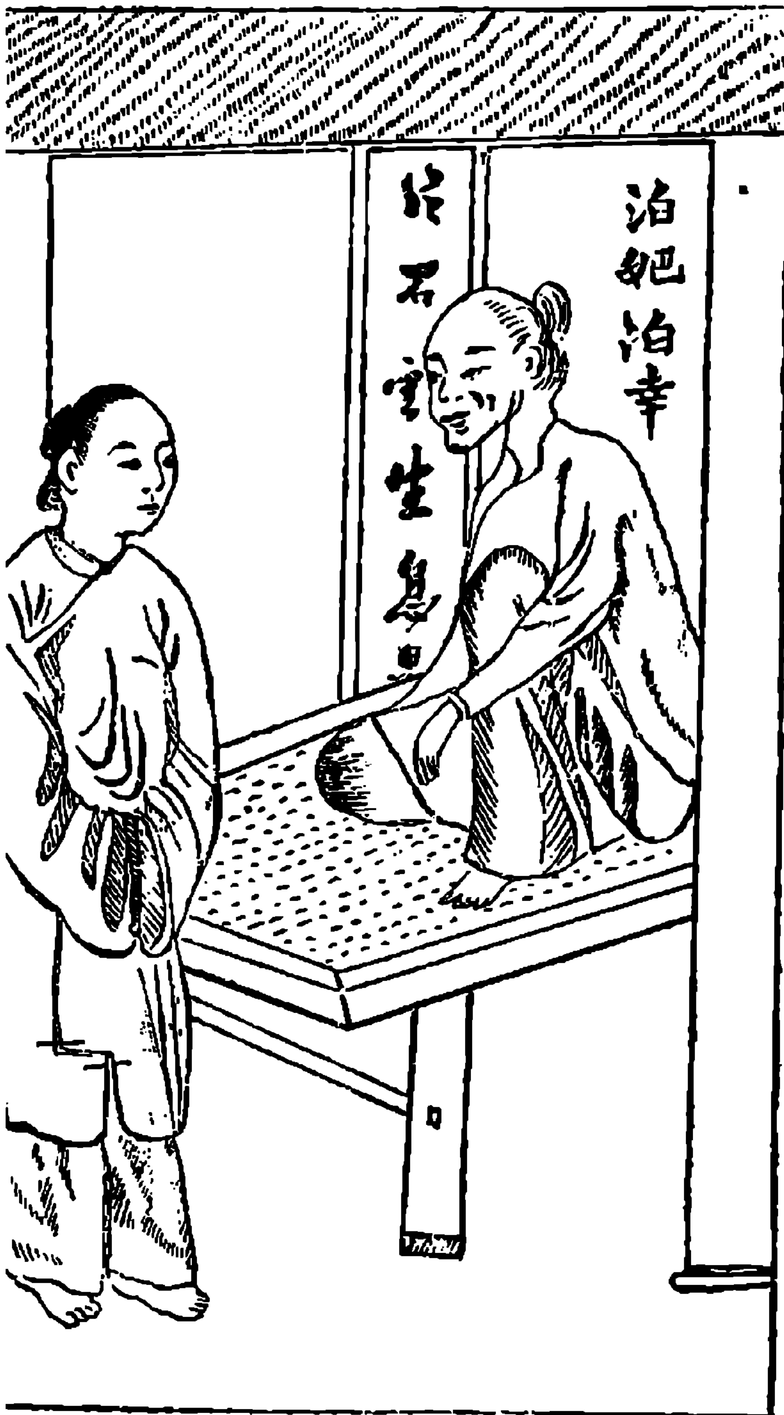
(3) Chang mây khi trước hay trau-tria cạo-gọt mà bây-giờ không có gọt nữa, nên nó mọc lần ra như trăng non đầu tháng.

(4) Sen tàn. – Hết hạ. Chiếng hoa. Qua thu, mai, trái mơ (ô môi) trổ bông.

Chạnh lòng nhớ cảnh gia hương.
  nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu-thơ đón cửa giã-giề, (1
  hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là,
  phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một ngừng,
  trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa.
Phải rằng, nắng quáng đèn loà.
  rõ-ràng ngồi đấy chẳng là *Thúc-sanh*.
Bây-giờ tình mới rõ tình,
  thôi thôi đã mắc vào vòng chẳng sai.
Chước đâu có chước lạ đời,
  người đâu mà lại có người tinh ma?
Rõ-ràng thật lứa đôi ta,
  làm ra con ở, chủ nhà đôi nơi.
Bề ngoài lợt lợt nói cười,
  mà trong nham-hiểm (2 giết người không dao.
Bây-giờ đất thấp trời cao,
  ăn làm sao, nói làm sao bây-giờ?
Càng trông mặt càng ngẩn-ngơ,
  ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.
Sợ oai dám chẳng vưng lời,
  cúi đầu nép xuống sân mai một chiền.
Sanh đà phách lạc hồn xiêu,
  thương ôi! chẳng phải nàng *Kiều* ở đây?
Nhân làm sao đến thế nầy?
  thôi thôi ta đã mắc tay đã rồi!
Sợ quen dám hở ra lời,
  khôn ngăn giọt ngọc sụt-sùi nhỏ sa,

---

(1) Gĩa-giề. — Chào hỏi vui mừng.
(2) Nham-hiểm. — Độc địa.



...à mụ *Bạc* bên kia, am mây quen lối đi về dầu hương.
...sang dặn hết mọi đường, dọn nhà hãy tạm cho nường trú cho
Coi trương

Tiểu-thơ trông mặt hỏi tra,
mới về mà có việc gì động dong. (1)
Sanh rằng: hiến phụ vừa xong,
suy lòng trắc dĩ (2) đau lòng chung thiên. (3)
Khen rằng: hiếu tử đã nên!
tẩy trần (4) mượn chén giải phiền đêm thu.
Vợ chồng chén tạc chén thù, (5)
bắt nàng đứng chực huề hồ (6) hai nơi.
Bắt khoan bắt nhặt đến lời,
bắt quì tận mặt bắt mời tận tay.
Sanh càng như dại như ngây,
giọt dài giọt vắn chén đầy chén vơi.
Lặng đi chợt nói chợt cười,
cáo say chàng đã tính bài giãn ra.
Tiểu-thơ vội thét con *Hoa*, (7)
khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn.
Sanh càng nát ruột tan hồn,
chén mời phải ngậm bồn-hòn trơn ngay. (8)
Tiểu-thơ cười tỉnh nói say,
chưa xong cuộc rượu đã bày trò chơi.
Rằng: *Hoa-nô* đủ mọi tài,
bản đờn thử dạo một bài chàng nghe.
Nàng đà tần-mần tê-mê,
vưng lời ra trước bình the vặn đàn. (đờn)

---

(1) Động dong. — Thương khó, buồn bực.
(2) Trắc dĩ. — Lên núi *Dĩ* mà trông mây trắng. (Mẹ).
(3) Chung thiên. — Cả đời, trọn đời
(4) Tẩy trần. — Rửa bụi. (Tiệc mừng kẻ mới về).
(5) Tạc thù — Mời luân phiên nhau.
(6) Huề hồ. — Cầm ve (mà rót).
(7) — Là nạt con *Hoa-nô* (là *Túy-kiều*). Tên *Hoa-nô* là tên bà mẹ con *Hoạn-thơ* mới đặt sau.
(8) Bồn-hòn. — Trái bồn-hòn. — Đắng lắm.

Bốn dây như khóc như than.
  khiến người trên tiệc cũng tan-nát lòng.
Cũng trong một tiếng tơ đồng,
  người ngoài cười rộ, người trong khóc thầm.
Giọt châu lã-chã khôn cầm,
  cúi đầu chàng những bặt thầm giọt sương.
Tiểu-thơ lại thét lấy nàng,
  cuộc vui khảy khúc đoạn tràng ấy chi?
Sao chẳng biết ý tứ chi,
  cho chàng buồn-bã tội thì tại ngươi.
Sanh càng thẩm-thiết bồi-hồi,
  vội-vàng gượng nói gượng cười cho qua.
Khúc rồng 1 canh đã điểm ba,
  Tiểu-thơ nhìn mặt dường đà cam tâm.
Lòng riêng khấp-khởi mừng thầm,
  buồn nầy đã bỏ đau ngầm xưa nay.
Sanh thì gan héo ruột gầy,
  nỗi lòng càng nghĩ càng cay-đắng lòng.
Người vào chung gối lang-phòng,
  nàng ra dựa bóng đèn chong canh dài
Đến nay mới biết đầu đuôi,
  máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen?
Chước đâu rẽ túy chia uyên, (2)
  ai ra đàng nấy, ai nhìn được ai?
Bây-giờ một đất một trời
  hết điều dùi thẳng hết lời thị phi.
Nhẹ như bấc nặng như chì,
  gỡ ra cho được còn gì là duyên?

---

(1) Khúc rồng. (Đồng long). Dòng hồ nước làm hình con rồng phun nước từ bận mà chỉ giờ.
(2) Túy. Con chim sả. Uyên. — Oan. — Oan-ương.

Lỡ-làng chút phận thuyền quyên,
bể sâu sóng cả có tuyền được vay !
Một mình âm-ỷ canh chầy,
dĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
Sớm khuya hầu-hạ dài-dinh,
Tiểu-thơ chạm mặt đè tình hỏi tra.
Lựa lời nàng mới thưa qua,
phải khi mình lại xót-xa nỗi mình.
Tiểu-thơ lại hỏi *Thúc-sanh* :
cậy chàng tra lấy thật tình cho nao.
Sanh dà rát ruột như bào,
nói ra chẳng tiện, tròng vào chẳng đang.
Những e lại lụy đến nàng,
phô sòng (1) mới sẽ liệu dáng hỏi tra.
Cúi dầu quì trước sân hoa,
tự cung nàng mới lèn qua một tờ
Diện tiền trình với *Tiểu-thơ*,
thoát xem dường có ngẩn-ngơ chút tình.
Trên tay trao lại *Thúc-sanh*,
rằng : tài nên trọng, mà tình nên thương.
Vì sinh có số giàu sang,
già nầy dẫu đúc nhà vàng (2) cũng nên.
Biển trần chìm nổi thuyền quyên,
hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời.
Sanh rằng : thật có như lời,
hồng nhan bạc mạng, một người nào vay ?

---

(1) Phô sòng. — Trình tay

(2) — Tích *Hán-võ-đế* yêu sắc *Dậu-a-kiều*, nên khi đưa vô làm hoàng hậu, thì làm nhà vàng cho hoàng hậu ở, y như lời ông vua đã nói với cô, khi bả hỏi : Nhĩ ái *A-kiều* phủ ? Thì vua rằng : Nhĩ đắc *A-kiều* dương dĩ kim ốc trữ chi, ...



Đêm thâu gió mát trăng thanh, bỗng đâu có khách biên-đình tới chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài, vai năm vừng rộng, thân mười thước cao.

Coi trương 145.

Ngán xưa âu cũng thế nầy ;
  từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.
Tiểu-thơ rằng : ý trong tớ,
  rấp đem mạng bạc xin nhờ cửa không.

Thúc-Sanh thấy đày đọa Túy-Kiều như vậy thì nói với Hoạn-thơ biểu nới tay, đừng có hành hà quá mà thất đức, thì Hoạn-thơ mới cho ra ở giữ chùa Quan-Âm các.

Thôi thì thôi cũng chìu lòng,
  cũng cho cho nghỉ trong vòng bước ra.
Sẵn *Quan-âm* các vườn ta,
  có cây trăm thước có hoa bốn mùa. (1)
Có thảo thọ, có sơn hô,
  cho nàng ra đó giữ chùa viết kinh.
Tưng-tưng trời mới bình minh,
  hương hoa ngũ cúng sắm-sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước phật đường,
  tam qui (2) ngũ giái, (3) cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy ca sa. (4)
  pháp danh lại đổi tên ra *Trạc-tuyền*.
Sớm khuya sắm đủ dầu đèn,
  Xuân, *Thu* cắt sẵn hai tên hương trà. (5)
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
  đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng.
Nhơn duyên đâu lại còn mong,
  khỏi điều thẹn phấn tủi hồng thì thôi.

---

(1) Ở đó có cây, có hoa, có cỏ, có hồ, có non bộ, kiểng vật đủ.

(2) Tam qui. Là: qui y Phật, qui y pháp, qui y Tăng.

(3) Ngũ giái. - Sát sanh, ẩm tửu, tà dâm, gian đạo, khi trá.

(4) — Khi trước làm đầy tớ thì mặc áo xanh, bây giờ mặc áo ca sa là áo sải vải hay may nhiều miếng nhập lại.

(5) Cấp cho hai đứa phục dịch, con *Xuân-hoa*, con *Thu-nguyệt*.

Phật tiền thảm lấp sân vui,
ngày phó thủ tự, (1) đêm nồi tâm hương.
Cho hay giọt nước nhành dương, (2)
lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
Nâu sồng từ trở màu thuyền. (3)
sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.
Quan phòng thẹn mặt lưới mau. (4)
nói cười trước mặt, rơi châu vắng người.
Các kinh, viện sách đôi nơi,
trong gang thước lại bì mười quan sơn.
Những là ngậm thở ngùi than,
Tiểu-thơ phải buổi vấn an về nhà.

Hoạn-thơ giả đò về thăm mẹ, mà trá núp rình coi; mới thấy Thúc-Sanh vô chùa nói chuyện với Túy-Kiều. Vợ hỏi đi đâu vậy, thì nói đi coi người viết kinh, chữ tốt lắm; hai vợ chồng đem nhau về, để con đầy tớ ở lại đó.

Thừa cơ *Sanh* mới lén ra,
xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt-sùi kể nỗi đoạn tràng,
giọt châu tầm-tả (6) ướt tràng áo xanh.
Rằng: cam chịu bạc với tình,
chủ đông (7) để tội một mình cho hoa.

---

(1) Thủ tự. — Chép kinh. Nồi tâm hương. - Nhang đèn.
(2) Nhành dương. — Dương chi sái thủy — Nước cam lồ, nước phép của bà *Quan-âm*.
(3) Nâu sồng. — Màu nu xuống sắc sồng. — Màu thuyền. — Màu về chùa chuyền.
(4) — Đã qua hai tháng, cửa đóng chắt, lưới dày; cấm cung ở tại chùa.
(5) - Tuy ở nơi *Quan-âm* các, là gần, mà cách xa nhau không tới lui với nhau được, như đường xa quan sơn vậy.
(6) Tầm-tả. — Dầm dề.
(7) Chủ đông. — Phận đờn ông

Thấp cơ thua trí đàn-bà,
trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
Vì ta cho lụy đến người,
cát lầm ngọc trắng thiệt-thòi xuân xanh.
Luận chi lên thác xuống gành,
cũng toan sống thác với tình cho xong.
Tông đường (1) chút chửa cam lòng,
cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai. (2)
Thẹn mình đá nát vàng phai,
trăm thân dễ chuộc một lời được sao?
Nàng rằng: chiếc bá sóng đào (3)
phù trầm cũng mặc lúc nào rủi may.
Chút thân quằn-quại (4) vũng-vầy,
sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao?
Cũng liều một giọt mưa đào,
mà cho thiên hạ trông vào cho hay.
Trót vì cầm đã bén dây,
chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
Liệu bài mở cửa cho ra,
ấy là tình nặng ấy là ơn sâu.
Sanh rằng: riêng tưởng bấy lâu,
lòng người nham-hiểm (5) biết đâu mà lường.
Nữa khi dông-tố phụ phàng,
thiệt riêng đây cũng lại càng cực đây.
Liệu mà cao chạy xa bay,
ái ân ta có ngần nầy mà thôi.

---

(1) Tông đường. Cha.

(2) — Ra như đã để nhau rồi, để nhau thì bẻ đồng tiền ra hai, chẻ chiếc đũa ra làm hai.

(3) Chiếc bá sóng đào. Cái thuyền tình là phận con gái bị sóng gió.

(4) Quằn-quại. Oằn-oại.

(5) Nham-hiểm. — Triềng núi hẳm. Sâu-hiểm.



Bây-giờ kẻ ngược người xuôi,
  biết bao giờ lại nối lời nước non.
Dẫu rằng: sông cạn đá mòn,
  con tằm đến chết cũng còn kéo tơ.
Cùng nhau kể-lể sau xưa,
  nói rồi lại nói lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nỡ rời.
  hoa-ti (1) đã động tiếng người nẻo xa.
Ngần ngơ nói lủi bước ra,
  Tiểu-thơ đâu đã thềm hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào,
  hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi ?
Dối quanh *Sanh* mới liệu lời,
  tìm hoa quá bước xem người viết kinh.
Khen rằng: bút pháp đã tinh,
  so vào với thiếp lan-đình (2) nào thua
Tiếc thay lưu-lạc giang hồ,
  ngàn vàng thật cũng nên mua lấy tài.
Thuyền trà rót nước hồng mai, (3)
  thong-dong nối gót thơ trai (4) cùng về.

Kiều hỏi biết nó với Hoạn-thơ đã rình nghe ngoài vách nên sợ tính bề trốn đi. Má sợ bơ-vơ đói biết lấy chi má ăn, nên ăn-cắp cái chuông vàng với cái khánh bạc khuya nhảy vách ra đi.

Nàng càng e-lệ (5) ủ-ê,
  dỉ tai hỏi lại huê-ti trước sau.

---

(1) Hoa-ti hay là huê-ti. Đày tớ gái.

(2) Lan-đình. Lan đình bút thiếp. — Chỗ chơi các người hay chữ tử-tế hội lại với nhau.

(3) Thuyền trà. Chén trà có dĩa dài làm cong cong, con *Túy-kiều* pha trà hồng mai mà dãi

(4) Thơ trai. Thơ phòng.

(5) E-lệ. — sợ-sệt.

Hoa rằng bà đến đã lâu
chôn chơn đứng nép dọ dàu nửa giờ.
Rành-rành chơn tóc kẽ tơ,
mấy lời nghe hết đã dư tỏ-tường.
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
nỗi ông vật-vã, nỗi nường thở-than.
Dặn tôi đứng lại một bên,
chán tai rồi mới bước lên trên lầu.
Nghe thôi kinh-hãi xiết đâu,
đờn bà dường ấy thế âu một người.
Ấy mới gan, ấy mới tài,
nghĩ càng thêm nỗi rởn gai rụng-rời. (1)
Người đâu sâu-sắc (2) nước đời,
mà chàng *Thúc* cũng ra người bó tay.
Thật tang bắt được dường nầy,
máu ghen ai cũng chảu mày cắn răng.
Thế mà êm chẳng đãi-đằng,
chào mời vui vẻ nói năng dịu-dàng.
Giận ru ra dạ thế thường,
cười ru mới thật không lường hiểm sâu.
Thân ta, ta phải lo âu,
miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn nầy
Vi chăng chắp cánh cao bay,
rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa.
Phận bèo bao quản nước sa,
lênh-đênh dầu nữa cũng là lênh-đênh.
Chỉn e quê khách một mình,
tay không chửa dễ tìm vành ấm no.
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.

---

(1) Rởn gai. Dởn ốc, nọc gai.
(2) Sâu-sắc. Độc-hiểm.

Bên mình giắt để hộ thân,
  lóng nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa (1)
  lần dàng theo bóng trăng tà về tây.
Mịt-mù dặm cát chồi cây,
  tiếng gà đêm cỏ dấu giày cầu sương.
Canh khuya thân gái dặm trường,
  phần e dàng-sá, phần thương dãi-dầu.
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
  bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà.

Sáng ra đi tới chùa bà Giác-Duyên, vô đó nói ở Bắc-kinh sư-trưởng sai đem chuông khánh cúng, thì Giác-Duyên tưởng thiệt cầm ở lại chờ sư-trưởng qua.

Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
  rành-rành *Chiêu-ẩn-am* ba chữ bày.
Xăm-xăm gõ cửa bước vào,
  trụ-trì (3) nghe tiếng rước mời vào trong.
Thấy màu ăn-mặc nâu-sồng,
  Giác-duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
Gạn-gùng nhành ngọn cho tường, (4)
  lạ-lùng nàng hãy tìm đường nói quanh.
Tiểu thuyền quê ở *Bắc-kinh*,
  qui sư qui phật tu hành bấy lâu.
Bổn sư rồi cũng đến sau,
  dạy đưa pháp bửu (5) sang hầu sư huynh.
Rày vâng diện hiến (6) rành rành.
  chuông vàng khánh bạc bên mình dở ra.

---

(1) Trèo vách tường mà ra.
(2) Chơn đạp tuyết đi thâm ban đêm
(3) Trụ-trì. Ông lứ
(4) Bà *Giác-duyên* hỏi gặn đầu đuôi gốc ngọn cho tường
(5) Pháp bửu. Kinh ngân, chuông vàng, khánh bạc.
(6) Diện hiến.:- Lời thầy tôi dạy...



bên mười vị tướng quân, đặt gươm cổi giáp trước sân khấu đầu.
ng-nga thể-nữ theo hầu, rằng vâng lệnh chỉ rước hầu vu qui.

Coi trương 150.

Xem qua *Sư* mới dạy qua.
phải nơi *Hằng-thủy* (1) là ta hậu tình?
Hiền đồ (2) đàng-sá một mình,
ở đây chờ-đợi sư huynh ít ngày
Gởi thân dựa chốn am mây,
muối dưa đắp-đổi tháng ngày thong-dong.
Kệ-kinh câu cũ thuộc lòng,
hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.
Sớm khuya ra mái phên mây,
ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nặng sương. (3)
Thấy nàng thông-huệ khác thường,
sư càng nể mặt, nàng càng vững chơn.
Cửa thuyền vừa tiết cuối xuân,
bóng hoa đầy đất, vẻ ngân (4) ngang trời.

Đặng ít lâu có người ở am Hoạn thơ qua chơi thấy chuông vàng và khánh bạc, mới nói bên đó có mất đồ ấy, tối bà Giác-Duyên hỏi, thì Túy-Kiều tỏ thiệt. Bà Giác-Duyên biểu lo mà trốn đi, thì lại gởi cho Bạc-bà lãnh về gả cho cháu tên là Bạc-Hạnh. Bạc-Hạnh đem về Châu-thai bán lại cho tàu-kê. Mà Túy-Kiều cũng không chịu làm đi.

Gió quang mây tạnh thảnh-thơi,
có người đàn việt (5) lên chơi cửa già.
Dở đồ chuông khánh xem qua,
khen rằng khéo hệt của nhà *Hoạn-nương*.
Giác-duyên thật ý lo-lường,
đêm thanh mới hỏi lại nường trước sau.

---

(1) Hằng-thủy. — Tên chùa *Hằng-thủy*
(2) Hiền đồ. — Vải em....
(3) Đêm thắp đèn thắp nhang, động chuông.
(4) Vẻ ngân. — Sông ngân-hà,
(5) Đàn việt. — Kẻ hay cúng chùa.

Nghĩ rằng khôn nỗi giấu màu,
sự mình nàng mới gót đầu bày ngay.
Bây-giờ sự đã đường nầy,
phận hèn dầu rủi dầu may tại người.
Giác-duyên nghe nói rụng-rời,
nửa thương nửa sợ bồi-hồi chẳng xong.
Dỉ tai nàng mới giãi lòng,
ở đây cửa phật là không hẹp gì.
E chăng những sự bất-kỳ,
để nàng cho đến thế thì cũng thương.
Lánh xa trước liệu tìm đường,
ngồi chờ nước đến nên đường còn quê. (1
Có nhà mụ *Bạc* bên kia,
am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhắn sang dặn hết mọi đường,
dọn nhà hãy tạm cho nường trú chơn.
Những mừng được chốn an thân,
vội-vàng nào kịp tính gần tính xa.
Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc-bà học vuối *Tú-bà* đồng môn.
Thấy nàng lọt phấn dượm son,
mừng thầm được chốn bán-buôn có lời.
Hư không đặt bỏ nên lời,
nàng đà giớn-giác rụng-rời lắm phen.
Mụ càng xua-đuổi cho liền,
lấy lời hung-hiểm ép duyên châu trần.
Rằng nàng muôn dặm một thân,
lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.
Khéo oan gia của phá gia,
còn ai dám chứa vào nhà nữa đây.

(1) Để nước đến trôn mới nhảy sao cho kịp ?

Kíp loan kiếm chốn xe dây,
không nhưng chưa dễ mà bay dáng trời.
Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
nơi xa thì chẳng có người nào xa.
Nầy chàng *Bạc-hạnh* cháu nhà,
cũng trong thân-thích ruột-rà chẳng ai.
Cửa-nhà buôn-bán *Châu-thai*,
thật-thà có một, đơn-sai chẳng hề.
Thế nào nàng cũng phải nghe,
thành thân rồi sẽ liệu về *Châu-Thai*.
Bây-giờ ai lại biết ai,
dầu lòng biển rộng, sông dài thinh-thinh.
Nàng dầu chẳng quyết thuận tình,
trái lời nếu trước, lụy mình đến sau.
Nàng càng mặt ủ mày châu,
càng nghe mụ nói, càng đau như dần.
Nghĩ mình túng đất sẩy chơn,
thế cùng nàng mới xa gần thở-than.
Thiếp như con én lạc đoàn,
phải cung rày đã sợ làn máy cung.
Cùng đàng dầu tính chữ tùng,
biết người biết mặt biết lòng làm sao?
Nữa khi muôn một thế nào,
bán hùm buôn quỉ chắc vào lưng đâu? (1
Dầu ai lòng có sở cầu,
tâm minh (2) xin quyết vuối nhau một lời.
Chứng minh có đất có trời,
bây-giờ vượt biển ra khơi quản gì.
Được lời mụ mới ra đi,
mách tin họ *Bạc* tức thì sắm sinh.

---

(1) Mua trâu về bóng, chắc-chắn vào đâu?
(2) Tâm minh. —Thề.



Kéo cờ lũy, phát súng thành. *Từ-công* ra ngựa thân nghinh cửa ngoài.
Rỡ mình lạ vẻ cân đai, hãy còn cằm én mày ngài như xưa.

(*Coi trương 152*).

Một nhà dọn-dẹp linh-đình, (1
quét sân đặt trác (2) rửa bình thắp nhang.
Bạc-sanh quì xuống vội-vàng,
quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thổ-công.
Trước sân lòng đã giãi lòng,
trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền.
thuận buồm một lá xuôi miền *Châu-thai*
Thuyền vừa dựa bến thảnh-thơi.
Bạc-sanh lên trước tìm nơi gọi người.
Cũng nhà hàng viện (3) xưa nay,
cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người định giá vừa rồi,
mối hàng một đã ra mười thì buông.
Mượn người thuê kiệu rước nàng,
bạc đem mặt bạc (4) kiếm đàng cho xa.
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
bên trong thấy một mụ ra vội-vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường,
cũng thần mày trắng cũng phường lầu xanh.
Thoát trông nàng đã biết tình,
chim lồng không nhẽ (5) cất mình bay cao
Chém cha cái số hoa đào,
gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn.
mà cho bùn lại nhuốm lên mấy lần!

(1) Linh-đình. — Rộn-ràng.
(2) Trác. — Ghế nghi (dẳng).
(3) Hàng viện. — Lầu xanh, nhà trữ đĩ.
(4) — Lấy bạc rồi, cái bọn bạc tình kiếm đường xẹo đi mất.
(5) Nhẽ. — Lẽ

Hồng-quân (1) với khách hồng-quần, (2
đã xây đến thế còn hờn chửa tha?
Lỡ từ lạc bước bước ra,
cái thân liều những từ nhà liều đi.
Đầu xanh đã tội tình chi?
má hồng đến quá nửa thì chửa thôi!
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

Từ-Hải tới chơi gặp Túy-Kiều, chuộc đem về làm vợ.

Lần thâu gió mát trăng thanh,
bỗng đâu có khách biên-đình đến chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
vai năm vừng rộng, thân mười thước cao.
Đường đường (3) một đấng anh-hào.
côn quyền (4) hơn sức, lược thao (5) gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,
họ *Từ* tên *Hải* vốn người *Việt-đông*.
Giang hồ quen thú vẫy-vùng,
gươm đàn nửa cánh, non sông một chèo. (6)
Qua chơi nghe tiếng nàng *Kiều*,
tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.

---

1) Hồng quân. — Khuôn lớn. — Trời.
(2) Hồng quần. — Con gái. (Bởi hay mặc quần đỏ.)
(3) Đường-đường. — Chẫm-hẫm.
(4 Côn quyền. — Cầm roi đánh quờn. — Nghề võ.
(5) Ba lược. — Là *trướng* lược, *trận* lược, *chiến* lược. — Sáu thao là : *Long* thao, *hổ* thao, *báo* thao, *văn* thao, *phong* thao, *lôi* thao.
(6) — Tay cầm gươm. — Trên bộ việc võ cũng tài ; việc thủy cũng là tài tình lắm, như một mình cầm lái hết thảy.

Thiệp-danh đưa đến lầu hồng.
  hai bên cũng lết (1) hai lòng cũng ưa.
Từ rằng: tâm phủ tương cờ, (2)
  phải người trăng gió vật-vờ (3) hay sao ?
Bấy lâu nghe tiếng má đào,
  mắt xanh chẳng để ai vào dòng không. (4
Một đời được mấy anh-hùng?
  bõ (5) chi cá chậu chim lồng mà chơi.
Nàng rằng: người dạy quá lời,
  thân nầy con dám xem ai làm thường.
Chút riêng chọn đá thử vàng,
  biết đâu mà gởi can-tràng vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
  ai cho kén chọn vàng thau tại mình.
Từ rằng lời nói hữu tình,
  khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân. (6)
Lại đây xem lại cho gần,
  phỏng tin được một vài phần hay không?
Thưa rằng: lượng cả bao-dong,
  Tấn-dương (7) đợi thấy bay rồng cỏ phen.

---

(1) Lết. — Liếc

(2) Tâm phủ tương cờ. — Tâm dầu tương kì. — Lấy lòng dạ mà ở với nhau.

(3 Vật-vờ. — Vất-vơ.

(4) Mắt xanh. — Thanh nhãn tương khán. — Tích ông *Nguyễn-Tịch* là bọn Thất-hiền, gặp người phàm-phu tục-tử thì ông ngó mà con mắt ông trắng; gặp người chữ-nghĩa văn-chương tử-tế, thì ông ngó mà con mắt ông xanh.

(5) Bõ. — Sá chi.

6) Bình-nguyên-quân. — là ông *Triệu-thắng* đời Chiến-quốc, người hay hiếu khách, rước đãi người ta, khách cho đi giày cẩn ngọc là khách trượng, số 3000 người.

(7) Tấn dương. — Tích ông *Đường-cao-tổ* làm lưu thủ Tấn-dương thành, đánh *Võ-van hóa-cập* được, lấy thiên hạ làm vua nên trong sử biên *Long phi Tấn-dương.*



ân-oán hai bên, mặc nàng xử quyết báo đền cho minh.
nhờ-cậy uy-linh, hãy xin báo đáp ân tình cho phu.

Câu trương 154

Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
  chút thân bèo-bọt, dám phiền mai sau.
Nghe lời vừa ý gật đầu,
  cười rằng tri kỷ trước sau mấy người?
Khen cho con-mắt tinh đời,
  anh-hùng tìm giữa trần ai mới giá.
Một lời đã biết đến ta,
  muôn chung ngàn tứ (1) cũng là có nhau.
Hai bên ý hiệp, tâm đầu,
  khi thân chẳng lựa là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói vuốt băng-nhân,
  tiền trăm lại cứ nguyên ngàn phát hoàn.
Phòng riêng sửa chốn thanh-nhàn,
  đặt giường thất-bảo (2) vây màn bát-tiên. (3)
Trai anh-hùng, gái thiền-quyên,
  phỉ nguyền sinh phụng đẹp duyên cỡi rồng.

Từ-Hải tính đi làm giặc. Kiều xin đi theo, mà Từ-Hải không cho, nói bận chơn, bận cẳng, khó lòng; hãy ở lại nhà, nội trong một năm sẽ về rước.

Nửa năm hương lửa đang nồng,
  trượng-phu phút đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời đất mênh-mông,
  thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng xông.
Nàng rằng: phận gái chữ tòng,
  chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi

---

(1) 1 Chung = 4 Thạch. — 1 Thạch 4 hộc 1 hộc = 2 vuông (lúa). — 1 Tứ = 4 con ngựa. — Sang giàu muôn hộ.
(2) Thất-bảo. Thất bửu. Giường cẩn ngọc.
(3) Màn thêu bát tiên.

Từ rằng: tâm phúc tương tri, (1)
sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình?
Bao giờ mười vạn tinh binh,
tiếng bề (2) dậy đất bóng sinh (3) dẹp đường.
Làm cho rõ mặt phi-thường,
bấy-giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
Bằng nay bốn biển không nhà,
theo càng thêm bận biết là đi đâu.
Đành lòng chờ đó ít lâu,
chầy chăng là một năm sau vội gì?
Quyết lòng dứt áo ra đi,
gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi.
Nàng thì chếch bóng song mai, (4)
ngày thâu đăng-đẵng (5) nhặt gài then mây.

Túy-Kiều ở nhà một mình buồn nhớ tới cha mẹ cùng chị em và nhớ lời nguyền thuở xưa với Kim-Trọng.

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày,
cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử phần, (6)
hồn quê (7) theo ngọn mây hồng xa-xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già,
tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?
Chốc là mười mấy năm trời,
còn ra khi đã da mồi tóc sương.

---

(1) Đã biết lòng biết dạ nhau.
(2) Tiếng bề. — Trống quân.
(3) Sinh. (Sanh ki.) — Bóng cờ xí.
(4) Túy-kiều le ra một mình ở nhà.
(5) Đăng-đẵng. — Dài lắm.
(6) Tử phần. — Cây tử, cây phần — nó nhớ đến quê quán cha mẹ.
(7) Hồn quê. — Hồn nhớ quê.

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng!
  dầu lìa mối chỉ còn vương tơ lòng.
Duyên em dầu nối chỉ hồng,
  may ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc lòng cố quốc tha hương,
  đường kia nỗi nọ ngổn-ngang bời-bời.
Cánh-hồng (1) bay bổng tuyệt vời,
  đã mòn con-mắt phương trời dăm-dăm. (2)
Đêm ngày luống những âm-thầm,
  lửa binh đâu đã ầm ầm một phương.

Từ-Hải làm giặc được, đem binh trở về rước Túy-Kiều.

Ngất trời sát khí mơ-màng,
  đầy sông kình-ngạc, chật đàng giáp binh.
Người quen-thuộc, kẻ đồng quanh, (3)
  rủ nàng hãy lánh mình một nơi.
Nàng rằng trước đã hẹn lời,
  dẫu trong nguy-hiểm dám rời ước xưa?
Còn đang giùi thẳng ngẩn ngơ,
  mái ngoài đã thấy ngọn cờ, tiếng la. (4)
Giáp binh kéo đến quanh nhà,
  đồng thanh (5) cùng hỏi nào là phu-nhân.
Hai bên mười vị tướng quân,
  đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu.
Cung-nga thể-nữ theo hầu,
  rằng vâng lệnh chỉ rước chầu (6) vu qui.

---

(1) Cánh-hồng. — Về *Từ-Hải* đức ra đi như chim hồng hộc.
(2) Dăm-dăm. — Mù mù.
(3) Đồng quanh. — Xung quanh.
(4) Tiếng la. — Tiếng thanh la.
(5) Đồng thanh. — Rập một tiếng.
(6) Chầu. — (Đức chầu.) Tiếng kêu vợ quan lớn.



Rồi đây bèo hiệp mây tan, biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu.
Sư rằng: cũng chẳng mấy lâu, trong năm năm lại gặp nhau đó mà.

(Coi trương 155).

Sẵn sàng phượng tán loan nghi, (1)
hoa-quang (2) giáp-giới, hà-y rỡ-ràng. (3)
Kéo cờ nổi trống lên đàng,
trúc tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau.
Hỏa-bài (4) tiền lộ ruổi mau,
nam đình nghe động trống chầu đại-dinh.
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-công ra ngựa thân nghinh cửa ngoài
Rỡ mình lạ vẻ cân đai,
hãy còn cầm én mày ngài như xưa.
Cười rằng: cá nước duyên ưa,
nhớ lời nói những bao-giờ hay không?
Anh hùng mới biết anh-hùng.
rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?
Nàng rằng: chút phận ngây-thơ,
cũng may dây cát được nhờ bóng cây,
Rằng: bây-giờ mới thấy đây,
mà lòng đã chắc những ngày một hai.
Cùng nhau trông mặt cả cười,
dan tay về chốn trướng-mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao binh, (5)
ầm-ầm trống trận rập-rình nhạc quân.
Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần.
chữ tình ngày lại thêm thân một ngày.

Túy-Kiều nhờ oai quờn Từ-Hải ; khi ấy mới xin đền ơn trả oán

Trong quân nhơn lúc vui-vầy,
thong-dong mới kể sự ngày hàn vi.

(1) Tán thêu phụng, với song loan.
(2) Hoa-quang. Mão *Từ-Hải* gởi về.
(3) Hà-y. Áo sắc ráng trời *Từ-Hải* gởi về.
(4) Hỏa-bài. Tin báo trước, và có cầm bảng hồi tị lúc tịnh
(5) Khao binh. Đãi binh.

Khi *Vô-tích* khi *Lâm-tri*,
  nơi thì lửa đảo, nơi thì xót-thương.
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
  chút còn ân oán đôi đàng chưa xong.
Từ công nghe nói thì chung.
  bất-bình nổi trận đùng-đùng sấm vang.
Nghiêm quân tuyển tướng sẵn-sàng
  dưới cờ một lệnh vội-vàng ruổi sao ? 1
Ba quân (2) chỉ ngọn cờ đào,
  đạo ra *Vô-tích*, đạo vào *Lâm-tri*.
Mấy người phụ-bạc xưa kia,
  chiếu danh tầm hoạch bắt về đãi-tra.
Lại sai lệnh-tiễn 3 truyền qua,
  giữ-giàng họ *Thúc* một nhà cho yên.
Mụ *Quản-gia*, vãi *Giác duyên*,
  cũng sai lệnh-tiễn, đem tin rước mời.
Thệ-sư (4) kể hết mọi lời,
  lòng-lòng cũng giận, người-người chờn uy.
Đạo trời báo-phục chín ghê,
  khéo thay một mẻ tóm về đấy nơi
Quân trung gươm lớn giáo dài,
  vệ trong thị lập, 5) cơ ngoài song phi. (6)
Sẵn-sàng tề-chỉnh oai-nghi,
  vác đồng (7) chật đất, sanh kỳ (8) đẹp sân.

---

1 Ruổi sao. Chạy lẹ như sao vượt
(2) Ba quân (Tiền quốc tam quân). Một quân hai mươi Một vệ = năm trăm binh Ba muôn binh.
3 Lịnh tiễn. Cờ lịnh tiễn.
4 Thệ-sư. — Thề với quân.
(5) Thị lập. Đứng hầu.
6 Song phi. Đứng mở cánh đều vậy ở ngoài.
(7) Vác đồng. Khí giái.
(8) Sanh kỳ. Cờ xí.

Tướng hùm mở giữa trung quân,
    Từ-công sánh vuối phu nhân cùng ngồi.
Tiền nghiêm (1) trống chửa dứt hồi,
    điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.
Từ rằng ân-oán hai bên.
    mặc nàng xử quyết báo đền cho minh.
Nàng rằng nhờ-cậy uy-linh.
    hãy xin báo đáp ân tình cho phu.
Báo ơn rồi sẽ trả thù,
    Từ rằng : việc ấy để cho mặc nàng.
Cho gươm truy đến *Thúc lang*,
    mặt như chàm đổ, thân dường cầy run. (2)
Nàng rằng nghĩa trọng ngàn cân.
    Lâm tri người cũ chàng còn nhớ không?
Sâm thương (3) chẳng vẹn chữ đồng.
    tại ai há dám phụ lòng cố-nhơn ?
Gấm trăm cuốn, bạc ngàn cân
    tạ lòng để xứng báo ơn gọi là ?
Vợ chàng quỉ-quái tinh ma.
    phen nầy kẻ cắp, bà già gặp nhau. (4)
Kiến bò miệng chén chớ lâu, (5)
    mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa.
Thúc sanh trông mặt bấy-giờ.
    mồ-hôi chàng đã như mưa ướt dầm.

---

(1) Tiền nghiêm. Đánh ba hồi trống tiền nghiêm.

(2) Chàm đổ. Xanh mặt tái-lét đi. Cầy run. - Run-rẩy như cầy sấy. (Chó sưởi lửa).

(3) Sâm thương. — (Sao sâm, sao thương. Sao hôm, sao mai). — Duyên vợ chồng không hiệp với nhau, như sao hôm với sao mai.

(4) Bà già bắt được kẻ cắp = Thì là chắc cứng đi rồi.

(5) - Kiến bò miệng chén được bao lâu.



Có quan tổng-đốc trọng thần, là *Hồ-tông-Hiến* kinh luân gồm tài.
Đẩy xe vâng chỉ đặc sai, tiện nghi bát tiễu việc ngoài đổng nhung.

(Coi trương 161)

Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
sợ thay mà lại mừng thầm cho ai.
Mụ-già. Sư trưởng (1) thứ hai,
thoạt đưa đến trước, vội mời rước lên.
Dắc tay mở mặt cho nhìn :
Hoạn-nô kia vuối *Trạc-tuyền* cũng tôi.
Nhớ khi lỡ bước sẩy vời,
non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương.
Ngàn vàng gọi chút lễ thường,
mà lòng *Phiếu-mẫu* mấy vàng cho cân ?
Hai người trông mặt chần-ngần
nửa phần khiếp-sợ. nửa phần mừng-vui.
Nàng rằng : xin hãy rốn ngồi.
xem cho rõ mặt. biết tôi báo thù.
Kịp truyền chư tướng hiến phù. (2)
lại đem các tích phạm-tù hầu tra.
Dưới cờ gươm rút nắp ra,
chính danh thủ phạm tên là *Hoạn-thơ*.
Xa trông nàng đã chào sơ:
Tiểu-thơ cũng có bây-giờ đến đây!
Đàn-bà dễ có mấy tay?
đời xưa mấy mặt đời nầy mấy gan?
Giở-giang là thói hồng nhan,
càng cay ngọt lắm, càng oan trái nhiều.
Hoạn-thơ hồn lạc phách xiêu,
khấu đầu dưới trướng, lựa điều kêu ca.
Rằng: tôi chút dạ đàn-bà,
ghen-tương thì cũng người-ta thường-tình.
Nghĩ cho khi các viết kinh,
vuối khi khỏi cửa. dứt tình chẳng theo.

---

(1) Mụ già là bà *Quản-gia*. Sư-trưởng là bà *Giác-duyên*.
(2) Hiến phù. Đem tội nhơn vô.

Lòng riêng riêng cũng kính yêu.
chồng chung chưa dễ ai chìu cho ai?
Trót lòng gây việc chông-gai,
còn nhờ lượng biển, thương bài nào chăng?
Khen cho thật đã nên rằng:
khôn-ngoan đến mực nói-năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen.
Đã lòng tri quá thì nên,
truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.
Tạ lòng lạy trước sân mây,
cửa viên lại dắc một dây dẫn vào.
Nàng rằng. lộng lộng trời cao,
hại nhân, nhân hại sự nào tại ta?
Trước là *Bạc-hạnh*, *Bạc-bà*.
bên là *Ưng*, *Khuyển* bên là *Sở-khanh*.
Tú-bà cùng *Mã-giám-Sanh*,
đẳng danh tội ấy xét tình còn sao?
Lệnh quân truyền xuống nội dao, (1)
thề sao thì lại cứ sao gia hình.
Máu rơi thịt nát tan-tành,
ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
Cho hay muôn sự tại trời,
phụ người chẳng bõ, (2) khi người phụ ta.
Mấy người bạc-ác tinh-ma,
mình làm mình chịu kêu mà ai thương?
Ba quân đóng mặt pháp-trường,
thanh thiên bạch nhựt rõ-ràng cho coi.

---

(1) Nội-dao. Quân tả dao.
(2) Chẳng bỏ. Bõ ghét.

Ân oán vừa xong thì bà Giác-Duyên nói tiên tri với Túy-Kiều rằng : trong năm năm nữa sẻ gặp nhau tại sông Tiền-Đường.

Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác-duyên vội đã gởi lời từ qui.
Nàng rằng : thiên tải nhứt thì. (1)
cố nhơn đã dễ mấy khi bán hoàn.
Rồi đây bèo hiệp mây tan,
biết đâu hạc nội, (2) mây ngàn là đâu.
Sư rằng : cũng chẳng mấy lâu.
trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước (3) phương xa,
gặp sư *Tam-hạp* vốn là tiên tri.
Bảo cho hội-hạp chi kỳ,
năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền định chẳng lầm,
đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.
Còn nhiều ân ái vuối nhau,
cơ-duyên nào đã hết đâu vội gì ?
Nàng rằng : tiền định tiên-tri,
lời *Sư* đã dạy, ắt thì chẳng sai.
Họa bao giờ có gặp người,
vì tôi cậy hỏi một lời chung thân. (4)
Giác-duyên vâng dặn ân cần,
tạ từ thoát đã dời chân cõi ngoài.

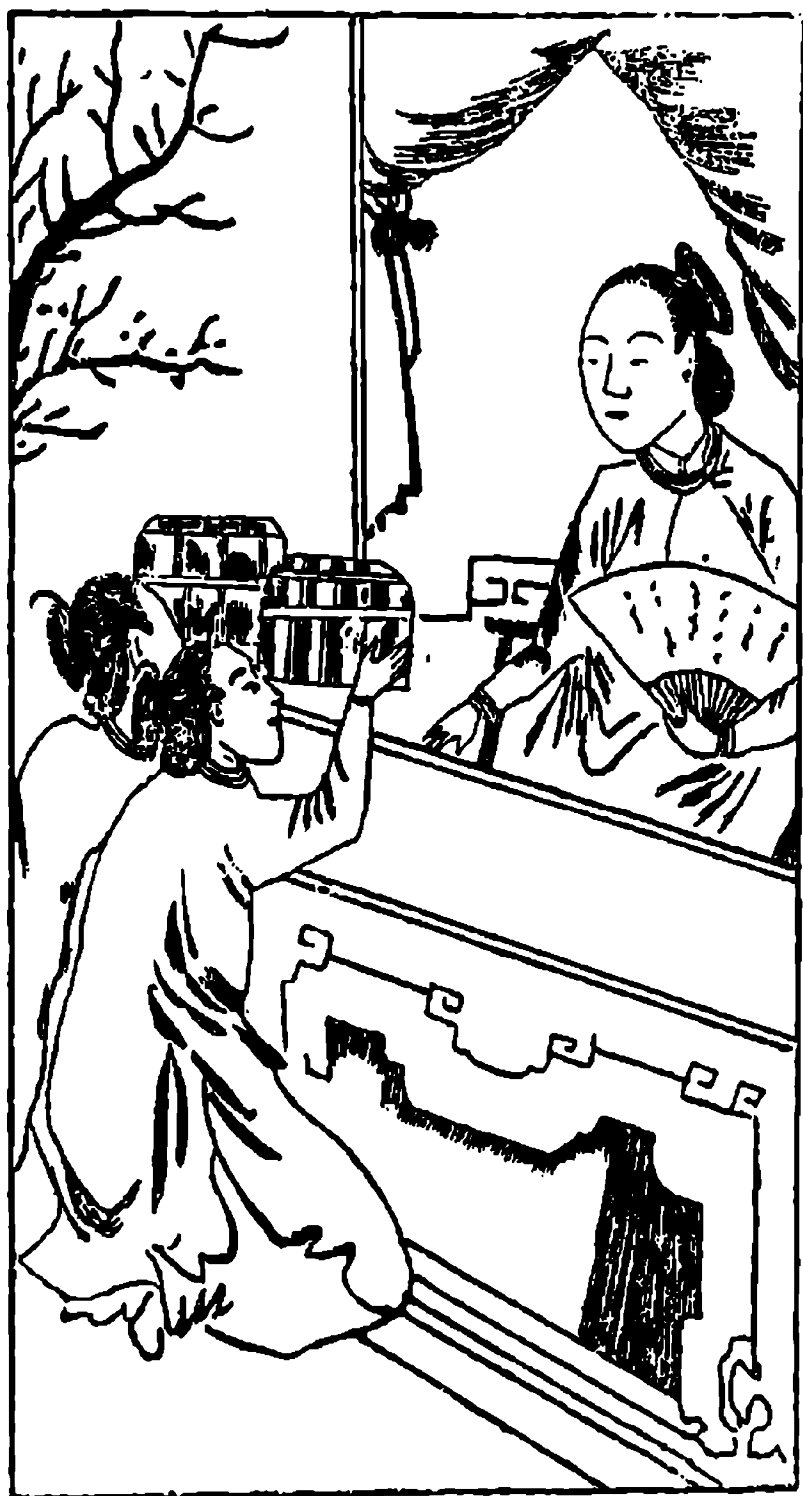
---

(1) Một ngàn năm mới gặp một lần, mà lật-đật vội-vã gì, ở lại chơi đã.

(2) Hạc nội. — Như hạc ngoài đồng, như mây trên núi, biết đâu mà tìm.

(3) Hành cước. — Đi phổ khuyến. (Về thầy chùa thầy sãi.

(4) Cậy bà hỏi cho rỏ trọn cái đời tôi làm sao ?



Túy-Kiều đền ân báo oán rồi, ra lạy tạ ơn Từ-Hải.

Nàng từ ân oán rạch-ròi,
  biển oan dường đã vơi-vơi cạnh lòng (1)
Tạ ơn lạy trước *Từ-công*
  chút thân bồ-liễu nào mong có rày?
Trộm nhờ sấm-sét ra tay,
  tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi.
Chạm xương ghi dạ xiết chi,
  dễ đem gan óc đền nghì trời mây? (2
Từ rằng: quốc sĩ xưa nay,
  chọn người tri kỷ một ngày được chăng?
Anh-hùng tiếng đã gọi rằng
  giữa đàng dẫu thấy bất bằng mà tha?
Huống chi việc cũng việc nhà,
  lựa là thâm tạ mới là tri ân?
Xót nàng còn chút song thân,
  bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
  cho người thấy mặt là ta cam lòng.
Vội truyền sửa tiệc quân trung,
  muôn binh ngàn tướng hội đồng tẩy oan. (3
Thừa cơ trước chẻ đá tan, (4)
  binh oai từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều-đình riêng một góc trời
  sánh hai văn võ rạch đôi sơn hà.

---

(1) — Đã phỉ lòng đền ơn trả oán.

(2 Gan óc bao nhiêu mà đền nghì trời mây cho được.

(3) — Ân oán báo đền rồi mở tiệc đãi các tướng, với quân binh.

(4) Trước chẻ đá tan. — (Phá trước thạch lọn). Đến đâu thắng đó, đánh đâu được đó.

Đòi cơn gió quạt mưa sa,
huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam.
Phong trần mài một lưỡi gươm,
những loài giá áo túi cơm (1) sá gì?
Nghênh-ngang một cõi biên thùy,
thiếu gì cô quả (2) thiếu gì bá vương?
Trước cờ ai dám tranh cường?
năm năm hùng-cứ một phương hải Tần.

Vua sai Hồ-tông-Hiến ra đánh Từ-Hải, mà liệu thế đánh không lại, nên sai sứ đem dâng lễ vật cho Túy-Kiều và Từ-Hải khuyên ra hàng đầu thú tội. Từ-Hải dùng dằng không chịu. Túy-Kiều năn-nỉ nói thiệt hơn, Từ Hải bèn nghe lời bỏ giáo hàng-đầu.

Có quan tổng-đốc trọng thần,
là *Hồ-tông-Hiến* kinh luân gồm tài.
Giây xe vâng chỉ đặc sai.
tiện nghi bát tiểu (3) việc ngoài đồng nhung. (4)
Biết *Từ* là đấng anh-hùng,
biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân làm chước chiêu an,
ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
hai tên thể nữ ngọc vàng ngàn cân.
Tin vào gởi trước trung quân,
Từ-công riêng nghĩ mười phần hồ đồ:

(1) Loài giá áo túi cơm. (Nang bao phạn nang). Người hèn hạ không tài không trí gì.

(2) Cô quả. (Xưng cô đạo quả). Là tiếng quan lớn với vua nói về mình. Muốn làm thế gì, muốn dụng chức gì cũng được.

(3) Tiện nghi bành sự, sai bát, tiễu bộ. Quyền ông *Hồ-tông-Hiến*.

(4) Đồng nhung. Đem binh đi

(5) Hồ-đồ. Còn nghi ngại.

Một tay gây-dựng cơ-đồ,
bấy lâu biển Sở sông Ngô tung-hoành.
Bó thân về với triều-đình,
hàng thần lơ-láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm buộc-trói lấy nhau,
vào lòn ra cúi công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên-thùy,
sức nầy đã dễ làm gì được nhau.
Dục trời khuấy nước mặc dầu,
dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
Nàng thì thật dạ tin người,
lễ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-chuân. (1
Rằng: nay chịu tiếng vương thần,
thinh-thinh đàng cái, thanh vân hẹp gì?
Công tư vẹn cả hai bề,
dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngôi mạng-phụ đường-đường, (2)
nở-nang mày-mặt rỡ-ràng mẹ cha.
Trên vì nước dưới vì nhà,
một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bá giữa dòng.
E-dè sóng gió, hãi hùng cỏ hoa.
Nhân khi bàn-bạc gần xa.
thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: trong thánh đế dồi-dào, (3)
rưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu.

---

(1) Gian-chuân. Quẫ khốn.– Khốn khó, cực khổ.

(2) — Mình đã về với Triều-đình thì cũng danh-giá tử-tế, vinh vang.

(3) — Nhơn đức vua còn dồi-dào, đang thạnh lắm.



Trong vòng tên đá bời-bời, thấy Từ còn đứng giữa trời trơ-trơ.
Khóc rằng : trí dũng có thừa, bởi nghe lời thiếp đến cơ-hội này !

Coi trương 165;

Bình-thành (1) công-đức bấy lâu,
ai-ai cũng đội trên đầu xiết bao ?
Gẫm từ dấy việc binh-đao,
đống xương vô định đã cao hơn đầu.
Làm chi để tiếng về sau,
ngàn năm ai có khen đâu *Hoàng-sào* ? (3)
Sao bằng lộc trọng quyền cao,
công-danh ai dắc lối nào cho qua
Nghe lời nàng nói mặn-mà,
thế công *Từ* mới trở ra thế hàng.
Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng,
hẹn kỳ thúc giáp, (4) quyết đàng giải binh.
Tin lời thành hạ yêu minh, (5)
ngọn cờ ngơ ngác, (6) trống canh sãi-trường.
Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,
vương sư (7) dòm đã tỏ-tường thật hư.

Hồ-tông-Hiến, dùng kế tiền sứ hậu binh, nên Từ-Hải tức mình bị bắn chết mà không ngã, nhờ có Túy-Kiều ra khóc-lóc thì mới ngã.

Hồ-công quyết kế thừa cơ,
lễ tiền binh hậu, (8) khắc kì giáp công.

---

(1) Bình-thành. — Kể từ *Minh-thái-tổ* khai sáng.

(2) Làm cỏ cho người ta chết, không biết tông tích nó ở đâu.

(3) *Hoàng-sào*. Người làm loạn mất nhà *Đường* gây ra đời *Ngũ-quí*.

(4) Thúc giáp. Bỏ giáo mà đầu.

(5) Thành hạ yêu minh. Lời thề với nhau dưới thành.

(6) Ngơ-ngác. Ngã ngang ngã ngửa. — Sãi-trường. Trống canh đánh sơ-sài.

(7) Quân sư. Đàng binh vua.

(8) Tiền sứ, hậu binh.

Kéo cờ chiêu-phủ tiên-phong,
lễ-nghi giàn trước, vác-đồng phục sau.
Từ-công hờ-hững biết đâu,
đại quan lễ phục, ra dầu cửa viên. (1
Hồ-công âm hiệu (2 trận tiền,
ba bề phát súng bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất-ý chẳng ngờ,
hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn. (3
Tử sinh liều giữa trận tiền,
dạn-dày cho biết gan liền tướng quân.
Khi thiêng khi dã về thần, (4
nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá vững như đồng,
ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời,
Quan quân truy sát duổi dài,
ù ù sát khí ngất trời ai đang.
Trong hào ngoài lũy tan-hoang,
loạn quân vừa dắc tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đá bời-bời,
thấy *Từ* còn đứng giữa trời trơ-trơ
Khóc rằng: tri dõng có thừa,
bởi nghe lời thiếp đến cơ-hội nầy!
Mặt nào trông thấy nhau đây?
thà liều sống chết một ngày với nhau.
Dòng thu như chảy mạch sầu,
dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí tương triền, (6
nàng vừa phục xuống *Từ* liền ngã ra!

---

(1) — Mặc áo, đội mũ ra rước.
(2) Âm hiệu. — *Hồ-công* ra hiệu lệnh thầm cho quân đánh.
(3) — Mạnh hổ nan địch quần hồ.
(4) — Chết đi rồi.
(5) Nhơn nhơn.... - Chết đứng sựng đi đó, ai thấy cũng kinh.
(6) Oan khí tương triền. — Khí oan nó buộc lấy nhau.

Quan quân kể lại người qua,
  xót nàng sẽ lại vực ra dần-dần.

Quân bắt Túy-Kiều đem vô, Hồ-tông-Hiến hỏi Túy-Kiều muốn xin đi-gì với Triều-đình vì có công đã giúp lời cho Từ-Hải ra đầu. Túy-Kiều bẩm không có công gì, một xin xác Từ-Hải đem về chôn.

Đem vào đến trước trung quân,
  Hồ-Công thấy mặt ân-cần hỏi-han.
Rằng: nàng chút phận hồng nhan,
  gặp cơn binh-cách (1 nhiều nàn cũng thương.
Đã hay thành toán miếu đường. 2)
  giúp công cũng có lời nường mới nên.
Bây-giờ sự đã vẹn-tuyền,
  mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào?
Nàng càng dồ ngọc tuôn dào,
  ngập-ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.
Rằng: *Từ* là đứng anh-hùng,
  dọc ngang trời rộng, vẫy vùng biển khơi.
Tin tôi nên quá nghe lời,
  đưa thân bá chiến làm tôi triều-đình.
Ngỡ là phu quí thê vinh. (3)
  ai ngờ một phút tan-tành thịt xương.
Năm năm trời biển ngang-tàng,
  đem mình đi bỏ chiến-trường như không!

---

1) Binh-cách. Lúc loạn-ly, giặc-giã.
(2) Thành toán miếu đường. Cái chước đã nên vì phước đức vua
(3) Phu quí thê vinh. Chồng sang thì vợ cũng sang.



Trong quân mở tiệc hạ công, xôn-xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn, dở say lại ép vận đàn nhặt tâu.

(Coi trương 168)

Hại chồng kể lấy làm công,
  kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !
Xét mình công ít tội nhiều,
  sống thừa tôi đã nên liều mình tôi !
Xin cho tiện thổ 1) một doi,
  gọi là đắp-điếm lấy người tử sinh.
Hồ-Công nghe nói thương tình,
  truyền cho kiều táng di hình 2) bên sông.

Hồ-tông-Hiến mở tiệc đãi quan quân tướng sĩ, và đòi Túy-Kiều vào đờn chơi một đêm. Sáng ra giựt mình sợ e tội với Triều-đình, nên đem Túy-Kiều gả cho Thổ-quan đất ấy.

Trong quân mở tiệc hạ công,
  xôn-xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
  dở say lại ép vặn đàn nhặt tâu.
Một cung gió thảm mưa sầu,
  bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay.
Ve kêu vượn hót nào tày,
  lọt tai *Hồ* cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng : nầy khúc ở-đâu ?
  nghe ra muôn thảm ngàn sầu lắm thay ?
Thưa rằng bạc-phận khúc nầy,
  phổ vào 3) đờn ấy những ngày còn thơ.
Cung đờn lựa những ngày xưa,
  mà gương bạc-mạng bây-giờ là đây.
Nghe càng ngấm, ngấm càng say,
  lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình !

---

(1) Xin cho đất mà chôn, phụ-phỉ tình ngãi với nhau.
(2) Kiều táng di hình. Đem chôn sơ sài đi cho rồi.
(3) Phổ vào. Sắp vô.

Dạy rằng : hương hỏa ba sinh,
dây loan xin nối kim lành cho ai. 1
Thưa rằng : chút phận lạc loài,
trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa cánh hoa tàn.
tơ lòng đã dứt dây đờn Tiểu-lân. (2
Rộng cho còn mảnh hồng-quần,
hơi tàn được thấy góc phần là may:
Hạ-công chén đã quá say.
Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
quan trên nhắm xuống, người-ta trông vào.
Phải tuồng trăng gió hay sao ?
sự nầy biết tính thế nào được đây ?
Tảo-nha (3 vừa buổi rạng ngày,
quyết tình *Công* mới đoán ngay một bài :
Lệnh quan ai dám cãi lời.
ép tình mới gán cho người thổ-quan.
Ông-tơ thật nhẽ đa-đoan, (4)
xe tơ khen khéo vơ quàng vơ xiên.
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền.
lá màn xủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
trăm phần nào có phần nào phần tươi ?
Đành thân cát dập sóng vùi,
cướp công cha mẹ. thiệt đời thông-minh.

---

(1) — *Hồ-công* say xoảng xoảng, nói với *Túy-kiều* rằng : Bây-giờ chồng chết rồi, để cho tao làm chồng thế cho.

(2) Tiểu-lân. *Tiểu-liên*, tên người đờn nam hay.

(3) Tảo-nha. - Buổi hầu mai.

(4) Đá-đoan. Các-cớ.

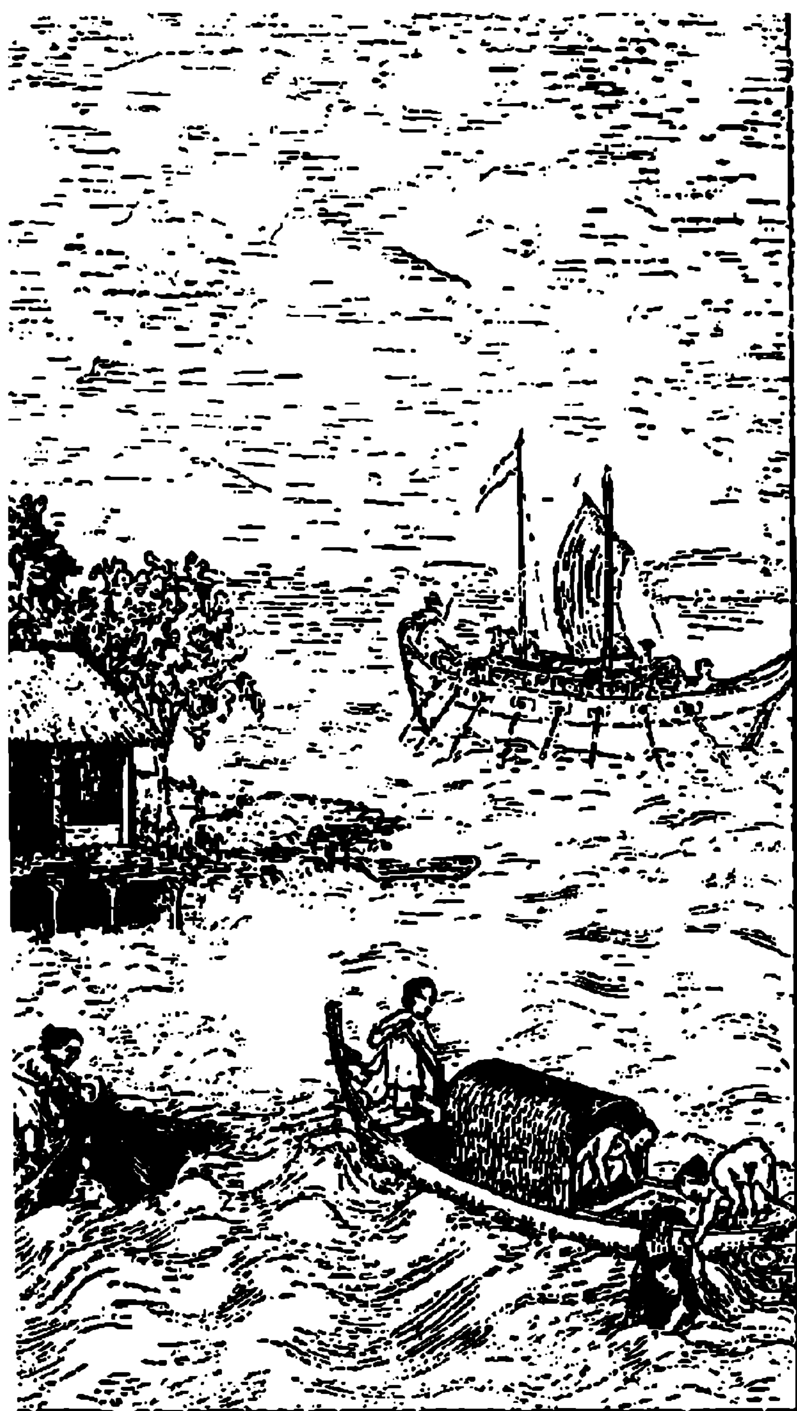
Chơn trời mặt biển lênh-đênh,
nắm xương biết gởi tử-sinh chốn nào ?
Duyên đâu ai dắc tơ đào,
nợ dầu ai đã dắc vào tận tay ?
Thân sao thân đến thế nầy !
còn ngày nào cũng đơ ngày ấy thôi.
Đã không biết sống là vui,
hoài thân nào biết thiệt-thòi là thương !
Một mình cay-đắng trăm đường,
thôi thì nát ngọc tan vàng là thôi.

Thồ-quan rước Tùy-Kiều đi đến sông Tiền-đường, liền nhớ lại lời tiên-tri bà Giác-sư và lời lúc thần mộng Dạm-Tiên đã nói, bèn đâm đầu nhảy xuống sông.

Mảnh gương đã ngậm non đoài, (1)
một mình luống những đứng ngồi chửa xong.
Triều (2) dâu nổi tiếng đùng đùng,
hỏi ra mới biết rằng sông *Tiền-đường.*
Nhớ lời thần mộng rõ-ràng,
nầy thôi hết kiếp đoạn-tràng là đây :
Dạm Tiên nàng hỡi có hay !
hẹn ta thì đợi dưới nầy rước ta.
Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa (3)
một thiên tuyệt bút (4) gọi là để sau.
Cửa bồng vội mở rèm châu,
trời cao biển rộng một màu bao-la. (5)

---

(1) Mặt trời chen lặn.
(2) Triều. — Thủy triều. — Nước lớn.
(3) Bức tiên hoa. — Giấy để sẵn mà viết.
(4) — Làm thơ bốn câu để lại.
(5) Bao-la. — Bủa vây. Mênh-mông.



ều từ gieo xuống dòng ngân, nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
ư-ông cất lưới vớt người, gẫm lời *Tam-hiệp* rõ mười chẳng ngoa.

Coi trương 1[illegible]6.

Rằng *Từ-công* hậu dãi ta,
chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
Giết chồng mà lại lấy chồng,
mặt nào còn lại dừng trong cõi đời ?
Thôi thì một thác cho rồi,
tấm lòng phú mặt trên trời dưới sông.
Trông vơi con nước mênh-mông,
đem mình gieo xuống giữa dòng trường-giang.
Thổ-quan theo vớt vội-vàng,
thì đà dắm ngọc chìm hương mất rồi.
Thương thay cũng một thân người!
khéo thay mang lấy sắc tài làm chi?
Những là oan-khổ lưu-ly, (1
chờ cho hết kiếp còn gì là thân ?
Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
làm gương cho khách hồng-quần thử soi.
Đời người đến thế thì thôi,
trong cơ dương cực âm hồi không hay. 2)
Mấy người vì ngãi xưa nay,
trời làm chi đến lâu ngày càng thương ?
Giác-duyên từ tiết giã nàng,
treo bầu quảy níp rộng đàng vân du. (3)
Gặp bà *Tam-hạp* đạo cô,
thung-dung hỏi hết nhỏ to sự nàng.
Người sao hiếu nghĩa đủ đàng?
kiếp sao mắc những đoạn tràng thế thôi?
Sư rằng họa phước đạo trời,
cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

---

(1) Lưu ly. Trôi lìa.
(2) Dương cực âm hồi. Hết dương rồi thì âm trở về.
(3) Vân du. — Chơi mây Đi tu.

Có trời mà cũng tại ta.
  Tu là cội phước, tình là dây oan. (1)
Túy-kiều sắc-sảo khôn-ngoan,
  vô duyên là phận hồng-nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
  khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thong-dong,
  ở không yên-ổn, ngồi không vững-vàng.
Ma dắc lối, quỉ đem đàng,
  lại tìm những chốn đoạn tràng mà đi.
Hết nạn ấy đến nạn kia,
  thanh-lâu hai lượt thanh-y hai lần. (2)
Trong vòng giáo dựng gươm trần,
  kề răng hùm sói, gởi thân tôi-đòi.
Giữa dòng nước chảy sóng dồi,
  trước hàm rồng cá, gieo mình thủy tinh.
Oan kia theo mãi vuối tình,
  một mình mình biết, một mình mình hay.
Làm cho sống đọa thác đày,
  đoạn trường cho hết kiếp nầy mới thôi.
Giác-duyên nghe nói rụng-rời,
  một đời nàng hỡi thương ôi còn gì!
Sư rằng: song chẳng hề chi,
  nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.
Xét trong tội-nghiệp *Túy-kiều*!
  mắc đều tình-ái khỏi đều tà-dâm. (3)

---

(1) Tình ái là như dây oan nó ràng buộc lấy mình.

(2) Bị làm đĩ hai lần, một lần tại *Tú-bà*, một lần tại nhà *Bạc-hạnh*. Bị làm đầy tớ hai lần. (Làm con đòi thì phải mặc áo xanh, nên kêu là thanh-y): Một lần tại nhà bà *Phu-nhơn* là mẹ *Hoạn-thơ*, một lần nữa tại nhà con *Hoạn-thơ*.

(3) Mang đều tình ái thì có, mà cái bụng tà-dâm thì không.

Lấy tình thâm, trả ngãi thâm,
 bán mình đã động hiếu tâm đến trời.
Hại một người cứu muôn người,
 biết đàng khinh trọng, biết lời phải chăng.
Thửa công đức ấy ai bằng?
 túc khiên đã rửa rưng-rưng sạch rồi.
Khi nên trời cũng chiu người,
 nhẹ-nhàng nợ trước, đền-bồi ơn sau.
Giác-duyên dầu nhớ nghĩa nhau,
 Tiền-đường thả một vì lau (1) rước người.

Bà Giác-duyên nghe lời tiên-tri bà Giác-sư đã nói trước nên đã tới che lều ở đó sớm tối mướn chài, chài lên chài xuống hoài, khi ấy mới chài được Túy-Kiều vớt lên đem về am nuôi.

Trước sau cho vẹn một lời,
 duyên ta mà cũng phước trời chi không.
Giác-duyên nghe nói mừng lòng,
 lân-la tìm thú bên sông *Tiền-đường*.
Đánh tranh nhóm nóc thảo đường, (2)
 một gian nước biếc, mây vàng chia đôi. (3)
Mướn năm ngư-phủ hai người,
 đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
 khéo trong gặp-gỡ, cũng trong chuyền-vần. (4)

---

(1) Vì lau. — Xuồng nhỏ nhỏ.
(2 Thảo-đường. — Nhà tranh.
(3) — Một ngọn sông *Tiền-đường* nước xanh lẻo-lẻo, mà bóng mây thì vàng nửa che sông nửa che chùa.......
(4) Chuyền-vần. — Máy trời.



Đánh liền lên tiếng ngoài đường, chàng *Trương* nghe tiếng vội-vàng chạy ra.
Dắc tay vội bước vào nhà, mé sau *Viên-ngoại* ông bà ra ngay

(*Coi trương 175*).

Kiều từ gieo xuống dòng ngân,
  nước xuôi bỗng đã trôi dần tạn nơi.
Ngư-ông cất lưới vớt người,
  gẫm lời *Tam-hiệp* rõ mười chẳng ngoa.
Trên mai ướt lột áo lá, (1)
  tuy dầm hơi nước, chửa lòa bóng gương.
Giác-duyên nhận thật mặt nàng,
  nàng còn thip-thip, giấc vàng chửa phai.
Mơ-màng phách quế hồn mai,
  Đạm-tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng : tôi đã có lòng chờ,
  mất công đã mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng đức dày,
  kiếp nầy cũng vậy, lòng nầy dễ ai ?
Tấm thành đã thấu đến trời,
  bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một mình vì nước vì dân,
  dương-công (2) nhắc một đồng cân đã già.
Đoạn trường sổ rút tên ra,
  đoạn trường phải đến dễ mà giã nhau.
Còn nhiều hưởng thọ về sau,
  duyên xưa tròn-trặn phước sau dồi-dào.
Nàng còn ngơ-ngẩn biết sao,
  Trạc-tuyền nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giựt mình thoát tỉnh giấc mai,
  bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy *Đạm-tiên*?
  bên mình chỉ thấy *Giác-duyên* ngồi kề.

---

(1) Trên mai. — Trên mui.
(2) Dương-công. — Thợ trời. — Trời

Thấy nhau mừng-rỡ trăm bề.
dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư; (1)
Một nhà chung-chạ sớm trưa,
gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát-ngát mênh-mông,
triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau. (2)
Nạn xưa trút sạch láu-làu,
duyên xưa chửa dễ biết đâu chốn nầy?
Nỗi nàng tai-hại đã đầy,
nỗi chàng *Kim-trọng* bấy chầy mới thương!

Kim-Trọng chịu tang Thúc-phụ rồi, trở qua thì thấy nhà cửa Túy-Kiều đâu mất. Hỏi thăm, gặp Vương-Quan đam vào nhà ra mắt ông bà Viên-ngoại.

Từ ngày muôn dặm tri tang, (3)
nửa năm ở đất *Liêu-dương* lại nhà.
Vội sang vườn túy dò-la,
nhìn phong-cảnh cũ, nay đã khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
song trăng quạnh-quẽ, vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Quế hoa én lạnh rường không,
cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.

---

(1) Thảo lư. — Lều tranh.

(2) — Đắp đổi tháng ngày, như nước lớn ròng. — Ngày nầy qua ngày kia, ở nơi chùa thanh-vắng quạnh-quẽ, lại gần sông, gần bến nước.

(3) Tri tang. — Đi đem quan tài chú về, chịu tang.

Cuối tường gai-gốc mọc đầy,
 đi về nầy những lối nầy năm xưa.
Đông-quanh lạnh-ngắt như tờ,
 nỗi niềm tâm-sự bây-giờ hỏi ai.
Láng-riềng có kẻ sang chơi,
 Lân-la sẽ hỏi một hai sự tình :
Hỏi ông, ông mắc tụng đình,
 hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
 hỏi chàng *Vương* vuối cùng là *Túy-vân*.
Đều là sa-sút (1) khó-khăn,
 may thuê, viết mướn, kiếm ăn lần-hồi.
Đều đâu sét đánh lưng trời !
 thoắt nghe chàng thoắt rụng-rời xiết bao?
Hỏi thăm đi trú nơi nào ?
 đánh đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả-tơi,
 rêu lan rêm nát, trước gài phên thưa. (2)
Một sân đất cỏ dầm mưa,
 càng ngao ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn đường !
Đánh liều lên tiếng ngoài đường,
 chàng *Vương* nghe tiếng vội-vàng chạy ra.
Dắc tay vội bước vào nhà,
 mái sau *Viên-ngoại* ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây
 chàng ôi biết nỗi nước nầy cho chưa?
Kiều-nhi phận mỏng như tờ,
 một lời đã lỗi tóc-tơ vuối chàng.

---

(1) Sa-sút. — Sa cơ phải, kém sút thuở xưa. — Sa nghèo-nàn
(2) Vườn-tược xơ-rơ, nhà cửa xiêh-xác, cửa gài bằng tre.



vàng sắm-sửa chọn ngày, duyên *Vân* sớm đã nối dây cho chàng.
ài yểu-điệu, kẻ văn chương, trai tài, gái sắc, xuân đương kịp thì.

(Coi trương 181

Gặp cơn gia biến lạ dường,
bán mình nó đã tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
cực trăm ngàn nỗi, dặn ba bốn lần.
Trót lời nặng vuối lang-quân,
mượn con em nó, *Túy-Vân* thay lời.
Gọi là trả chút ngãi người,
sầu nầy dặc dặc, muôn đời chửa quên.
Kiếp nầy duyên đã phụ duyên,
dạ đài (1) còn biết sẽ đền lại sinh.
Mấy lời ký chú đinh ninh,
ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.
Phận sao bạc bấy *Kiều-nhi* !
chàng *Kim* về đó con thì đi đâu ?
Ông bà càng nói càng đau,
chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa. (2)
Vật mình chải gió tuôn mưa,
dầm dề giọt ngọc dật-dờ hồn mai.
Đau dòi đoạn, ngất dòi hồi,
tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt-ly.
ngẫn-ngừ ông mới vỗ-về lại khuyên :
Bây-giờ ván đã đóng thuyền,
đã đành phận bạc, khôn đền tình chung.
Quá thương chút nghĩa đèo-bòng,
ngàn vàng thân ấy thì hòng bỏ sao ?
Dỗ-dành khuyên-giải trăm chìu,
lửa phiền khôn dập, càng khêu mối phiền.

---

(1) Dạ dài. — Mả.
(2) Rầu như dưa. — Rầu rĩ xàu đi, như dưa cải bóp muối thì nó xàu đi vậy.

Thề xưa dở đến kim huờn. (1)
   của xưa lại dở đến dờn vuối hương. (2)
Sanh càng trông thấy càng thương,
   gan càng tức tối, ruột càng xót-xa.
Rằng tôi trót quá chơn ra
   dể cho đến nổi trôi hoa giạt bèo.
Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
   những đều vàng đá phải đều nói không?
Chưa chăn gối, cũng vợ chồng,
   lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
Bao nhiêu của mấy ngày dàng.
   còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi.

Kim-Trọng rước ông bà Viên-ngoại về nuôi, và mướn người đi kiếm Túy-Kiều. Kim-Trọng cưới Túy-Vân thế cho Túy-Kiều.

Nỗi thương nói chẳng hết lời,
   tạ-từ *Sanh* mới sụt-sùi trở ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
   rước mời *Viên-ngoại* ông bà cùng sang.
Thần hôn (3) chăm-chút lễ thường,
   dưỡng thân thay tấm lòng nường ngày xưa.
Đinh-ninh mài lệ chép thơ,
   cắt người tìm-tối, đưa tờ nhắn nhe.

---

(1) Dở xuyến vàng ra là của cầm *Kim-trọng* đưa cho *Túy-kiều*, ông bà còn giữ đó.

(2) — Phím đờn với miếng hương của *Túy-kiều* đưa cho *Kim-trọng*.

(3) Thần hôn. — (Hôn định thần tỉnh). *Kim-trọng* rước cha mẹ vợ về nuôi-nấng xem-sóc đêm ngày.

Biết bao công mướn của thuê ?
Lâm-tri mấy độ đi về dặm khơi.
Người một nơi hỏi một nơi,
mênh-mông nào biết biển trời nơi nao ?
Sanh càng thảm-thiết khát-khao,
như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo-don,
tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thẫn-thờ lúc tỉnh lúc mê,
máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.
Xuân huyên lo sợ xiết bao,
quá ra khi đến thế nào mà hay?
Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,
duyên *Vân* sớm đã nối dây cho chàng.
Người yểu-điệu, kẻ văn chương
trai tài, gái sắc, xuân dương kịp thì.
Tuy rằng vui chữ vu-qui,
vui nầy đã cất sầu kia đặng nào ?
Khi ăn-ở, lúc ra-vào,
càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bây-giờ,
luôn châu dòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng-vẻ hiên phòng,
đốt lò hương dở phím đờn ngày xưa.
Bẻ-bai rủ-rỉ tiếng tơ,
trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như bên nóc trước thềm,
tiếng *Kiều* đồng vọng, bỗng thêm mơ-màng.
Bởi lòng tạc dá ghi vàng,
tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.
Những là phiền muộn đêm ngày,
xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?



Đến khoa gặp hội trường văn, *Vương, Kim*, cùng chiếm bảng xuân một ngày.
Cửa trời mở rộng đường mây, hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần

(*Coi trương 184*).

Kim-Trọng với Vương-Quan thi dậu vua sai đi ngồi tri-huyện Lâm-tri.

Đến khoa gặp hội trường văn.
Vương, Kim cũng chiếm bảng xuân một ngày.
Cửa trời mở rộng đáng mây,
huê chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.
Chàng *Vương* nhớ đến xa gần.
sang nhà *Chung-lão* tạ ơn chân triền. (1)
Tình xưa ơn trả ngãi đền.
gia thân bèn mới kết duyên Châu-Trần.
Chàng càng nhẹ bước thanh vân,
nỗi chàng càng nghĩ xa gần càng thương:
Ấy ai dặn ngọc thề vàng
bây giờ kim-mã (2) ngọc-đàng (3) vuối ai ?
Ngọn bèo chơn sông lạc loài,
nghĩ mình vinh-hiển thương người lưu ly !
Vâng ra ngoại nhậm *Lâm-tri*.
quan-sơn ngàn dặm thê-nhi một đoàn.
Cầm đường (4) ngày tháng thanh-nhàn,
sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu-dao.
Phòng hương trướng xủ huê đào.
nàng *Vân* nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới dĩ cùng chàng,
nghe lời chàng cũng hai đàng tin nghi

---

(1) Châu triền. Xây quanh mà lo-lắng cho.
(2) Kim-mã. — (Kim mã môn) — Cửa Hàn-lâm.
(3) Ngọc-đường. — Hàn lâm viện. — Dậu tấn-sĩ.
(4) Cầm đường. Huyện đường. Vì tích ông *Triệu-biện* đi có cây đờn với con hạc nên kêu chỗ huyện đường là cầm đường

Nọ *Lâm thanh* vuối *Lâm tri*,
khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tầm,
ở đây hoặc có giai âm chăng là.
Thăng đường chàng mới hỏi tra,
họ *Đỏ* có kẻ lại già thưa lên:
Sự nầy đã ngoại mười niên,
tôi đà biết mặt biết tên rành-rành.
Tú-bà cùng *Mã-giám-sanh*,
đi mua người ở *Bắc-kinh* đưa về.
Túy-kiều tài sắc ai bì?
có nghề đờn, lại đủ nghề văn-thơ.
Kiên trinh (1) chẳng phải gan vừa,
liều mình thế ấy, phải lừa thế kia. (2)
Phong-trần chịu đã ê hề,
dây duyên sau lại gả về *Thúc-lang*.
Phải tay vợ cả phụ-phàng,
bắt về *Vô-tích* toan đàng bẻ hoa.
Cất mình nàng mới trốn ra,
chẳng may lại gặp một nhà *Bạc* kia.
Thoạt mua về, thoạt bán đi,
mây trôi bèo nổi, thiếu gì là nơi?
Bổng đâu lại gặp một người,
hơn người trí dõng nghiêng trời oai linh.
Trong tay muôn vạn tinh binh,
kéo về đóng chật một thành *Lâm-tri*.
Tóc tơ các tích mọi khi,
oán thì trả oán, ơn thì đền ơn.

---

(1) Kiên trinh. — Bền chính — Nói *Túy-kiều* là người trinh tiết vững lòng......

(2) Liều mình cắt họng mà chết... rồi lại mắc lừa làm vậy

Đã nên có ngãi có nhân,
  trước sau trọn-vẹn xa gần ngợi-khen.
Chửa tường được họ được tên,
  sự nầy hỏi *Thúc-sanh* viên mới tường.
Nghe lời *Đô* nói rõ-ràng,
  tức-thì tống trát dòi chàng *Thúc-sanh*.
Nỗi nàng hỏi hết phân-minh,
  chồng con đâu tá, (1) tánh danh là gì?
Thúc rằng gặp lúc loạn-li,
  trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc-tơ.
Đại-vương tên *Hải* họ *Từ*
  đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.
Gặp nàng ngày ở *Châu-thai*,
  lạ chi quốc-sắc thiên-tài phải duyên.
Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên.
  làm nên động-địa kinh thiên dùng-dùng.
Đại quân đồn đóng cõi đông.
  về sau chẳng biết vân-mồng (2) làm sao.
Nghe tường nhành ngọn tiêu-hao,
  lòng riêng chàng luống lao-đao thẩn-thờ.
Xót thay chiếc lá bơ-vơ.
  kiếp trần biết giũ bao giờ cho xong?
Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
  xót thân chìm nổi, đau lòng hiệp tan!
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
  mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây.
Đờn-cầm khéo ngẩn-ngơ dây,
  lò hương biết có kiếp nầy nữa thôi

---

(1) Tá. Tiếng để mà hỏi.
(2) Vân-mồng. Nóng-nỗi.



Cơ duyên đâu bỗng lạ sao? *Giác-duyên* đâu bỗng tìm vào đến nơi
Trông lên linh-vị chữ bài, thất-kinh mới hỏi những người đâu ta?

(Coi *trương* 18

Bình bồng còn chút xa-xôi,
  đỉnh-chung (1) sao nỡ ăn ngồi cho an?
Rắp mong treo ấn từ quan,
  mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha.
Sấn mình trong đám can-qua,
  vào sanh ra tử, họa là thấy nhau:
Nghĩ điều trời thẳm vực sâu,
  bóng chim tăm cá, biết đâu mà nhìn.
Những là nấn-ná (2) đợi tin,
  nắng mưa đã biết mấy phen đổi-dời?

Năm ấy cải nhậm, vua sai đi ngồi xứ khác; hai anh em đi tới sông Tiền-đường, nghe nói Túy-Kiều chết tại đó thì rước thầy làm chay, đặt bài vị mà cúng.

Năm mây đã thấy chiếu trời, (3)
  khâm-sai sắc-chỉ đến nơi rành-rành.
Kim thì cải nhậm *Nam-bình*,
  chàng *Vương* cũng cải nhậm thành *Hoài-dương*.
Sắm-sanh xe ngựa vội-vàng,
  hai nhà cũng thuận một đàng phó quan. (4)
Xảy nghe thế giặc đã tan,
  sóng êm *Phước-kiến*, tro tàn *Tích-giang*.
Được tin *Kim* mới rủ *Vương*,
  tiện đàng cùng lại tìm nường sau xưa.

---

(1) Đỉnh chung. (Vạc chung). — Giàu sang phú túc.
(2) Nấn-ná. — Lần-hồi.
(3) Chiếu trời. — (Thiên tử chiếu). — Chiếu vua sai.
(4) Phó quan. — Đáo nhậm. — Đi nhậm sở.

Viên-châu đến đó bây-giờ,
thật tin hỏi được tóc-tơ rành rành.
Rằng : ngày hôm nọ giao binh,
thất cơ *Từ* đã thâu linh (1) trận tiền.
Nàng *Kiều* công cả chẳng đền,
lệnh quan lại bắt ép duyên thổ-tù. (2)
Nàng đà gieo ngọc trầm chu,
sông *Tiền-đường* đó, ấy mồ hồng nhan.
Thương ôi! không hiệp mà tan,
một nhà vang-hiển riêng oan một nàng!
Chiêu hồn thiết vị lễ thường,
giải oan lập một đàn-tràng bên sông. (3)
Ngọn triều non bạc trùng-trùng, (4)
vọi trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo,
Tình thâm biển thẳm lạ chiu,
nào hồn tinh-vệ (5) biết xiêu chốn nào?

Bà Giác-duyên đi coi thấy mộc-vị thì biết là tế Túy-Kiều, mới hỏi là ai tới làm chay ; biết được là cha mẹ, anh em Túy-Kiều, thì nói nó còn sống ở tại am mình.

Cơ duyên đâu bỗng lạ sao ?
Giác-Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
Trông lên linh-vị chữ bài,
thất-kinh mới hỏi những người đâu ta ?

---

(1) — Thâu linh. — Chết.
(2) Thổ-tù. — Quan thổ.
(3) — Làm đàng thủy lục (việc vười) cho *Túy-kiều*, vì nghe nói đã gieo mình xuống đó mà chết.
(4) — Nước lớn sóng bổ ầm ầm.
(5) Tinh-vệ. — Chim tinh-vệ, hình công chúa biến ra mà tha lấp biển mà kiếm xác chồng.

Vuối nàng thân-thích gần xa,
người còn sao bỗng làm ma khóc người ?
Nghe tin giớn-giác rụng-rời,
xúm quanh kể họ rộn lời hỏi tra :
Nầy chồng nầy mẹ, nầy cha,
nầy là em ruột, nầy là em dâu.
Thật tin nghe đã bấy lâu,
pháp sư dạy thế sự đâu lạ dường !
Sư rằng : nhân quả (1) vuối nường,
Lâm-tri buổi trước *Tiền-dường* buổi sau.
Khi nàng gieo ngọc dày sâu,
dón theo tôi đã gặp nhau rước về.
Cùng nhau nương cửa Bồ-đề,
thảo-am dó cũng gần kề chẳng xa.
Phật-tiền nhà bạc lân-la,
đăm-dăm (2) nàng cũng nhớ nhà không khuây.
Nghe tin nở mặt mở mày,
mừng nào lại quá mừng nầy nữa chăng ?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
Rõ-ràng hoa rụng hương bay,
kiếp sau họa thấy kiếp nầy hẳn thôi.
Âm-dương dôi ngã chắc rồi,
cõi trần mà lại thấy người cửu-nguyên !

Dắc về nhìn ra thiệt tích ; đem Túy-Kiều về nó không chịu về. Cha mẹ la-dức nói có muốn tu thì lập am tại nhà cho mà tu cùng rước bà Giác-duyên về nữa, thì nó mới chịu về.

Sắp nhau lạy tạ *Giác-Duyên*,
bộ-hành một lủ theo liền một khi.

---

(1) Nhân quả. — Nhân duyên, quả báo.
(2) Dăm-dăm. — Ngẫm-ngẫm, ngậm-ngùi.



Bẻ lau vạch cỏ tìm đi, tình thâm luống hãy hồ-nghi nửa phần.
Quanh co theo dải giang tân, khỏi rừng lau đã tới sân Phật-đàng.

(Coi trương 192).

Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
  tình thâm luống hãy hồ-nghi nửa phần.
Quanh-co theo dải giang tân, (1)
  khỏi rừng lau đã tới sân Phật-đàng.
Giác-Duyên lên tiếng gọi nàng,
  phòng trong vội khiến sen vàng bước ra.
Rõ ràng đủ mặt một nhà,
  xuân già còn mạnh, huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng hòa hai,
  nọ chàng *Kim* đó là người ngày xưa.
Tưởng bây-giờ lại bao-giờ ?
  rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao.
Giọt châu thánh-thót quyền bào, (2)
  mừng-mừng sợ-sợ biết bao là tình !
Huyên già dưới cội gieo mình,
  khóc than mình kể sự mình đầu đuôi :
Từ con lưu-lạc quê người,
  bèo trôi sóng bủa chốc mười lăm năm.
Tính rằng : sông nước cát lầm,
  kiếp này ai lại còn cầm được đây ?
Ông bà nhìn mặt cầm tay,
  dung-quang chẳng khác gì ngày bước ra.
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa,
  mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng ông lấy gì cân ?
  lời tan hiệp truyện xa gần thiếu đâu ?
Hai em hỏi trước han sau,
  đứng trông nàng đã trở sầu làm tươi.

---

(1) Giang tân. — Bực sông.
(2) Quyền bào. Bâu áo.

Sắp nhau lạy trước Phật-dài,
tái sanh trần tạ, lòng người từ-bi.
Kiệu hoa giục rước tức thì,
Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng : chút phận hoa rơi,
nửa dời nếm trải mọi mùi dắng cay.
Tình rằng : mặt nước chơn mày,
lòng nào còn tưởng có rày nữa không.
Dược rày tái thế tương-phùng,
khát-khao dã thỏa tấm lòng lâu nay.
Dã dem mình bỏ am mây,
tuổi nầy gởi với cỏ cây cũng vừa.
Mùi thiền dã bén muối dưa,
màu thiền ăn-mặc dã ưa nâu sồng.
Sự dời đã tắt lửa lòng,
còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?
Dở-dang nào có hay gì?
dã tu tu trót quả thì thì thôi.
Trùng sanh ơn nặng bể trời,
lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra di?
Ông rằng : bỉ thử nhứt thì,
tu-hành thì cũng phải khi tùng quyền.
Phải đều cầu phật cầu tiên,
tình kia hiếu nọ ai đền cho dây?
Độ sanh (1) nhờ dức cao dày,
lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.
Nghe lời nàng phải chìu lòng,
giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.
Một dàng về dến quan-nha,
đoàn viên (2) vội mở tiệc hoa vui-vầy.

---

(1) Độ sanh. — Vướt cho sống, khỏi chết.
(2) Doàn viên. — Sum hiệp.

Tà-tà chén cúc dở say,
  đứng lên *Vân* mới giải bày một hai.
Rằng: trong tác hiệp cơ trời,
  hai bên gặp-gỡ một lời kết-giao.
Gặp cơn binh địa ba dào,
  mà dem duyên chị gá vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim,
  cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
Những là rày ước mai ao,
  mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình?
Bây-giờ gương bể (1) lại lành,
  khuôn linh (2) lừa-dảo dã dành có nơi.
Còn duyên may lại còn người,
  còn vầng trăng bạc còn lời nguyền xưa.
Trái mai ba bảy khi vừa, (3)
  dào non sớm liệu xe tơ kịp thì.
Dứt lời nàng mới gạt di,
  sự muôn năm cũ kể chi bây-giờ?
Một lời tuy có ước xưa,
  xét mình dãi gió dầm mưa dã nhiều.
Nói càng hổ-thẹn trăm chiều,
  thì cho ngọn nước thủy triều chảy
Chàng rằng: nói cũng lạ dời,
  dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao?

---

(1) Phá kinh trùng viên, tích *Ngọc-xương* công-chúa với người *Thúc-đại*, trước có nguyền với nhau bẻ tấm kinh ra; sau dâu lại in nhau, lại cho doàn viên với nhau......

(2) Khuôn linh. Trời.

(3) Biểu hữu mai kì thật thất hề, cầu ngã thứ sĩ, dãi kì cát hề, kì thật tam hề, cầu ngã thứ sĩ, dãi kì câm hề (Kinh thi). Khi mai có trái, nhánh thì ba, nhánh thì bảy, chỉ con gái mở quá tuổi lấy chồng, nên hãy còn duyên, phải lấy chồng. Khi ấy *Túy-kiều* ba mươi tuổi.



Rở-ràng đủ mặt một nhà, xuân già còn mạnh, huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng hòa hai, nọ chàng *Kim* đó là người ngày xưa.

(Coi trương 1!

Một lời đã trót thâm giao.
  dưới thời có đất, trên cao có trời.
Dầu rằng: vật đổi sao dời, (1)
  tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh.
Duyên kia có phụ chi mình,
  mà toan chia gánh chung tình làm hai?
Nàng rằng: gia-thất duyên hài,
  chút lòng ân-ái ai-ai cũng lòng.
Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
  hoa thơm phong nhị (2) trăng tròn ngậm gương.
Chữ trinh dáng giá ngàn vàng,
  duốc hoa chẳng thẹn vuối chàng mai xưa.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
  ong qua bướm lại dã thừa xấu-xa.
Bấy chầy gió táp mưa sa,
  mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
Còn chi là cái hồng-nhan,
  đã xong thân thể còn toan nỗi nào?
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
  dám đem trần cấu (3) dựa vào bố kinh? (4
Dã hay chàng nặng vì tình,
  trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru?
Từ rày khép cửa phòng thu,
  chẳng tu thì cũng là tu mới là.
Chàng dầu nghĩ đến gần xa,
  đem tình cầm sắt, (5) đổi ra cầm cờ. (6)

---

(1) Tinh di vật hoán.
(2) Nhị. — Nhụy.
(3) Trần cấu. Bụi nhơ.
(4) Bố kinh. Quần bố kinh xoa. — Nghĩa vợ chồng.
(5) Cầm sắt. Đờn cầm đờn sắt. - Vợ chồng. (Cổ sắt cổ cầm, hòa lạc khả dâm).
(6) Cầm cờ. — Cầm ki. — Hòa đờn, đánh cờ. Bạn chơi.

Nói chi kết tóc xe tơ?
  đã buồn cả bụng lại nhơ cả đời!
Chàng rằng: khéo nói nên lời!
  mà trong lẽ, phải có người có ta.
Xưa nay trong đạo đàn-bà,
  chữ trinh kia cũng có ba bảy đường:
Có khi biến, có khi thường,
  có quyền nào phải một đường chấp kinh?
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
  bụi nào cho đục được mình ấy vay?
Trời còn dày có hôm-nay,
  tan sương biết tỏ áng mây giữa trời.
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
  trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
Có điều gì nữa mà ngờ,
  khách qua đường để hững-hờ chàng Tiêu. (1)
Nghe chàng nói đã hết điều,
  hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời khôn lẽ chối lời,
  cúi đầu nàng những vắn dài thở-than.
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
  hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là.
Cùng nhau giao bái (2) một nhà,
  lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi.

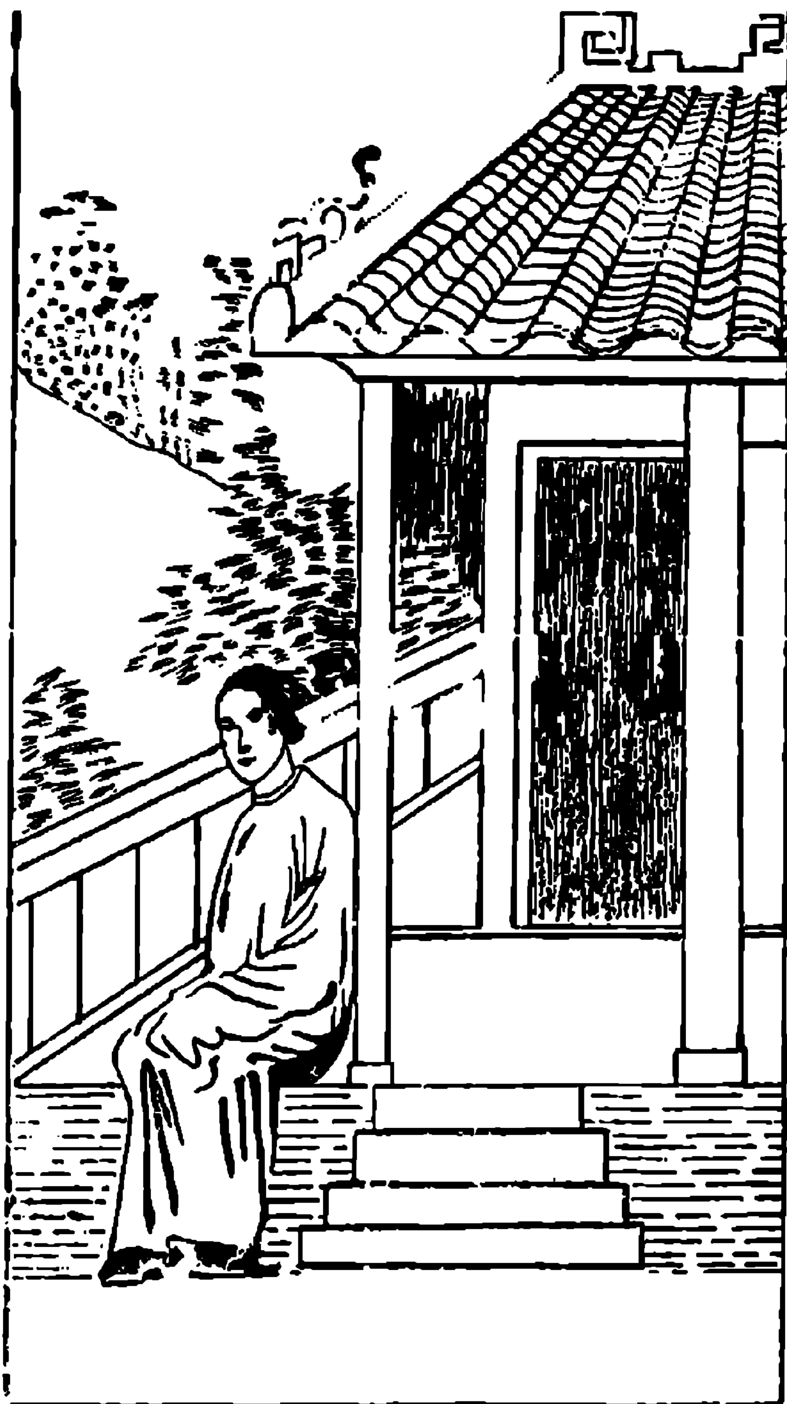
---

(1) Chàng Tiêu. — *Tiêu-sử*, chồng công chúa *Lộng-ngọc* là con gái *Tần-mục-công*, ở trên lầu hay thổi cái tiêu, *Tiêu-sử* là tiên, nghe, ở trên trời bay xuống hòa cây tiêu thành vợ chồng với nhau; đến sau cả hai lấy phép tiên bay biến đi mất.

(2) Giao bái. — Lạy lộn nhau.

Động phòng dìu-dặt chén mồi, (1)
bâng-khuâng duyên mới ngậm-ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó đào thơ,
mười lăm năm mới bây-giờ là đây!
Tình duyên ấy, hiệp tan này!
bi hoan mấy nỗi đêm nay trăng cao.
Canh khuya bức gấm xủ thao,
dưới đèn tỏ nghĩa, má đào thêm xuân.
Tình-nhân lại gặp tình-nhân,
hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình.
Nàng rằng: phận thiếp đã đành,
có làm chi nữa cái mình bỏ đi.
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
chịu lòng gọi có xướng tùy mảy-may. (2)
Riêng lòng đã thẹn lắm thay!
cũng đà mặt dạn mày dày khó coi.
Những như âu-yếm (3) vòng ngoài,
còn toan mở mặt với người cho qua
Lại như những thói người-ta,
vét hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
Cũng ra dở nhuốc bày trò,
còn tình đâu nữa mà thù đấy thôi,
Người yêu, ta xấu với người.
yêu nhau thôi lại bằng mười phụ nhau.
Cửa-nhà dẫu tính về sau,
thì đã em đó, lựa cần chị đây?
Chữ trinh còn một chút này,
chẳng cầm cho vững lại giày cho tan.

(1) — Đắc nhau lại, giao bôi hiệp cẩn.
(2) Mảy-may. — Chút đỉnh.
(3) Âu-yếm. — Ấp-yêu, triều-mến.



Sư đà hái thuốc phương xa, mây bay hạc lánh biết là tìm đâu ?
Nặng vì chút nghĩa xưa nay, lên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

(Coi trương 202).

Còn nhiều ân-ái chan-chan,
hay chi vậy cái hoa tàn mà chơi?
Chàng rằng: gắn-vó một lời,
bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau?
Xót người lưu-lạc bấy lâu!
tưởng thề-thốt nặng những đau-đớn nhiều.
Thương nhau sanh tử đã liều,
đưa nhau còn thiếu bấy nhiêu là tình.
Vườn xuân tơ liễu còn xanh,
nghĩ chưa chưa thoát khỏi vành ái ân,
Gương trong chẳng chút bụi trần.
một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.
Bấy lâu đáy biển mò kim,
đã nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa.
Ai ngờ lại hiệp một nhà,
lựa là chăn gối mới ra sắt cầm?
Nghe lời sửa áo cài trâm,
khấu đầu lạy trước cao thâm ngàn trùng,
Thân tàn gạn đục khơi (1) trong,
là nhờ quân-tử khác lòng người-ta.
Mấy lời tâm-phúc ruột-rà.
tương-tri nghĩa ấy mới là tương-tri.
Chở-che ràng-buộc thiếu gì?
trăm năm danh tiết cũng về đêm nay.
Cùng nhau tay lại cầm tay,
càng yêu vì nết càng say vì tình.
Thêm nồng giá nỗi hương bình,
cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan.
Tình xưa lai-láng khôn hàn,
thung-dung lại hỏi ngón đàn ngày xưa?

---

(1) Khơi. Lòng.

Nàng rằng: vì mấy đường tơ,
  dắm người cho đến bây-giờ mới thôi.
Ăn-năn thì sự đã rồi,
  nể lòng người cũ vâng lời một phen.
Phím dờn dìu-dặt tay tiên,
  bổng trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.
Khúc dâu dầm-ấm dương hòa,
  ấy là Hồ-điệp hay là Trang-sanh. 1)
Khúc dâu êm-ái xuân tình,
  ấy hồn Thục-đế (2) hay mình đỗ-quyên.
Trong sao châu nhỏ gành quyên,
  ấm sao hột ngọc Lam-điền mới đông.
Lọt tai nghe suốt oăm cung,
  tiếng nào là chẳng não-nùng xôn-xao?
Chàng rằng: nhấn ấy tay nào,
  xưa sao sầu-thảm nay sao vui-vầy?
Thương vui bởi tại lòng nầy,
  hay là khổ tận, đến ngày cam lai?
Nàng rằng: vì chút hay chơi,
  đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
Một phen tri-kỷ cùng nhau,
  cuốn dây từ ấy về sau cũng chừa.

---

(1) Tích ông *Trang-sanh*. (*Trang-châu* mộng thân hóa vi hồ điệp tình viết, bất tri *Trang-châu* hóa hồ điệp dã, hồ điệp hóa *Trang-châu* dã ?) Ông chiêm-bao thấy mình hóa ra con bướm-bướm, đến khi thức-dậy mới nói rằng: phải là tôi hóa ra con bướm-bướm hay là con bướm-bướm hóa ra tôi chăng. không biết chắc.

(2)—Tích *Thục-vọng-đế*, nhường nước cho anh trưởng tên là *Tử-chi*, sau nó làm ngặt phát lương cho mà ăn, lất-tưởi, mới tiếc mà hóa ra con quốc.....

Truyện-trò chưa cạn tóc-tơ,
  gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói cùng,
  một nhà ai cũng lạ-lùng khen sao.
Cho hay thục-nữ chí cao,
  phải người sớm mận tối đào như ai? (1)
Hai tình vẹn-vẽ và hai,
  chẳng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu lúc cuộc-cờ,
  khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sanh đã phỉ mười nguyền,
  duyên đôi-lứa cũng là duyên bạn-bầy.

Am tự lập xong rồi, cho đi tìm rước bà Giác-Duyên thì đã mất đi bao giờ biệt tin biệt tích.

Nhớ lời lập một am mây,
  khiến người thân-thích rước thầy *Giác-Duyên*.
Đến nơi đóng cửa gài then,
  rêu trùm trên ngạch, cỏ lên mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa, (2)
  mây bay hạc lánh biết là tìm đâu.?
Nàng vì chút nghĩa xưa sau,
  lên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phước lộc gồm hai,
  thiên niên vặc-vặc quan giai lần-lần.
Thừa gia chẳng hết nàng *Vân*,
  một cây kiều mộc, một sân quế hòe. (3)

---

(1) Kẻ đa tình

(2) Hái thuốc. (Nhập sơn thể dược) Tiếng nói về thầy chùa đi khỏi thì kêu là đi lên non hái thuốc

(3) — Dễ được nhiều con trai.

Phong-lưu phú-quới ai bì?
  vườn xuân một cửa để bia muôn dời.
Gẫm hay muôn sự tại trời,
  trời kia dã bắt lám người có thân.
Bắt phong-trần phải phong-trần,
  cho thanh cao mới được phần thanh cao.
Có dâu thiên vị người nào?
  chữ tài chữ mạng dồi-dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài?
  chữ tài liền vuối chữ tai một vần.
Dã mang lấy nghiệp vào thân,
  cũng dừng trách lẫn trời gần chẳng xa.
Thện hớn tũng tại lòng ta,
  chữ tâm kia mới bắng ba chữ tài.
Lời quê lặt-lượm dòng-dài,
  mua vui cũng được một vài trống canh.

KIM, VÂN, KIỀU, TRUYỆN.

CHUNG



KIM, VÂN, KIỀU PHÚ

Điển Minh triều đời vua Gia-tĩnh,
Có hai người con gái họ *Vương*
Thúy-Vân vốn nở-nang dầy dặn,
Thúy-Kiều thêm sắc sảo khôn-ngoan
Nước tóc đuột-đuột mây cũng kém,
Màu da phới-phới tuyết nên nhường.
Kim hay cả tài tình thi họa.
Lại lão thông kinh sử văn chương.
Tiết thanh minh đi viếng mả *Đạm-tiên*,
Đấng thục nữ vã cùng loài hào kiệt.
Khi bán dạ há phân cung cầm nguyệt.
Kết *Châu trần* giao ước với *Kim-lang*.
Ba sanh gắn-vó lửa hương.
Duyên kỳ ngộ chỉ vừng trăng bạc.
Muôn kiếp hẹn-hò ân ái,
Lời non sông khi tạc kim hoàn.
Ngọc thỗ, tày thành còn dông nữa,
Kim ô, dòng bích chửa treo gương.
Ông *Nguyệt* xe ra duyên ngũ dạ.
Đạm-Tiên buộc lại số đoạn trường.
Nguyền ước chén thề lời chửa cạn,
Liễu-dương thơ nhạn đã đem sang.
Người lánh trong màng, xiết bao tình thảm-thiết !
Kẻ ra chớ cửa, khôn xiết nỗi thở-than !
Nghĩa cả tỏ lời trong thơ nhạn.

Tình sâu giã gót chốn phòng hương.
Tay cầm tay, gan vàng ngao-ngán,
Mặt trông mặt, nước-mắt ngỗn-ngang.
Thiếp thẳm chàng ba dòng dầu dãi,
Chàng thương thiếp muôn nỗi cưu-mang.
Ai khéo trêu duyên thiếp?
Ai mà khuấy số chàng?
Người về phòng, vò tơ chín khúc,
Kẻ gác an, lã-chã đôi hàng.
Nào ngờ gia-sự đa đoan,
Còn tưởng hiếu-tình dói lẽ.
Đứa bán tơ một tiếng nói càn,
Ông Viên-ngoại trăm đàng rầu-rĩ.
Gan vàng đang đóm lửa đốt nồng,
Lằng xanh lại bẻ-bai mọi lẽ.
Dạ ái thơ còn nong-nả bồi-hồi,
Phường có trắng khéo dỗ-dành thỏ thẻ.
Dâng thơ chuộc tội, *Hớn* thuở xưa có ả *Đề-oanh*,
Bán mình chuộc cha, *Tần* ngày nọ có nàng *Lý-thị*
Đạo nhân sinh lấy hiếu làm dây,
Sẵn vàng bạc việc chi cũng dễ?
Cung phi thị ngự, con sa cơ khôn giữ giá làm sao.
Công chúa cấm cung, khi ngộ biến phải lấy mình làm nhẹ.

Vẹn tuyền chín chữ, chuộc tội cha đây.

Thiếp bán mình nhắn lại một hai lời.
Trả nghĩa nặng cậy em thay chị.
Một nhà mong-mỏi việc thung-dung,
Muôn dặm dầu xa-xuôi không nghĩ.
Vì dầu *Kiều* tử tiết suối vàng,
Đỗ-hiền, *Chung-công* ra sức vị.
Tục điều có trắng sợ miệng trai,

Ngạn-ngữ ruồi xanh kinh cái vì.
Viên-ngoại từ thong-thả về nhà,
Nàng *Kiều* dã thẳng giong vó kí.
Đường trường thiên lý, ra tay chung mấy sức anh
hùng.
Nguyệt các năm canh, quyết chí dọ cùng gan tráng-sĩ.
Trong dinh ra sức tướng-quân oai,
Ngoài trướng những mè thiên-tử khí.

Tới đến đây :
Lầu xanh trướng súy, vách trắng tranh treo,
Nửa tình nửa cảnh, như dập như dìu.
Tâm thước doan-trang, dầy-dặn tơ thăng long qui bối.
Hình-dong thục nữ, tốt tươi như duyên trước thang
treo.
Lúc chén rượu, lúc cuộc cờ,
Tống-ngọc Trường khanh nặng nặng suốt đêm dua
cười-cợt.
Khi câu thơ, khi nét vẽ,
Vương-tôn qui-khách thường thường dấy thắng trận
tiêu hao.
Khoan-thai khi nói khi cười,
Gió dông xui ong rời bướm rã.
Thong-thả lời ăn lẽ ở,
Sóng khuynh thành quán dổ dinh xiêu.
Quốc-sĩ nhắm vào con-mắt chói,
Hồng-nhan trông thấy mặt xanh rì.
Bốn phương nào thấy ai xem bói,
Tám biển nào nghe tiếng khánh kêu?
Thầy tăng giã Phật về ăn mặn,
Thầy bói mượn người dắc-díu nhau.
Quan-thị lạ triều về uống thuốc,
Hòa-thượng cao tăng dề chẳng siêu.

Dường dọc dường ngang, người rập-rờn,
Táo-tán cao kỉ, giá càng cao.

Chê những buổi

Lúc cùng chẳng có, cơn túng phải liều.
Trinh-bạch chốn lầu xanh có tiếng.
Tài hoa nhiều bác địa đã treo.
Chẳng giữ giá mà chờ vương bá,
Không cầm lòng mà đợi khách triều.
E hoa nguyệt từ trinh-bạch,
Rã cánh hoa cho bướm dấu-yêu.
Để gương kẻ dớn bá bắt-chước.
Làm lối cho thục-nữ soi theo.

Song xem đến:

Dẫu đuôi các tích, sau trước mọi điều,
Tình không nên trách, lẽ cũng khá yêu.
Một mình vì nước vì tình, hiếu tình đã vẹn.
Hai lẽ trả ân trả oán, ân oán chửa tiêu.
Lâm-tri, *Vô-tích* thảm-thương, thế bèn phải khuất.
Vãi-mụ, *Bạc-sinh* lừa-dảo, cơn túng phải liều.
Nghĩ mấy câu thâu mộng hẹn-hò,
Số bồ liễu nợ trần chưa trả.
Liều cho nhám má hồng mòn-mỏi,
Mười lăm năm thấm-thoát có là bao?
Lầu xanh hay mấy mặt làng chơi,
Chẳng sá những muông cầm cùng loài thú.
Cửa thập nhị bảng, tay pháp giải,
Dẫu là chẳng tháng *Thuấn* với ngày *Nghiêu*.

Tới khi gặp đức đại vương,
Mười vị tướng quân xe đón rước,
Gặp lúc lên xe hoàng-hậu,
Cung nga thể nữ lại tiên-thiều
Tướng sĩ khấu đầu, văn võ bá quan vâng lệnh chỉ
Nam thành nổi trống, tinh binh mười vạn mở cờ đào.
Thật là văn võ lược thao,
Trăm trận người nghiêng trời một góc.
Chẳng thiếu bá vương cô quả,
Năm năm hùng-cứ cõi đông giao
Hãm trận bạt thành, những sức anh-hùng nào dám dọ?
Dai cơm bầu nước, những loài tiểu loại có xem sao?
Cậy sức uy-linh, phận gái ra tay làm sấm sét.
Sẵn-sàng tướng-sĩ, ba quân vâng lệnh chỉ cờ mao,
Võ-tích áp vào nơi các lĩa,
Làm-tri thẳng tới chốn lầu cao
Trong quân mở bức trướng hùm.
Giáp mặt mới dắc *Sư* lên ngồi giữa,
Thủ hạ rút gươm cắp mọc,
Mở cửa ra cho tướng nạp tù vào.
Ơn xưa *Sư-trưởng*, *Thúc-sanh*,
Vàng ngàn lượng tạ ơn trả nghĩa.
Oán nọ làng chơi kẻ cướp.
Nhọc ba quân mòn đá mài dao.
Nghĩa cả tình còn ghi bén dạ.
Biển oan sóng đã dặng như xao.
Còn mong trả nghĩa cù lao, ra oai anh chúa.
Tin *Hồ-công* bày chước về hàng,
Vì việc nước mà mang tiếng phụ.
Sông *Tiền-đường* sóng biếc mấy lần sâu?
Người trinh tiết danh lưu thiên cổ.
Nàng *Đạm-tiên* đứng ván giá vỏ, đón rước bên sông.
Sông *Tiền-đường* cải tử hoàn sinh, nhớ tay ngư phủ.

Giác-duyên nhớ ngãn vàng ngãi cũ,
Rước nàng về ở cảnh thanh-nhàn.
Chàng *Kim* nghe thế giặc đã tan,
Ruổi xe tới *Tiền-đường* mới tỏ.
Bên giang đắp mả, nghe tin còn trăm nỗi hồ-nghi.
Cửa Phật thấy nàng,phân một giây muôn phần vui-vẻ.
Miếng đỉnh chung chung đều vinh-hiển.
Ai ngờ loan phụng lại hiệp hòa như cũ.

KIM, VÂN, KIỀU PHÚ

CHUNG



TÚY-KIỀU THI TẬP

1. TÚY-KIỀU VỊNH TÍCH.

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,
Phong hoa chưa trắng nợ hồng-nhan,
Lòng tơ còn vướng chàng Kim-trọng.
Gót ngọc không thanh chốn thủy quan,
Nửa giấc đoạn trường tan gối điệp,
Một dây bạc mạng giứt cầm loan,
Cho hay những kẻ tài-tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế-gian.

DỰ THANH MINH.

Vừa tiết xuân sang liễu xũ mành,
Dập-dìu ai cũng hội thanh-minh,
Tro tàn lẫn-quẩn đàng xe-ngựa,
Gió đồng xa gần nức yến-anh,
Nấm đất thương đau người chín suối,
Bên cầu gặp-gở khách ba sanh,
Tình kia kiểng nọ càng lai-láng,
Khi trở gót hài bóng đã chênh.

NGỘ KIM-TRỌNG.

Trong tiết thanh-minh hội dập-dìu,
Tình-cờ gây dựng truyện Kim Kiều,
Lạc vàng trỗi tiếng cương dừng lại,
Cây ngọc xa chừng mắt ghé theo,

Đoạn thắm chưa người thơ mả vắn.
Cơn buồn như giục cảnh trời chiều.
Mối tơ rối-rắm vương từ đấy.
Tài bấy nhiêu tình cũng bấy nhiêu.

4. TƯƠNG-TƯ

Bóng trăng hé-hé giọi bên lầu.
Ngồi với trăng mà ngỡ những đâu.
Trăm mối vò tơ lần gỡ khắc.
Một mình nương gối trót canh thâu,
Ba sanh âu hẳn còn vương nợ.
Tấc dạ nay khôn dập mối sầu.
Mới biết tương-tư là thể ấy.
Cho hay chớ trách kẻ ôm cầu.

MỘNG ĐẠM-TIÊN

Trước loan nương gối giấc vừa êm.
Chợt thấy người đâu độ thiếu niên.
Tha-thướt phô màu in vóc tố,
Thanh tân dạng dấu chốn đào nguyên.
Giấc tan gối điệp bâng-khuâng những.
Sầu vẫn canh gà chất-chứa nên.
Còn nghĩ chưa xong duyên phận ấy.
Bóng trăng đâu đã xế ngoài hiên.

6. HOA VIÊN NGỘ.

Thơ-thẩn vườn xuân dạo gót chơi.
Thướt-tha bóng liễu buổi êm trời.
Trên đào dương mỏ hoa cười gió,
Góc núi xa nghe khách ướm lời.

Ngơ-ngẩn hương e cùng phấn lệ.
Mơ-màng lá rụng với hoa rơi.
Một rằng duyên phận hai rằng nợ,
Mây nước lòng người dễ chắc thôi ?

KIỀU VĂNG TRỌNG HIÊN

Những là rày gió với mai mưa,
Lần-lựa nên mang tiếng hằng-hờ.
Cam tệ bấy lâu tin nhạn vắng,
Nên giờ gọi chút lạ tình xưa.
Lời thề vững một niềm son-sắt.
Vừng nguyệt soi chung dạ tóc-tơ.
Sông dải non mai duyên vẫn thắm,
Tuyết-sương kẻo chẳng vẹn công chờ.

8. TỐNG TRỌNG QUI TANG.

Đau lòng ai lắm hỡi ai ôi
Thệ hải minh sơn đã có rồi.
Mối thảm ngậm-ngùi khi sẽ nữa,
Bước đường ngần-ngại lúc chia đôi.
Tháng ngày đành phận ba thu lụn,
Mưa gió thương người mấy dặm khơi.
Hai chữ đồng tâm cùng tạc đề,
Mặc ai trăng gió dám sai lời.

9. VĂN TỤNG TỪ.

Thương ôi cá thớt biết sao đây !
Bay-bốc ai làm đến nỗi nầy !
Cơ biến khó đem tình hậu bạc.
U-minh khôn bạch nỗi gian ngay.

Bơ-vơ chín khúc tơ tằm rối,
Lã-chã năm canh nước mắt đầy.
Bát-ngát đêm thu chong bóng thỏ.
Nỗi niềm tâm sự có ai hay?

10 THỌ GIÁM-SANH SINH.

Thương hại cùng ai chốc bấy lâu!
Xa-xôi biết có thấu cho nhau?
Phải đam vàng đá ghi lời trước.
Gởi vuối non sông trả nghĩa sau.
Dành phận lưu-ly chi sá quản,
Những người xa cách nghĩ mà đau!
Cũng liều nhắm mắt đưa chơn vậy.
Xem thử xây vần mãi đến đâu?

11 THỊ VÂN DẠI GIẢ

Miệng ngập-ngừng thay dạ xót-xa!
Ai ngờ bình địa nổi phong ba!
Sớm nương gối phụng xe dây-sắt.
Hôm để gương loan thẹn bóng nga.
Thương kẻ quan-sơn khơi dọn bước!
Xót thân bèo-bọt dãi dầu hoa!
Dẫu xưa còn doái lời mây đó,
Như có cho dành kẻ bước ra.

12. DỪ MÀ DÀNG TRINH.

Giấc mộng còn mơ ngãi cố-tri,
Tiếng gà đâu đã giục ra đi.
Trông mây đường vẽ tình lưu-lạc.
Nghe nói như đờn khúc-biệt ly.

Vì biết thân này ra phận thế,
Thì đừng ngày trước nặng nguyền chi?
Còn non còn nước còn trăng đó,
Thì nợ Châu Trần cũng có khi.

13. BIỆT MÃI THANH LÂU TỪ-BA.

Từ ngày xa cách chốn tha hương.
Xót phận lưu ly dãi tuyết sương.
Vẽ mặt những lá dơ dạng phấn,
Châu mày thêm luống thẹn-thùng gương.
Trời ghen chi mãi người tư sắc,
Tên bắt đem vào số đoạn-trường?
Nóng-nỗi đường này ai có biết,
Một mình mình nghĩ lại mình thương!

14. LẦU THƯỢNG ĐỀ SẦU.

Quê người vò-võ biết bao lâu?
Buồn dựa song đào đoái trước sau.
Ngọn nước lênh-đênh quanh trước án,
Đóa hoa xiêu-lạc biết về đâu?
Ngõ phân láng tử ngoài muôn dặm.
Mặt nước chơn mây lẫn một màu?
Phong-cảnh kia ai phong-cảnh ấy?
Cảm tình lưu lạc một đôi câu.

15. TRÚNG SỞ KHANH KẾ.

Nghĩ người tế độ kẻ trầm-luân.
Nên chắc đinh ninh hết nợ trần.
Nương gió không ngờ bay mắc lưới.
Xe dây đâu lại buộc vào chơn!

Hồng liên phải lép cung Tần-tử,
Hoa mấy lần kinh trống chúa xuân ?
Trong cuộc đoạn-trường chưa bước khỏi,
Trời làm nào có trách chi thân ?

16. DỮ THỨC THÀNH HÔN

Trăng gió mà ra cuộc dã vàng,
Lưng-lưng giữ sạch nợ hồng-nhan,
Hạ qua nắng dãi xen màu nhụy,
Xuân đến mưa dày liễu vẽ-vang,
Ngày vắng im-liềm chăn tùy vỗ,
Đêm thanh khoan-nhặc khúc cầm loan,
Tuy trong chưa biết duyên hay nợ,
Mừng trộm cho thân thoát đoạn-tràng.

17. TỐNG THỨC XINH GIA

Đã nặng nguyền xưa với nước non,
Nhưng cơ tạo hóa chửa vuông-tròn.
Quản bao bồ liễu hơi sương tuyết,
Chớ để nàng Dương tủi phấn son,
Một chén riêng đưa muôn dặm thẳng,
Đôi tình như gởi mối sầu tuôn,
Bao giờ người xử tờ xin nhủ ?
Dặm nổi đông phong chớ phụ-phàng ?

18. QUI VÔ-TÍCH TÁC HOA-NÔ.

Gớm mặt hoa xanh những khéo lá !
Ghen-tương theo mãi chẳng tha ra,
Má hồng phải lấp màu son phấn,
Vóc liễu dam vùi chốn cỏ hoa.

Bóng xế tày hiên quỳnh chén cúc.
Xuân tan đông các điểm hương trà.
Đào đà sa ngọc trong vòng ấy,
Gở đặng thì xuân cũng phải già.

19 THỊ THỨC HOÀN ÂM.

Trần-ai kia biết bởi vì đâu?
Dẩu tuổi xuân xanh cũng bạc đầu.
Dọng giọt huỳnh hoa tan giọt lụy,
Lấp cung bạc mạng nổi cung sầu.
Khôn hay lặn-mọc do hàm cá.
Mà biết vuông tròn uốn lưỡi câu.
Ai dầu có thương rằng phận bạc,
Liệu mà xin mở cửa cho nhau.

20. PHẬT CÁC THIỀN KINH.

Trải mấy thu chầy chốn lửa than?
Nâu sồng nay dổi dạng hồng nhan.
Viết kinh-kệ để khuây trần niệm,
Chịu muối dưa qua vuối thế-gian.
Trải tháng ngày vui niềm Phật-lão,
Tình gang tấc mấy độ quan-san.
Thôi thôi nương gối Quan-âm vậy,
Thì nợ phong trần họa có tan.

21. KÍ NGỤ GIÁC-DUYÊN

Mô-phật tình không phụ cố-tri,
Cũng vì cay-đắng phải sanh li.
Câu thơ cú mộc chưa ngâm hết.
Mà dải đồng tâm đã xé đi.

Kiểng quạnh đưa chơn dầu có nhớ,
Am thanh nương bóng họa là khi.
Sa cơ nghĩ bước phong trần trước,
Lại giựt mình thay nỗi bất kì.

NGỘ BẠC HẠNH

Nghĩ kiếp đào hoa cũng lạ đường!
Lành mà lại phải quỉ đem đường.
Đó trời thoát khỏi vươn tơ nguyệt,
Cầu Lữ qua rồi mắc lưới Thang.
Như giống chim lồng trong sẵn gạo,
Dặng con hạc nội chịu không lương.
Cũng nhiều mặt phấn môi son vậy,
Riêng một thân ai sự xiết thương!

23. BẠC-SANH CHUYỀN MÃI THANH LÂU.

Hoa có ghen gì vuối chủ trương?
Mà toan dãi nắng lại dầm sương?
Má hồng lắm lúc trơ màu phấn,
Mặt ngọc nhiều phen thẹn bóng gương.
Mỏi mắt trông mong niềm cố quốc,
Èm chơn lưu-lạc chốn tha hương.
Ê-nề trong bấy nhiêu năm ấy,
Trường đoạn chưa thôi lại đoạn trường.

24. TỪ-HẢI ĐẾ DUYÊN.

Vồng lay còn vướng dạ xót thay!
Mưa gió đâu mà kéo đến ngay?
Cá chậu đam buông dòng nước chảy,
Chim lồng ra khỏi cửa trời bay.

Vẫy-vùng bốn bể bù khi trước.
Ngang-dọc trăm chìn bỏ bấy nay,
Hoa giải xuân về chưa gió lạnh.
Lại tan dấu tuyết cõi chơn mây.

CHÂU-THAI ĐÀI TỪ-CÔNG

Võ-vỏ quê người chốc bấy nay !
Niềm riêng riêng nặng có ai hay ?
Năm canh luống những chiêm-bao vẫn.
Ngàn dặm khôn ngăn chắp cánh bay.
Mấy độ sen tàn màu nắng lợt ?
Đôi phen cúc nhuốm vẻ sương say.
Ba sinh đã biết duyên hay nợ.
Một gánh tương-tư nặng một ngày.

26. THĂNG CÔNG-ĐƯỜNG BÀO ĐẤP.

Nghĩ cơ tạo hóa lạ lùng thay !
Vô-tích sao mà lại có nay !
Dưới trướng phân-minh người bậu bạc.
Trên giường biện-bạch kẻ gian ngay.
Nợ tuy trả đặng, lòng còn tức,
Ơn dẫu đền xong, dạ chẳng khuây.
Nắng nhọc chẳng hiềm trong một phút.
Bận lòng nầy hết kể từ đây.

BẠC TRIỀU HỒ-CÔNG THUYẾT HANG.

Hướng dương bao quản phận hoa quì.
Thì lại riêng đau nổi biệt-ly.
Kể có thân cơ trong sớm liệu.
Cháu về Hiệp-phố họa là khi.

Uốn ba tấc lưỡi bày hơn thiệt,
Chống một thanh gươm rạch thị phi,
Dẫu có oai-linh lừng góc bể,
Bên trời chiếc nhạn có ra chi ?

28. THỐNG KHỐC TỪ-CÔNG.

Trời cao chẳng nhẽ thấu hay chăng,
Bồng-chúc xuôi nên phụ tấm lòng.
Trăm trận oai-danh đèn dưới gió,
Năm năm công nghiệp bọt ngoài sông.
Trần-ai thương-hại người xương trắng,
Non nước bơ-vơ phận má-hồng.
Sự thế ai ngờ đâu hóa bễ.
Thôi thời quyết một thác cho xong.

HẠ GIÁ THỔ-QUAN.

Đã ra nương-dựa mấy cây cao,
Có nhẽ đưa chơn lại bước vào
Mặt ấy hẳn không tơ ấy vướng,
Thân nầy đâu có nợ nầy sao ?
Đã thừa nếm trải mùi cay-đắng.
Còn thiếu chi mà phải ước-ao ?
Ơn ấy âu thì theo hải thượng,
Sống thừa chi để tiếng dời phao ?

30. DẦU TIỀN-ĐƯỜNG GIANG.

Thân mộng từ xưa kể xiết bao ?
Sông Tiền-đường đó hả đâu nào ?
Nói thôi thoát đã lóa gương ngọc,
Thì dập vừa xong bạc má đào.

Tài sắc vươn mang hình tạo-hóa,
Tình tơ khó vẽ trạng thanh-tao.
Trời xanh nỡ phụ xuân xanh ấy,
Có lẽ không đền nghĩa tấc giao ?

31. NGƯ ÔNG CỨU MẠNG.

Mười lăm năm những bước long-đong !
Muốn phụ tình chung phụ há xong ?
Còn vướng tình trong vòng tạo hóa,
Khó đem mình trả nợ non sông.
Bởi đưa chơn lánh miền phi thị,
Lại gởi duyên vào cửa sắc không.
Nên bỏ tấm thân dòng nước chảy,
Không hay thoát khỏi lưới ngư-ông

32. DỮ GIÁC-DUYÊN.

Thân quan dối-lừa vuối gia thân,
Chìm nổi duyên nên nghĩa Tấn Tần,
Tuy có ý như lời cựu ước,
Bao-giờ trả đặng nghĩa giai nhân ?
Bể kia phỏng độ sâu bao nả,
Trời nọ dường như ngất mấy lần.
Vì bằng thân nầy như yến-tử,
Quyết bay cho đến tận sông ngân.

33. KIM TRỌNG LẬP ĐÀN.

Nhờ nước từ-bi để rửa oan,
Gọi là cho thấu nghĩa minh san,
Giọt tuôn hòa lẫn mưa ngàn chảy
Tình gởi đưa theo khói lửa tàn.

Tri qui ra chiều miền thủy-quốc.
Vọng sơn nào thấy cõi nhơn-gian ?
Gọi-là một chút bèn sòng vậy,
Cho kẻ oan hồn họa khỏi oan.

34. DỮ CHƯ THÂN CỌNG HỘI.

May sao may khéo thật là may !
Mười mấy năm trời lại có nay,
Mừng tủi biết bao ân ái cũ ?
Công phu kia bỏ nước non nầy,
Nghĩ rằng phận bạc thôi thì hẳn,
Ai biết duyên còn vướng lại dây ?
Bởi bấy nhiêu lâu nương cảnh tịnh,
Nên nhờ tế độ lại ra tay.

35. TRỌNG DỀ DUYÊN.

Luống những đào dòng với liễu tây.
Mênh-mông trời bể bấy lâu nay,
Ngờ đâu cơ hội đền bồi đó,
Lại có nhơn-duyên gặp gỡ đây ?
Ước cũ hãy còn trăng gió ấy,
Thề xưa chẳng thẹn nước non nầy.
Tỉnh dần giấc mộng huỳnh-lương dậy,
Cái nợ phong trần vỗ trắng tay.

36. GIÁC-DUYÊN DẪN TRỌNG KIẾM KIỀU

Sớm buông rèm gió tối trăng hiên.
Nương gối từ-bi trải mấy phen.

Giồi vẽ nàn sòng pha má đỏ
Dam màu son phấn giả con-đen.
Ruồi dung phách lạc tan niềm tục,
Chuông trống hồn quê tỉnh giấc tiên.
Lánh gót bụi hồng nương cõi phật,
Họa là giũ sạch nợ trần duyên.

TÚY-KIỀU THI TẬP

CHUNG



KIM, VÂN, KIỀU TẬP ÁN

ÔNG NGUYỄN-VĂN-THẮNG

Tham-hiệp tỉnh Thanh-Hóa

HOẠN-THƠ ÁN

Tình-ma nhứt thứ, sâu-sắc nước dời:
Vắng mặt chồng riêng hiệp lũ côn-quang,
Miễn tha cảnh cướp người buông lửa.
Bắt thứ thiếp nhận làm người mẻ thất,
Phen thị tì dập phấn vùi hương.
Thói hồng nhan, không mua lấy dễ-dàng.
Tiếng nghiệt-phụ, đã nên rằng độc địa.
Trên tiệc để ai cười nước mắt,
Còn là tiệc rượu, lại còn nỗi thuyền quyên.
Bên phòng xui kẻ khóc chiêm bao,
Còn bể tờ cung, lại còn tra nét mặt.
Tình đã phân-minh, lẽ không hồi hộ.
Tuy ghen-ghét là phụ nhơn chi thường thói,
Phép thường xét đến cũng không dung.
Mà trộm cướp là quốc điền chi nghiêm hình,
Phận gái làm quân không lẽ thứ.
Gẫm đến tình-hình thánh khả ố,
So vào tội trạng bất ưng khinh.
Song mà còn chút khá ngờ,
Vậy phải cho nên chưa quyết.

Quan-âm-các thuở nhãn tiền hiện-hoạch.
Dâm đắc tích, mà thác tự vô tri.
Chiêu-ẩn-am khi gia vật khả bằng,
Đạo đắc tang, cũng tri chi bất vấn.
Ý *Hoạn-thị* tình đường xem cũng khá.
Vì *Thúc-sanh* vụng xử hóa xui nên.
Vã *Hoạn-thơ* còn dãi án vô nghì,
Chẳng kẻo mẹ nong con là thế.
Thương *Thúc-mỗ* chưa an dàng kế hậu,
Hãy cho chồng lãnh vợ đem về.

THÚC-SANH ÁN.

Bặt nói tủ mỡ, quen thói bối-rối.
Việc tày trời bưng-bít giấu trong bình,
Úp lòng kín giấu voi ruộng rạ.
Kiến gió dất quanh co bỏ miệng chén,
Cản tâm dư những thói trẻ ranh.
Tội khi-man đem buộc lấy vào mình.
Lời định chúc chẳng dám thò ra miệng.
Tiệc giải cẫn muốn dầy hàng khoan nhặt.
Bó tay vào đều cung tửu giấu quanh.
Các viết kinh khi rơi lụy ngắn dài.
Cắn răng lại chước tại dào phất điều.
Cũng mang tiếng là tuồng quân-tử.
Làm ô danh đến bạn đàn-bà.
Dưới gối cha làm tuồng dỡ bài-bay.
Lời si ngốc đã dơ trong danh-giáo.
Trước mặt vợ, sợ quen trưng mắt tráo.
Lúc lụy rơi thêm dại cả hình-thù.
Đã thất cơ mà thua trí đàn-bà.

Sao tự thủ chẳng hết lòng chị nó?
Xét trong lẽ sinh vi nam tử,
Oai khổn nội kia nghiêm đường phủ doãn.
Xem thể diện có còn ai đến thế,
Tội quá như ưng định nghĩ mãn xuy.
Thương vì tình tố thị hương nhân,
Quyền tại gia là trũng tể thiên quan.
Ấy tư cơ cũng vì nó mà nên,
Thế sở bức hãy cô dung nhất thứ.
Còn như gấm trăm cuốn, bạc ngàn cân.
Tuy *Thúc-mỗ* chẳng công chi nên thưởng,
Song *Kiều-nhi* có bụng ấy cũng cho.

TỪ-HẢI ÁN.

Thao lược đủ tài, côn quyền hơn sức.
Giơ tay trắng gọi anh-hùng bốn bể,
Thét lưỡi gươm cất muôn đội tì hưu.
Thổi đất bằng rầm sóng gió một phương,
Đá chơn ngựa xô năm tòa thành-quách.
Thế hoanh-liệt quanh sông nhảy núi.
Sức tung-hoành lở đất long trời.
Cảm một lời tri kỉ, giữa trần ai.
Đem vinh hiển vẽ tươi màn phấn đại
Nghe mấy truyện bất bình, phen lưu-lạc,
Ra oai-linh rửa sạch hận thuyền quyên,
Trong năm năm vùng-vẫy nghiệp bá vương,
Dư trăm trận ra vào tài trí dõng.
Lời trong trướng gẫm thị phi hữu lý,

Động lương tâm thương trăm họ vò cò.
Lệnh dưới cờ truyền bộ khúc chỉnh nghi,
Giải binh bính quyết một bề qui thuận.
Ý khinh tin sơ phòng cũng phải,
Rằng dẫm tình ngộ sự thời oan.
Trước thiên tãi, tưởng cơ đồ còn tiếc nhớ,
Kia nhứt thì tuy thành bại cũng anh-hùng.
Thôi hãy về tạm quản lấy ôn binh.
Rồi sẽ nghĩ tấu cho làm thống tướng.

TÚY-KIỀU ÁN.

Hiếu tình có một tài sắc gồm hai
Hoa ghen thắm, liễu hờn xanh,
Ngọc trắng gương trong nền quốc sắc.
Cá mê vần, chim dắm khúc,
Non cao nước chảy bậc thương cung.
Giá thuyền quyên dã dáng chứa nhà vàng,
Sức tài nữ cũng nên trao thước ngọc.
Tranh thủy mạc bốn câu ba vận,
Khách chung tình rối ruột động niềm tây.
Thơ đoạn trường một vẽ mười bài,
Bạn tri kỷ giật mình nhường dãi nhất.
Kiếp má phấn tới khi rơi phận bạc,
Tấm lòng son không chút thẹn vầng hồng.
Trở thịt xương thề trả đức sinh thành,
Nhắm mắt đưa chơn theo máy tạo.
Qua dâu bể dám ăn lời ước hẹn ?
Trao tơ chắp chỉ cậy tay em.
Phận bèo mây sá quản áng phong trần.
Vừng trăng gió chẳng phải lòng thiết thạch.

Lời thần mộng gẫm xô-bồ chửa hết,
Cõi *Lâm-tri* đành ngọc nát vàng tan.
Nỗi thơ hương vì dan-dìn dã lâu,
Miền *Vô-tích* chịu da chi tóc rối.
Cung khốc tố giải doàn cứu oán,
Tờ thán cung động tấm từ bi.
Các viết kinh bấm bụng nỏi sầu riêng,
Cam khất nhục bỡi chưa lời từ-tạ.
Đem tà nguyệt băng minh pha lối lạ,
Mắc bô dáo vì gớm chước hiểm-sâu.
Cùng đàng mang nặng ngãi vời *Sư-già*.
Túng đất phải chìu lòng cùng *Vãi-bạc*.
Trải mấy lượt chăn-chường tráng phong nguyệt,
Buôn đi bán lại thiếu chi nơi?
Trong năm năm giật mượn sức anh-hùng,
Oán trả ơn đền rành các tích.
Tủi danh-phận xui nên lưu-lạc,
So tài tình xem cũng phân minh.
Thuở khuyến háng mầng tưởng việc như lời,
Thương muôn họ dàn lành deo tiếng bạc.
Cơn khánh hạ bỗng thấy người lật mặt,
Đem ngàn vàng thản nặng giấu sông *Tiền*.
Hội doạn trường mong thật hẹn tương tri,
Thuyền bát-nhã may nhờ tay cứu khổ.
Sum-hiệp thỏa một nhà như trước,
Ơn chàng *Kim* cho lấy hiến làm trinh.
Vẻ-vang mầng hai họ hơn xưa.
Tủi phận bạc dám soi hoa với duốc?
Xét sau trước dủ nhân trinh hiếu nghĩa,
Thương lâu nay lầm tuyết nguyệt phong hoa.
Ấy, tình tùng hiếu xuất, sự thuộc vô can.
Kịp truyền hội chủ rút lên ra,

Hãy kiếp ấy quyền nghi mạng phụ.
Vã tội chuẩn công sai, lý ưng gia thưởng.
Hiệp sức nguyệt ông xe chỉ lại,
Để thân sau chánh phẩm phu nhân.

TÚY-VÂN ÁN.

Tuyết nhường màu da, mây thua nước tóc.
Sắc chẳng kém mười phần trọn-vẹn,
Duyên lại thêm bốn bể gồm no.
Nặng vì cha chịu dựng lấy tơ-bồi.
Tơ-tóc ngập-ngừng dường biết thẹn.
Thương đến chị đền-bồi cùng non nước.
Hiền-vinh gặp-gở há rằng cầu?
Nết đoan trang xem phải khổ nữ trung.
Khuôn dầy-dặn đủ vào đồ tướng pháp.
Xét đến thuở phụ tử li mại,
Cơn khống-tống dám hít-ha là thế.
Chữ vô tâm coi thấy cũng nên dường.
Xem chưng khi phu ấm thê vinh.
Nhẽ kinh quyền khéo nhường nhẫn đến đều.
Đường xử kỷ cũng là đã đáng thưởng.
Công tội bình phán, án đoạn trường miễn nghị.
Nết-na phải thói, ngôi mạng phụ gia vinh

KIM-TRỌNG ÁN.

Dòng-dõi trâm-anh, văn chương đài-các.
Bực tài danh nên phước hậu.
Mối hồng lâu, duyên tú các thiếu chi?
Trong phong nhã ngoài hào hoa,

Sân ngọc-bội, phướng kim-môn dễ mấy ?
Xem dai dất dã vào dòng cụ thể.
Gẫm phong quang chưa ra vẻ lão thành.
Kẻ tấn thân mà quen thói dông-dài.
Mượn bước tầm phương do sắc nước.
Khách hàn mặc khéo dơ tuồng ve chuốt.
Thuê hiền *Lâm-tùy* ướm tơ dào.
Chữ phất cần, dà lỗi với gia dình.
Đường phi thể, lại phạm vào công luận.
Xem buổi mới dã nái hoa ép liễu,
Nỗi trăng gió chẳng nể lòng doan chính
Án diều gian, chẳng lựa phải tra.
Gẫm khi nén còn gạn phấn tưởng hương.
Giá bếp buồng nghe thoảng tiếng thị phi.
Luật thất tự, hiện tồn khả cứ.
Xét hữu lộc cố nhứt niên sung dịch.
Niệm da tình có nhứt thứ tùng khinh.
Vã thương chàng, nhân ngãi dù dều, thủy chung một mực.
Gẫn-vó nặng cùng lới non nước.
Nuôi hai thân thay mặt khách tình chung.
Dặn-dó hồi lại lúc phân-ly,
Nối sợi chỉ dến lòng người mạng bạc,
Chén nguyện chứa-chan dòng nước-mắt,
Gối tình vơ-vẩn giấc chiêm bao.
Mười mấy thu phong mở quạt hoa,
Những lá thắm lấp sầu xây,
Nhìn khăn chầm mơ-màng lới sơn hải.
Ngoài ngàn dặm dồi thay sứ nhạn,
Sá quản của thuê công mướn.
Gẫm dỉnh chung dau-dớn nỗi bình-bồng.
Áng phong trần nhìn thấy mặt mới cam,
Duyên thi tửu phải chìu lòng cho trọn.

Ấy tám đức cũng là tuồng quân-tử,
Tình nên thương mà đắc cách cũng ơn.
Vã văn chương đã đáng bực cao danh,
Tài cũng tiếc xả khí hả trạc dụng.

———

DẠM-TIÊN ÂN

Giả nỗi một đời, tiếng bay bốn bể.
Hương một nén cũng cảm lòng tri ngộ.
Mơ-màng hồn quế tỉnh dướng mé.
Thơ mười đem thử sức sơ giao,
Ngần-ngại chơn giày đi lại đứng.
Nên tài sắc đã mỉa chiu quyền quới,
Miền phong hoa mà thấy dạ thủy chung.
Chốn thanh lâu đem túc trái bảo thâm,
Một lời trót đã hẹn-hò.
Nào tiếc sức ngoài mười năm chong bóng ?
Áng minh phủ thuở tiền khiên phò trắng,
Hai ngã dầu khôn dan-díu,
Cũng có công chớ ngàn dặm đưa tin.
Nghiệm giao tình trọn-vẹn nên thương,
Xét nghiệp chướng dọa-dày cũng xót.
Phạt một lễ hững-hờ cùng viễn khách,
Phụ chăng phụ, do nghi ư lý,
Vậy thân nầy quyền ủy nguyệt hoa thần.
Như những đền vất-vả với tri âm,
Tình nên tình diệc túc vi công.
Chớ kiếp khác gia phong cung các nữ.

VƯƠNG-VIÊN-NGOẠI ÁN.

Thương tình tuổi-tác, giữ phận hiền-lành.
Kẻ vô tri láy vạ gió khôn kêu,
Khiếp dạ dã đến đều khánh kiệt.
Cơn hữu sự gặp túi tham còn nhẹ,
Cùng dàng cho nên nỗi biệt-ly.
Tuy ngày sau đà màng phận rể-con,
Nhưng oán ấy cũng nên gia phú qui.

VƯƠNG-QUAN ÁN

Quả người lương thiện, thiệt dạ thủy chung :
Chốn tụng đình giục *Chung* lão sở mưu,
Hết tư sản cũng không lòng oán hận.
Phen hoàng bảng lấy kim gia làm bạn,
Kết hôn nhơn cho trọn nghĩa thủy chung.
Xét tên nầy tuy cạnh góc chửa tròn,
Soi dạ ấy cũng nên gia phước lộc.

THỨC-CHÁNH-ÔNG ÁN

Khéo dường buôn-bán, vụng nỗi ở-ăn,
Bề khuyên răn không sớm thuở còn thơ,
Miền háng chợ để hư thân lêu-lổng.
Duyên gặp-gỡ tới khi tình đã nặng,
Chốn quan tư đem lại việc quáng-xuyên.
Sao chẳng suy kiện cáo ích gì.

Mà nở để tiếng-tăm là thế ?
Xét đến lẽ xử gia giáo tử,
Tội bất nghiêm ưng định trượng tám mươi.
Thương vì tình chất phát niên cao,
Luật chuẩn thục hứa nạp ngân tứ lượng.

———

TỀ TRI PHỦ ÁN

Lòng gương minh-mẫn, mặt sắt doan-trang.
Thấy lá đơn *Thúc-lão* đã dơ tuồng.
Phụ khống tử tới quan không lẽ bắt
Tra đến mặt *Thúc sinh* mà phá lẽ.
Công chế tư mở lý thảo bài hòa.
Gẫm ngôn từ đáng thể lượng đại thần,
Xét khóa tích gia phẩm-trật ngự sữ.

———

ĐỒ LÃO LẠI ÁN

Nhờ dai nhứt thứ, nói khéo dầu dây !
Ngoài phố-phường sự-tích đã mười năm,
Nhỏ nhặt tóc-tơ tình chẳng lần.
Trước quan lại ngôn từ thông một mạch,
Đầu đuôi phải chẳng truyện như in.
Xét tên nầy chừng đã cao niên,
Xem tài khi cũng nên đại dụng.
Trộm nghĩ người làm báu nước.
Gẫm tên nầy nên hộ vụ thi tài.
Trông lịnh trên thánh mở khoa dời.
Chuẩn khoản ấy hạ lại táo tham nghị.

HOÀN A GIA ÁN.

Tính hạnh ngay lành, nết na nhẹ-nhuyễn.
Tình con mắt biết kẻ khinh người trọng,
Lời hiếu sinh tướng kẻ tóc chơn tơ.
Rộng lòng thương khi thang thuốc chén trà,
Đều phương tiện dặm dường ăn nỗi ở.
Nay tiền thưởng ngàn vàng âu cũng phải,
Chờ tái sanh ngũ phước sẽ phê cho.

GIÁC-DUYÊN ÁN.

Nhơn nghĩa đủ đường, tu hành phải đạo !
Lời đàn việt hở ra nghe cũng gớm,
Cửa từ-bi lừa lối gởi ân tình.
Số tiền cung dẫn lại thấy mà mầng,
Thuyền tế độ giăng sông chờ phước đức.
Ơn nghĩa ấy trả ngàn vàng cũng phải,
Công quả kia ngồi thập điện cũng nên.

THẲNG BÁN-TƠ ÁN.

Giả danh thương mãi, vốn đẳng côn-quang.
Thú giang hồ quen lệ đó đây,
Soát hộ tịch đã toàn vô danh quán.
Miền thôn dã nảy nghề buôn-chuốt,
Dáo quan tư đả cụ thổ tình-hình.
Tội trạng hiển nhiên, gian tang cụ lại.

Thấy viên ngoại ngu tình khả hách.
Trong nhà trông áng dỉ làm ăn.
Nghe nha môn liệt chừng tiêu rơi.
Vào phép dua nhau cùng kiếm chác.
Ấy dáo án dã cung chiêu bất húy.
Mà cư tù còn hãm-hại vô cô.
Chiếu cướng phạm dắc tài luật khoa hình.
Giao cai hạt áp pháp trướng kiêu trầm.

DỀ LẠI CHƯNG ÁN.

Nhơ thói ruồi xanh. pha nói cô trắng.
Như *Vương-lão* quả tình nên thứ tội,
Vã văn lý cũng trong tay mực thước.
Can gì không xét lẽ rõ oan.
Thấy *Kiều-nhi* còn thế bán ra tiền.
Giả từ tâm mà lựa khóe lưới-chài.
Lẽ đâu có dứt dây lòn dó.
Người hữu lộc chẳng bỉnh công thủ pháp,
Ăn dã no còn có sự cô ân.
Bạc tham tang ba trăm lượng tô-tướng,
Chiếu quốc luật dã dư trong nhất tử.
Người hiếu nữ mười lăm năm dày-dọa,
Luận âm công ưng phạt cập tam sinh.
Trước cho đoàn chúng thấy giựt mình,
Sau dề bàng quan trông sướng mắt.

MÃ-GIÁM-SANH, TÚ-BÀ ÁN.

Chung lưng hương phấn. mở phố nguyệt hoa.
Một dứa lá bợm xác gặp hồi den,

Quen tuồng cũ kiếm ăn lập nghiệp.
Một con là dĩ già dà hết lộc,
Chác nghề riêng chăm-chút sinh nhai.
Mặt cưa mướp dắng, vui phận xác xương.
Vỗ lựu máu gà, quen bề truyền miệng.
Mượn tiếng lấy ngàn vàng mua giá ngọc,
Cho con ong mở lối dóa trà mi.
Cố tình dem bác nghệ phả lòng son,
Thuê thằng khoái bẻ khoá buồng ngưng bích.
Chẳng thương dến vàng phai ngọc nát,
Nỡ làm cho bướm chán ong chường.
Xét tên kia quả lẫn tích còn dồ,
Phán minh vô nghĩa bất nhơn.
Thể yêu trẩm phủ pháp trưởng thị chúng.
Trà mụ nọ thị *Tú-bà* bồn sắc,
Dịch xác hiếp lương vi kỉ,
Tội phàn thầy giao ngũ mã tư hình.

— —

SỞ-KHANH ÁN

Vốn phường xỏ lá, quen thói lừa hoa.
Sẵn một tay giũn mấy dóa phù dung,
Chứng *Mã-kiều* khai dã phân minh.
Lật mặt xấp mày tình dã hiển.
Tham ba hốt hại chiếc thân bồ liễu,
Tờ *tích việt* hiện tồn tự tích,
Vô hồng giày tia tội khôn tha.
Cứ án biên dắc tài luật khoa hình.
Nghĩ cái phận trẩm giam hậu đãi thẩm.

BẠC-HẠNH, BẠC-BÀ ÁN.

Một ổ bợm già, vốn nghề hàng viện.
Mắng dược khách son phai phấn lợt,
Tìm đường hung-hiểm ép tơ dào.
Dòm-dỏi khuôn vốn một lời mười,
Lập chước dảo-dièn tranh mặt bạc.
Án từ dich xác, tang vật hiển nhiên.
Đứa mụ dầu má lấy sáu mươi quan,
Tình khả ố gia giảo giam hậu.
Thằng buôn sóng kể đá hai mươi hốt,
Tội nan dung ưng nghị trảm kièu.

HOẠN-PHU-NHÂN ÁN.

Nhờ dức ấm phong, chánh ngôi mạng phụ.
Bề thảo ngay lẽ lấy minh làm trước,
Lập nghiêm cho chính chốn què môn.
Dặng ở-ăn không dể dức cho con,
Lưu tệ nỡ hư nền phước lộc.
Sao không nghĩ phước dức tại mẫu,
Mà nỡ dem bạc-ác giáo nhi ?
Chiu con má hội dẳng chỉnh thuyền.
Ngàn dặm dám buông-tuồng việc dữ.
Dự lộc nước mà ỷ quyền lộng phép.
Tấc giang không khiếp-sợ oai trời.
Nỗi xử làm quả thật kẻ đa-doan,
Cơn dào án lẫm phương thoát võng.
Chờ tróc hoạch dich thân, sẽ án luật trị tội.

THẰNG-KHUYỀN, THẰNG-ƯNG ÁN.

Dạ vượn lòng hươu, dẫn trâu mặt khỉ.
Tra đến lẽ thuyền-bè riêng vượt bể,
Bắt người buông lửa há rằng oan ?
Thương vì tình cơm áo nặng vào mình,
Giày lạnh xông than nên phải khó.
Tuy biết tứ hành là phạm pháp,
Song mà sở mạng dám từ nan.
Chiếu vì tùng phát phối viễn vi nô
Chớ hiệu lực hứa hồi dân sinh nghiệp.

HỒ-TÔNG-HIẾN ÁN.

Cầm quyền phủ tiện, mang tiếng kinh luân.
Trải mấy phen xô-xát đã kinh hơi.
Chực thế tháo lui khôn chống sức.
Nhờ được lúc hẵng-hờ ra rước sứ.
Đánh kẻ chạy lại lấy làm công.
Lượng bất nhân không thẹn tiếng đến triều,
Công tự đại những khoe ran với chúng.
Khi quá chén vuốt râu khoe trí cả.
Trông mặt trưng tráo gầm má nhơ ;
Lúc mê dớn gục mặt dọng niềm riêng.
Nói tiếng giọng ve nghe cũng lẩu.
Công ấy tội nầy vâng thỉnh nghị,
Gươm kia ấn nọ hãy quyền thâu.
Bày nhơn thu thẩm giải kỳ.
Vâng cụ án văn trình nghị.

KIM, VÂN, KIỀU, TẬP ÁN

CHUNG.